

**DANH SÁCH CÁC CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN
ĐỢT 2 NĂM 2026**

(Đính kèm Quyết định số ngày tháng 9 năm 2026 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn)

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1	LS-4029	Nguyễn Văn An	Nam	18/08/1999	Quán Bông, Cẩm Lý, Bắc Ninh	
2	LS-4030	Trần Hồng An	Nam	12/08/1995	Thôn 8, Xã Xuân Du, Tỉnh Thanh Hoá	
3	LS-4031	Bùi Thị Mai Anh	Nữ	28/01/1995	An Biên, Hải Phòng	
4	LS-4032	Bùi Tuấn Anh	Nam	26/10/1986	Giao Tự, Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	
5	LS-4033	Hứa Thị Vân Anh	Nữ	15/02/1988	Bản Ngã Ba, Xã Mùong Kim, Tỉnh Lai Châu	
6	LS-4034	Lê Đức Anh	Nam	28/03/2005	Thôn Đoàn Kết, Xã Tây Yên Tử, Bắc Ninh	
7	LS-4035	Lê Quỳnh Anh	Nữ	30/06/1998	Tổ 2 Khu 3 Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Quảng	
8	LS-4036	Lê Thị Ngọc Anh	Nữ	19/02/1986	Thôn 5, Xã Liên Minh, TP Hà Nội	
9	LS-4037	Lê Tuấn Anh	Nam	11/05/1994	Bạch Đa, Tiến Thắng, Hà Nội	
10	LS-4038	Lê Tuấn Anh	Nam	25/05/1993	Xóm 8, Khu phố Thông Quan Thượng, Khoái	
11	LS-4039	Ngô Tuấn Anh	Nam	30/06/1993	Thôn 1, Tân Sơn, xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hóa	
12	LS-4040	Nguyễn Ngọc Anh	Nam	30/04/1992	Số 10 ngách 46 ngõ 165 đường Đà Nẵng, Ngô	
13	LS-4041	Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	20/01/1986	185B Nguyễn Ngọc Nại, Phương Liệt, Hà Nội	
14	LS-4042	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	09/09/1993	3B, 143/101 Phố Chợ Khâm Thiên, Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	
15	LS-4043	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	05/07/1985	Số 170 Thôn Trần Phú, Thường Tín, Hà Nội	
16	LS-4044	Nguyễn Thị Mai Anh	Nữ	27/11/1992	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	
17	LS-4045	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Nữ	07/09/1998	Vọng Hải, Thái Ninh, Hưng Yên	
18	LS-4046	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	18/04/1993	P. Giảng Võ, TP. Hà Nội	
19	LS-4047	Phạm Ngọc Anh	Nữ	25/11/1991	Hồng Bàng, Hải Phòng	
20	LS-4048	Phạm Tuấn Anh	Nam	14/02/1994	101 A20 Tập thể Đồng Xa Tổ 8, phường Phú Diễn,	
21	LS-4049	Phan Đức Anh	Nam	27/08/1994	Lô 356 khu tái định cư A51, Phường An Biên, Hải	
22	LS-4050	Phan Thị Thúy Anh	Nữ	08/12/1995	Đại Mỗ, Hà Nội	
23	LS-4051	Trần Diệu Anh	Nữ	13/09/1996	Số 1B, Ngõ 559/14/28 Kim Ngưu, Phường Vĩnh	
24	LS-4052	Trần Ngọc Anh	Nữ	23/10/1997	Thôn Kim Đới 3, xã Tiên Lãng, Hải Phòng	
25	LS-4053	Trần Việt Anh	Nam	17/11/1995	362 Văn Cao, An Khê 1, Phường Hải An, Hải	
26	LS-4054	Vũ Diễm Anh	Nữ	07/07/2005	9/15/5 Vọng Hà, Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà	
27	LS-4055	Vũ Hồng Vân Anh	Nữ	20/02/1998	P. Việt Hưng, T. Quảng Ninh	
28	LS-4056	Vũ Quỳnh Anh	Nữ	17/12/1972	P39-40-C5 tập thể Đại học quốc gia, Phường Thanh	
29	LS-4057	Nguyễn Văn Anh	Nam	15/06/ 1995	Thôn 1,xã Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	
30	LS-4058	Bùi Thị Vân Anh	Nữ	14/03/1995	Số 20/8/108 Trần Phú, TDP 7, Mộ Lao, Hà Đông,	
31	LS-4059	Nguyễn Trọng Tuấn Anh	Nam	20/03/1991	21A, Tổ 7 Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội	
32	LS-4060	Trần Hồng Anh	Nam	30/01/2003	Nam Lý, Ninh Bình	
33	LS-4061	Trần Phương Anh	Nữ	23/08/2004	P. Hồng An, TP. Hải Phòng	
34	LS-4062	Sử Vũ Hải Anh	Nữ	24/05/1979	Đống Đa, Hà Nội	
35	LS-4063	Lê Vân Anh	Nữ	09/10/1999	Gia Lâm, Hà Nội	
36	LS-4064	Võ Trần Hải Anh	Nam	06/11/2005	Tổ dân phố 14, phường Từ Liêm, Hà Nội	
37	LS-4065	Đoàn Tuấn Anh	Nam	12/11/2002	Kiến An, Hải Phòng	
38	LS-4066	Nguyễn Đức Anh	Nam	19/10/2003	Trần Thành, An Hưng, Hải Phòng	
39	LS-4067	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	05/05/1990	7 Tiên Hội, An Lão, Hải Phòng	
40	LS-4068	Nguyễn Thị vân Anh	Nữ	25/07/1985	Hồng Bàng, Hải Phòng	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
41	LS-4069	Dương Thị Ánh	Nữ	10/02/1992	Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh	
42	LS-4070	Đàm Thị Hồng Ánh	Nữ	29/02/2000	Thôn 10 Phụng Công, Hưng Yên	
43	LS-4071	Hoàng Thị Ánh	Nữ	18/10/1992	Xóm 5 xã Hải Thịnh, tỉnh Ninh Bình	
44	LS-4072	Hoàng Thị Ánh	Nữ	05/07/1987	Số 10, Ngõ 28, Khu Yên Lãng 3, Mạo Khê, Quảng	
45	LS-4073	Nguyễn Văn Ánh	Nam	07/01/1979	Lục Ngạn, Bắc Ninh	
46	LS-4074	Phạm Thị Ánh	Nữ	30/05/1994	Xóm 2 -Thôn Hoàng- Đồng Tâm - Mỹ Đức -Hà	
47	LS-4075	Trần Đình Ánh	Nam	20/01/2002	Thôn Nhật Tân, Xã Đồng Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh	
48	LS-4076	Ngô Đắc Bằng	Nam	15/01/1984	Xóm 2, Xuân Tân, Xuân Trường, Nam Định	
49	LS-4077	Bùi Trọng Bằng	Nam	09/12/1982	Mê Linh, Hà Nội	
50	LS-4078	Trần Viêt Bảo	Nam	24/10/2002	Xóm Sơn Thủy, Xã Đồng Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh	
51	LS-4079	Nguyễn Văn Bảo	Nam	04/06/1978	Long Biên, Hà Nội	
52	LS-4080	Hoàng Văn Bé	Nam	09/06/1985	Thôn Nà Thâm, Xã Ba Sơn, Lạng Sơn	
53	LS-4081	Nguyễn Ngọc Bích	Nữ	27/04/2000	Kính Nỗ, Thư lâm, Hà Nội	
54	LS-4082	Trần Thị Bích	Nữ	29/12/1985	Phú An ,Thanh Đa ,Phúc Thọ Hà Nội	
55	LS-4083	Nguyễn Thị Bích	Nữ	12/01/1984	Tòa CT2-105, Khu đô thị Văn Khê, Phường Hà	
56	LS-4084	Nguyễn Đình Biên	Nam	20/01/1986	L1408-HH2- Khu ĐTM Dương Nội - Yên Nghĩa -	
57	LS-4085	Nguyễn Văn Biên	Nam	20/01/1986	TDP Nam Bắc Thành , phường Tân An, tỉnh Bắc	
58	LS-4086	Ngô Văn Bính	Nam	28/12/1986	TDP A2, phường phúc Thuận , Thái Nguyên	
59	LS-4087	Nguyễn Thị Hoà Bình	Nữ	28/11/1998	SN 24/19, Tổ 19, phường Trung Sơn, Tỉnh Ninh	
60	LS-4088	Phạm Thị Bình	Nữ	16/12/1995	Hải An, Hải Phòng	
61	LS-4089	Lai Xuân Bình	Nam	24/08/1980	Tiên Hội, xã An Lão, Hải Phòng	
62	LS-4090	Kiều Duy Bộ	Nam	07/07/1987	Xóm Bắc Bé, xã Yên Trạch, tỉnh Thái Nguyên	
63	LS-4091	Chu Thị Bông	Nữ	30/01/1982	Khối Đại Sơn, Phường Kỳ Lừa, Tỉnh Lạng Sơn	
64	LS-4092	Hoàng Văn Cai	Nam	29/12/1989	Khối Sơn Hồng, P Kỳ Lừa, Lạng Sơn	
65	LS-4093	Nông Thị Cam	Nữ	28/10/1985	Tam Lung, Đồng Đăng, Lạng Sơn	
66	LS-4094	Đồng Thanh Cẩm	Nam	15/07/1979	Phú Minh, Sóc Sơn, Nội Bài, Hà Nội	
67	LS-4095	Nguyễn Huyền Châu	Nữ	22/12/2000	Tổ 29, Phường Hoàng Mai, Hà Nội	
68	LS-4096	Nguyễn Thị Kim Chi	Nữ	15/12/2005	Thôn Điện Bàn, Xã Trần Thương, Tỉnh Ninh Bình	
69	LS-4097	Đỗ Văn Chí	Nam	12/12/1982	Đông Anh - Hà Nội	
70	LS-4098	Hoàng Đức Chiến	Nam	24/05/1995	Thôn 6 Cát Bà, Đặc Khu Cát Hải, Hải Phòng	
71	LS-4099	Nguyễn Anh Chiến	Nam	15/7/1984	xã Nội Bài, Hà Nội	
72	LS-4100	Nguyễn Duy Chiến	Nam	12/02/1984	Xóm 5, Tự Lập, Mê Linh, Hà Nội	
73	LS-4101	Nguyễn Văn Chiến	Nam	25/06/1990	TDP số 15, Phường Phú Diễn, TP Hà Nội	
74	LS-4102	Trần Mạnh Chiến	Nam	13/07/2002	Tổ dân phố An Trại, phường Hòa Bình, Hải Phòng	
75	LS-4103	Nguyễn Việt Chinh	Nữ	27/10/2002	xã Tây Tiễn Hải, tỉnh Hưng yên	
76	LS-4104	Phạm Đình Chính	Nam	13/06/1992	Quán Bó, An Hưng, Hải Phòng	
77	LS-4105	Vũ Ngọc Chinh	Nam	15/11/1984	Xóm Gà, Xã Đông Anh, TP Hà Nội	
78	LS-4106	Nguyễn Huy Chúc	Nam	17/9/1979	Xóm Đình, Thôn Văn Lôi, xã Tiến Thắng, Hà Nội	
79	LS-4107	Lê Đình Chung	Nam	04/07/1985	Xóm 5 Yên Phú, xã Thường Tín, Hà Nội	
80	LS-4108	Nguyễn Công Chung	Nam	23/01/1989	Hoàng Văn Thụ, Hồng Bàng, Hải Phòng	
81	LS-4109	Nguyễn Đình Chung	Nam	29/12/1996	Tiên Lãng, Hải Phòng	
82	LS-4110	Phạm Xuân Chường	Nam	31/05/1991	Vĩnh Bảo, Hải Phòng	
83	LS-4111	La Tiến Công	Nam	14/05/1986	17 Đào Duy Từ, Phường Đông Kinh, Tỉnh Lạng	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
84	LS-4112	Bùi Chí Công	Nam	01/09/1995	Giảng Võ, Hà Nội	
85	LS-4113	Nguyễn Huy Công	Nam	30/09/1990	Tam Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng	
86	LS-4114	Cao Bá Cửa	Nam	11/09/1981	Kiều Kỳ, Gia Lâm, Hà Nội	
87	LS-4115	Nguyễn Thị Kim Cúc	Nữ	25/08/1983	Cao Xá, Quang Hưng, Hưng Yên	
88	LS-4116	Nguyễn Viết Cường	Nam	24/01/1977	Ngõ 15 Nguyễn Tất Thành, Phường Vĩnh Phúc,	
89	LS-4117	Phạm Quốc Cường	Nam	24/05/2005	Tân Thuận, Hưng Yên	
90	LS-4118	Trương Hữu Cường	Nam	29/08/1992	Thôn Khương Tư, Thanh Khương, Thuận Thành,	
91	LS-4119	Dương Quảng Đại	Nam	05/10/1984	Khối 8 Phường Tam Thanh, Tỉnh Lạng Sơn	
92	LS-4120	Đặng Ngọc Đại	Nam	23/05/1983	Thôn Khúc Thủy, Xã Bình Minh, TP Hà Nội	
93	LS-4121	Đào Đức Đại	Nam	23/01/1983	Long Biên, Hà Nội	
94	LS-4122	Nguyễn Văn Đàm	Nam	12/05/1990	Kha Sơn, Thái Nguyên	
95	LS-4123	Nguyễn Văn Dân	Nam	03/09/1974	Tổ 8, Cụm Thượng Thanh, Phường Việt Hưng, Hà	
96	LS-4124	Hồ Thị Đan	Nữ	06/09/1992	Chợ hàng, Lê Chân, TP Hải phòng	
97	LS-4125	Trần Tuấn Đăng	Nam	20/03/1993	Số 04 Âu Cơ, Khu 1, Phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc	
98	LS-4126	Phạm Đăng	Nam	05/09/2007	Thôn Bình Hồ, Xã Quảng Lăng, Ân Thi, Hưng Yên	
99	LS-4127	Nguyễn Văn Đạo	Nam	12/06/1988	tổ 24 Nghĩa Đô, Hà Nội	
100	LS-4128	Ngô Quang Đạo	Nam	29/05/1997	Thôn 3 Hoa Sơn, Anh Sơn, Nghệ An	
101	LS-4129	Vũ Tuấn Đạt	Nam	25/04/1993	Khu 6, Phường Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ	
102	LS-4130	Nguyễn Văn Đạt	Nam	02/10/1976	Huyện Kỳ, Phú Lâm, Hà Đông, Hà Nội	
103	LS-4131	Đinh Văn Đạt	Nam	02/09/1987	Yên Đình, Đào Viên, Bắc Ninh	
104	LS-4132	Nguyễn Thành Đạt	Nam	10/01/1996	Thôn 1 Giang Cao, Bát Tràng, TP Hà Nội	
105	LS-4133	Nguyễn Thành Đạt	Nam	02/08/1996	P. Xuân Đình, TP. Hà Nội	
106	LS-4134	Lê Văn Đạt	Nam	09/07/2002	Khởi Nghĩa, An Hưng, Hải Phòng	
107	LS-4135	Đỗ Thị Diễm	Nam	07/03/1984	Cổ Giang, Thuận An, Hà Nội	
108	LS-4136	Phạm Thị Kiều Diễm	Nam	09/08/1992	Số 5 ngõ 8 tổ 10 Khu Ga, Xã Đồng Đăng, Tỉnh	
109	LS-4137	Nguyễn Xuân Diễm	Nam	02/08/1993	Thịnh Liệt - Đồng Tàu - Hoàng Mai - Hà Nội.	
110	LS-4138	Đào Bạch Diệp	Nam	02/10/1991	TDP Trung, Lưu Kiếm, Hải Phòng	
111	LS-4139	Nguyễn Ngọc Diệp	Nam	06/08/1995	KĐT Vin home OCP Gia Lâm, Hà Nội	
112	LS-4140	Phạm Thị Diệp	Nam	15/12/1980	Căn hộ B1814, TDP Golden Palace, Từ Liêm, Hà	
113	LS-4141	Lương Xuân Diệp	Nam	05/08/1991	Thôn Nà Pét xã Minh Quang, Tỉnh Tuyên Quang	
114	LS-4142	Nguyễn Hồng Điều	Nam	19/02/1968	Bồ Đề - Hà Nội	
115	LS-4143	Nguyễn Văn Định	Nam	02/12/1983	186 Ngô Quyền, TDP 15, phường Hà Đông, Hà	
116	LS-4144	Trần Thị Dịu	Nam	04/09/2001	Thôn 11 xã Chợ Mới Tỉnh Thái Nguyên	
117	LS-4145	Trần Thị Dịu	Nam	27/02/1985	Số 11 Ngõ 73, Phố Hoa Lâm, Việt Hưng, Hà Nội	
118	LS-4146	Đỗ Văn Đoàn	Nam	05/02/1988	Vạn Phúc Xuyên, xã Yên Lãng, Hà Nội	
119	LS-4147	Nguyễn Hoàng Đoàn	Nam	22/10/1988	Bạch Đằng, Hải Phòng	
120	LS-4148	Nguyễn Văn Đoàn	Nam	17/03/2000	Xóm 14, Thôn 3, xã Yên Lãng, Hà Nội	
121	LS-4149	Phạm Văn Đoàn	Nam	05/08/1984	TDP Sim Bắc, phường Hòa Bình, Hải Phòng	
122	LS-4150	Thân Văn Đoàn	Nam	20/01/1982	Kha Sơn, Thái Nguyên	
123	LS-4151	Phạm Quốc Doanh	Nam	06/10/1985	Tổ 20 Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	
124	LS-4152	Nguyễn Hữu Đông	Nam	02/03/1997	TDP Nam Hưng, Cát Thành, Ninh Bình	
125	LS-4153	Nguyễn Ngọc Đông	Nam	03/12/1993	Khu 1, xã Hiền Lương, Tỉnh Phú Thọ	
126	LS-4154	Trần Văn Đông	Nam	14/11/1985	Thôn Nhân Hữu, Nhân Thắng, Gia Bình, Bắc Ninh	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
127	LS-4155	Nguyễn Thị Dự	Nam	12/10/1986	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	
128	LS-4156	Bùi Huỳnh Đức	Nam	25/01/2005	Thôn 2, xã Chí Minh, Tỉnh Hưng Yên	
129	LS-4157	Hà Mạnh Đức	Nam	30/08/2004	Lô 42, đường An Thượng 29, phường Ngũ Hành	
130	LS-4158	Nguyễn Đình Đức	Nam	20/07/1978	23/898/24 đường Láng Láng thượng Đống Đa Hà	
131	LS-4159	Nguyễn Minh Đức	Nam	29/01/1993	Tổ 1 Khu phố Thanh Sơn 7, Phường Ưông Bí,	
132	LS-4160	Nguyễn Vũ Việt Đức	Nam	28/04/1995	CH 1406A Chung cư CT1 Tổ 17, Long Biên, Hà	
133	LS-4161	Phạm Ngọc Đức	Nam	03/01/2003	Thọ Xuân, Kiến Thụy, Hải Phòng	
134	LS-4162	Trần Minh Đức	Nam	18/12/1988	Tổ 3 Nam Thạch A, Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng	
135	LS-4163	Nguyễn Văn Đức	Nam	04/11/1992	Hoàng Kênh, Vĩnh Hải, Hải Phòng	
136	LS-4164	Hoàng Thị Dung	Nam	15/01/1990	Thôn Đầu Cầu, Xã Lạng Giang, Tỉnh Bắc Ninh	
137	LS-4165	Ngân Thị Hòa Dung	Nam	20/08/1984	14 Nguyễn Khuyến, Phường Văn Miếu, Quốc Tử	
138	LS-4166	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Nam	7/16/1984	phường Thanh Liệt, Hà Nội	
139	LS-4167	Trần Thị Phương Dung	Nam	22/11/1984	Tổ 30, Phường Định Công, Hà Nội	
140	LS-4168	Triệu Thị Dung	Nam	4/8/1984	Lương Văn Tri, Lạng Sơn	
141	LS-4169	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Nam	13/12/1980	Ấp Hội, Kim Sơn, Châu Thành, Đồng Tháp	
142	LS-4170	Dương Tiến Dũng	Nam	04/09/1994	Thôn 9, Xã Hoà Lạc, Hà Nội	
143	LS-4171	Nguyễn Quang Dũng	Nam	23/03/1994	Đường Khương Đình, phường Khương Đình, Hà	
144	LS-4172	Phạm Chí Dũng	Nam	18/08/1993	Lê Chân, Hải Phòng	
145	LS-4173	Phí Mạnh Dũng	Nam	23/07/1980	Ngõ số nhà 54, đường Đèo Giang, Phường Lương	
146	LS-4174	Trần Tiến Dũng	Nam	20/12/1989	Thôn Xuân Hoà, THương Mai, Việt Yên, Bắc	
147	LS-4175	Trần Văn Dũng	Nam	22/12/1984	35-35A ngõ 11 lương định của phường kim liên Hà	
148	LS-4176	Vũ Đình Dũng	Nam	04/04/1997	Đội 4, Thôn Mộ Trạch, Xã Đường An, TP Hải	
149	LS-4177	Phan Tiến Dũng	Nam	20/11/1995	P. Tây Mỗ, TP. Hà Nội	
150	LS-4178	Nguyễn Viết Đước	Nam	13/03/1990	Lũng Sơn, Tiên Du, Bắc Ninh	
151	LS-4179	Trần Hồng Dương	Nam	11/12/2006	Long Biên, Hà Nội	
152	LS-4180	Trần Thị Thuý Dương	Nam	01/01/1984	Tổ 18, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu	
153	LS-4181	Nguyễn Thành Dương	Nam	16/10/1996	Thôn Như Lân, Long Hưng, văn Giang, Hưng Yên	
154	LS-4182	Trần Đông Dương	Nam	14/04/1980	Phường Cầu Giấy, TP. Hà Nội	
155	LS-4183	Nguyễn Đại Dương	Nam	07/03/1999	TDP Tân Dương 7, Phường Thuỷ Nguyên, Hải	
156	LS-4184	Nguyễn Minh Dương	Nam	18/08/1989	An Dương, Hải Phòng	
157	LS-4185	Nguyễn Quang Dương	Nam	12/07/1995	TPP 3 Đoàn, xã Yên Lạc, tỉnh Phú Thọ	
158	LS-4186	Nguyễn Thị Hải Dương	Nam	29/07/1992	Đội 8 Thôn 5, QUẢNG BỊ, Chương Mỹ, Hà Nội	
159	LS-4187	Nguyễn Thị Thuý Dương	Nam	15/02/2002	Khu Phúc Đình, xã Tây Cốc, Tỉnh Phú Thọ	
160	LS-4188	Nguyễn Văn Dương	Nam	10/09/1991	Số 56 ngõ 373 ADV Tổ 12 Phường Phú Thượng,	
161	LS-4189	Phạm Quốc Dương	Nam	21/06/1975	X. Cổ Đô, TP. Hà Nội	
162	LS-4190	Phạm Văn Dương	Nam	02/05/1993	Vĩnh Bảo, Hải Phòng	
163	LS-4191	Bùi Đức Duy	Nam	10/09/1995	Số 15, Tổ 6 Khu 4, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng	
164	LS-4192	Đình Văn Duy	Nam	14/09/1991	Thôn Ngưu Trì, xã Nam Trực, Tỉnh Ninh Bình	
165	LS-4193	Nguyễn Văn Duy	Nam	13/05/1993	Thôn Đồn, xã Tam Dương, Phú Thọ	
166	LS-4194	Phạm Ngọc Duy	Nam	21/07/1993	Thúc Khang, Bình Giang, Hải Phòng	
167	LS-4195	Trần Đức Duy	Nam	17/02/1989	Hồng Bàng, Hải Phòng	
168	LS-4196	Phạm Minh Duy	Nam	12/10/1984	Số 36/533 Bà Triệu, phường Đông Kinh, Lạng Sơn	
169	LS-4197	Nguyễn Thị Duyên	Nam	11/08/1997	Thôn Thái Hòa, xã Quảng Bị, TP Hà Nội	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
170	LS-4198	Nguyễn Thị Duyên	Nam	21/10/1991	42 Phạm Hữu Điều, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải	
171	LS-4199	Nguyễn Thị Duyên	Nam	19/09/1989	Thôn Phú Thành 3, Xã Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai	
172	LS-4200	Nông Thị Duyên	Nam	21/12/1995	X. Chấn Hưng, TP. Hải Phòng	
173	LS-4201	Mông Ngọc Duyên	Nam	21/08/2007	Khuổi Tọc, Hội Hoan, Lạng Sơn	
174	LS-4202	Bùi Ninh Giang	Nữ	06/02/1984	CT4 KNO Phú Lâm, Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	
175	LS-4203	Ngô Trọng Giang	Nam	16/11/1973	Số 294 Tô 24 phường Tương Mai, Hà Nội	
176	LS-4204	Nguyễn Hương Giang	Nữ	08/05/1979	Đội 1, Sáp Mai, Xã Thiên Lộc, TP Hà Nội	
177	LS-4205	Nguyễn Thị Giang	Nữ	12/06/1988	72C B14 Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, Hà Nội	
178	LS-4206	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	02/08/1984	8B, ngách 77/9 Bùi Xương Trạch, Phường Khương	
179	LS-4207	Nhữ Hà Giang	Nữ	28/03/2006	Đội 1, thôn Mộ Trạch, xã Đường An, Hải Phòng	
180	LS-4208	Trần Thùy Giang	Nữ	20/09/1993	P. Hà Lâm, T. Quảng Ninh	
181	LS-4209	Nguyễn Thị Quỳnh Giang	Nữ	03/03/1999	residence Thôn Hợp Hòa Quảng Hoa, Ba Đồn,	
182	LS-4210	Đỗ Trường Giang	Nam	05/10/2003	Thành phố Hà Nội	
183	LS-4211	Nguyễn Thị Giang	Nữ	26/09/1989	Nghi Dương, Hải Phòng	
184	LS-4212	Chu Ngọc Giao	Nam	27/12/1986	552 Trần Khát Chân, phường Phố Huế, quận Hai	
185	LS-4213	Tăng Minh Giao	Nam	01/05/1993	Tổ 39A, khu phố Quang Trung 11, P. Ưông Bí,	
186	LS-4214	Đỗ Hữu Giáp	Nam	22/01/2004	Thôn Liên Hiệp 7, Hát Môn, Hà Nội	
187	LS-4215	Nguyễn Văn Giáp	Nam	24/12/1986	Thôn Thái Hòa, Xã Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ,	
188	LS-4216	Nguyễn Viết Giáp	Nam	23/02/1990	TDP 1, phường Đại Mỗ, TP. Hà Nội	
189	LS-4217	Đoàn Thị Thu Hà	Nam	19/06/1978	SN 617 - tổ 55 - Khu 6 - phường Hà Lâm - Hạ	
190	LS-4218	Đỗ Thị Khánh Hà	Nam	03/05/1996	Khu ĐTM Tây Hồ Tây, TDP Hoàng 3, Phường	
191	LS-4219	Hoàng Thu Hà	Nam	22/11/1999	Tổ 9, Khu 1, Phường Hà Lâm, Tỉnh Quảng Ninh	
192	LS-4220	Lê Thị Ngọc Hà	Nữ	12/07/1993	27/182 Đà Nẵng, Lạc Viên, Ngô Quyền, Hải Phòng	
193	LS-4221	Nguyễn Huy Hà	Nam	10/06/1987	TDP Chính Trung, Xã Gia Lâm, TP Hà Nội	
194	LS-4222	Nguyễn Mạnh Hà	Nam	15/04/1973	178 Tây Sơn, Phường Đồng Đa, TP Hà Nội	
195	LS-4223	Nguyễn Thị Hà	Nữ	11/01/1976	P. Xuân Đình, TP. Hà Nội	
196	LS-4224	Nguyễn Thị Thu Hà	Nam	24/02/1991	Toà TSC 34 ngõ 164 Khuất Duy Tiến, Thanh	
197	LS-4225	Trần Thúy Hà	Nam	02/11/1977	Phường Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	
198	LS-4226	Vũ Thị Hà	Nữ	02/04/1990	C514, Chung cư Phúc Hưng - TDP Phố Nối,	
199	LS-4227	Nguyễn Văn Hà	Nam	17/05/1974	Thôn Đồi Miếu, xã Xuân Mai, Hà Nội	
200	LS-4228	Trần Thị Thu Hà	Nữ	26/07/1992	Thôn 1, Kinh Giao, Tân Tiến, An Dương, Hải	
201	LS-4229	Trần Thu Hà	Nữ	10/05/1984	Phú Bình, Thái Nguyên	
202	LS-4230	Dương Thị Hà	Nữ	05/07/1994	Phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	
203	LS-4231	Nguyễn Mạnh Hà	Nam	05/02/1988	P. Lê Chân, TP. Hải Phòng	
204	LS-4232	Đỗ Thái Hà	Nữ	22/10/1986	TDP Ecolife, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	
205	LS-4233	Đỗ Thị Hà	Nữ	29/07/1989	TDP Láp Trên ,Phường Vĩnh Phúc Tỉnh Phú Thọ	
206	LS-4234	Lại Đức Hải	Nam	28/09/1992	Thôn Dương Xá, Thanh Hà, Thanh Liêm, Hà Nam	
207	LS-4235	Mai Trọng Hải	Nam	29/01/1982	TDP Hạnh Tây Mỗ, Nam từ Liêm, Hà Nội	
208	LS-4236	Ngô Văn Hải	Nam	14/11/1982	Đông Thủy, Sóc Sơn, Hà Nội	
209	LS-4237	Nguyễn Hồng Hải	Nam	21/06/1997	Thôn Bằng Sở, xã Hồng Vân, TP. Hà Nội	
210	LS-4238	Nguyễn Quang Hải	Nam	01/01/1987	KĐT Đặng Xá, xã Gia Lâm, Hà Nội	
211	LS-4239	Nguyễn Thị Hải	Nữ	02/07/1991	Thôn Nghĩa Lập, xã Vĩnh Hưng, tỉnh Phú Thọ	
212	LS-4240	Trần Đình Hải	Nam	15/10/1994	Thôn Thiện Đức, Thái Bảo, Gia Bình, Bắc Ninh	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
213	LS-4241	Trần Quang Hải	Nam	04/06/1984	P202 nhà B ngõ 218C Đội Cấn, Phường Ngọc Hà,	
214	LS-4242	Lê Thị Bích Hải	Nữ	13/07/1982	Số nhà 25, ngõ 299 đường Nguyễn Văn Giáp,	
215	LS-4243	Nguyễn Văn Hải	Nam	20/10/1968	TĐ18-8, Tờ Bản đồ 34, Hà Trì, Hà Cầu, Hà Đông,	
216	LS-4244	Trịnh Thị Hải	Nữ	10/08/1992	X. Hoàng Hóa, TP. Hà Nội	
217	LS-4245	Đinh Việt Hải	Nam	07/10/2001	Xóm 1. Thôn Vật Phụ, Xã Vật Lai, TP Hà Nội	
218	LS-4246	Trần Văn Hải	Nam	25/02/1988	Xóm đầu cầu ca, xã Kha Sơn, tỉnh Thái Nguyên	
219	LS-4247	Nguyễn Ngọc Hân	Nam	20/08/1978	Khu Phố Tiêu Thượng, Phường Tam Sơn, Tỉnh Bắc	
220	LS-4248	Nguyễn Ngọc Hân	Nam	15/10/1988	Khu Trà Xuyên, Phường Kinh Bắc, Tỉnh Bắc Ninh	
221	LS-4249	Phạm Thúy Hằng	Nam	12/06/1997	Tổ 7, Khu phố Vàng Danh 3, Phường Vàng Danh,	
222	LS-4250	Trần Thị Hằng	Nữ	13/06/1983	Thôn An Biên 2, phường Hoành Bồ, tỉnh Quảng	
223	LS-4251	Bùi Thị Hằng	Nữ	18/08/1997	P. Chu Văn An, TP. Hải Phòng	
224	LS-4252	Đinh Thuý Hằng	Nam	25/06/2000	P405 toà N4CD KĐT Trung Hoà Nhân Chính, Yên	
225	LS-4253	Hoàng Thị Hằng	Nữ	29/11/1981	TDP Làng Bàu, P. Vĩnh Phúc, Tỉnh Phú Thọ	
226	LS-4254	Khuất Thị Thu Hằng	Nữ	03/07/1984	Phường Sơn Tây, TP. Hà Nội	
227	LS-4255	Nguyễn Thanh Hằng	Nam	03/10/1992	Bắc Giang, Bắc Ninh	
228	LS-4256	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	2/19/1987	Kiến An, Hải Phòng	
229	LS-4257	Hà Thị Thu Hằng	Nữ	04/06/1979	Nhân Chính, Hà Nội	
230	LS-4258	Lê Thị Hằng	Nữ	14/07/1980	P. Đông Ngạc, TP. Hà Nội	
231	LS-4259	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	26/10/1984	X. Mễ Sở, T. Hưng Yên	
232	LS-4260	Bùi Thị Thu Hằng	Nam	10/09/1984	Tổ 8 phường Hà Đông, Hà Nội	
233	LS-4261	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	26/04/1991	Tổ 6, Xã Lục Yên, Tỉnh Lào Cai	
234	LS-4262	Nguyễn Thu Hằng	Nữ	09/07/2025	Nhân Hoà, Đại Thanh, Hà Nội	
235	LS-4263	Nguyễn Thị Hanh	Nữ	28/06/1988	Thôn Tây Hạ Đông 'Xã Liên Hòa 'Tỉnh Phú Thọ	
236	LS-4264	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	18/05/1988	Xã Kiến Thụy, Hải Phòng	
237	LS-4265	Bùi Đức Hạnh	Nam	12/09/1989	Phường Nghĩa Đô, TP Hà Nội	
238	LS-4266	Lê Hồng Hạnh	Nữ	08/03/1991	An Phong, Hải Phòng	
239	LS-4267	Nguyễn Hồng Hạnh	Nam	03/02/2007	Thôn Cốc Cáo, Xã Quý Lương, Thanh hoá	
240	LS-4268	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	12/05/1984	Tổ 21B, Khu phố Hà Khánh 3, Cao Xanh, Quảng	
241	LS-4269	Phạm Thị Hạnh	Nữ	20/03/2002	Lê Chân, Hải Phòng	
242	LS-4270	Phạm Thị Hạnh	Nữ	10/10/1978	Tổ 3, Khu 6, Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh	
243	LS-4271	Lưu Văn Hào	Nam	06/07/1986	Mê Linh - Hà Nội	
244	LS-4272	Đỗ Thị Hào	Nữ	20/07/1996	TDP Dư Xá, Phường Ninh Xá, Tỉnh Bắc Ninh	
245	LS-4273	CHu Thị Hào	Nữ	16/02/1990	Nhà 17 TT Chương Dương, Phường Hồng Hà, TP.	
246	LS-4274	Trịnh Thị Hào	Nữ	30/01/1987	P. Định Công, TP. Hà Nội	
247	LS-4275	Lại Thị Hồng Hát	Nữ	15/01/1994	Thôn Cự Quán, Xã Hoài Đức, Thành phố Hà Nội	
248	LS-4276	Đặng Văn Hậu	Nam	05/08/1981	68 Nhuệ Giang, Hà Đông, TP Hà Nội	
249	LS-4277	Trần Thị Hậu	Nữ	24/02/1983	Số 23C/161 Chùa Hàng, Lê Chân, Hải Phòng	
250	LS-4278	Đào Công Hậu	Nam	21/08/1992	Quán Bể, An Hưng, Hải Phòng	
251	LS-4279	Nguyễn Thị Hay	Nữ	25/03/2002	Tiên Lục, Bắc Ninh	
252	LS-4280	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	21/12/1992	Thuận Thành, Bắc Ninh	
253	LS-4281	Nguyễn Văn Hiến	Nam	29/06/1993	Yên Khánh, Ninh Bình	
254	LS-4282	Trần Thị Thu Hiền	Nữ	08/04/1995	tổ 32 phường Phúc Lợi,Hà Nội	
255	LS-4283	Cao Thị Minh Hiền	Nữ	27/07/1989	Thôn Thượng, Xã Thổ Tang, Phú Thọ	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
256	LS-4284	Dương Thu Hiền	Nam	23/10/1989	Phường Kỳ Lừa, tỉnh Lạng Sơn	
257	LS-4285	Lê Thị Hiền	Nữ	27/10/1984	Thôn 12 ,Xã Hội Thịnh ,Tỉnh Phú Thọ	
258	LS-4286	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	01/01/1990	81 Cầu Giấy, Hà Nội	
259	LS-4287	Phạm Thị Hiền	Nữ	28/03/1991	Thôn Bến Hội, Xã Vĩnh Hưng, Tỉnh Phú Thọ	
260	LS-4288	Trần Thị Thương Hiền	Nữ	01/01/1997	Thôn 2, xã Nam Lý, tỉnh Ninh Bình	
261	LS-4289	Trịnh Thị Hiền	Nữ	30/10/1994	Số nhà 157, Tổ 5, khu Gia Mô, phường Mạo Khê,	
262	LS-4290	Nguyễn Thu Hiền	Nữ	02/12/1993	Số 157 ngõ 189 Nguyễn Ngọc Vũ, tổ 5, phường	
263	LS-4291	Nguyễn Minh Hiền	Nữ	10/05/1980	469 Bạch Đằng, Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà	
264	LS-4292	Nguyễn Văn Hiên	Nam	04/02/1993	Phố 1A, Yên Khánh, Ninh Bình	
265	LS-4293	Lý Sinh Hiện	Nam	10/7/1986	Thôn Tân Ốc 1, Xã Lương Minh, Quảng Ninh	
266	LS-4294	Phùng Sỹ Hiệp	Nam	27/09/1982	Thôn 8, Trung Môn, Yên Sơn, Tuyên Quang	
267	LS-4295	Phạm Trung Hiếu	Nam	18/07/1976	61 Trần Thủ Độ, Tổ 6, phường Yên Sở, TP. Hà Nội	
268	LS-4296	Phùng Bích Hiếu	Nam	23/6/1979	74 Ngõ 67 Thái Thịnh Đống Đa Hà Nội	
269	LS-4297	Trần Minh Hiếu	Nam	20/05/1996	tổ 4B Khi 1A Hồng Hải, Phường Hạ Long, Tỉnh	
270	LS-4298	Phạm Công Hiếu	Nam	22/09/1996	Hải AN, Hải Phòng	
271	LS-4299	Giáp Thị Phương Hoa	Nữ	19/03/1968	Số 54 Kỳ Lừa, Phường Lý Lừa, Tỉnh Lạng Sơn	
272	LS-4300	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	04/08/1991	TDP Số 7 Phú Mỹ, Từ Liêm, TP Hà Nội	
273	LS-4301	Phạm Thị Hoa	Nữ	30/09/1984	P404 - H4, Phường Thanh Liệt - TP. Hà Nội	
274	LS-4302	Trần Thị Thanh Hoa	Nữ	14/08/1998	Thôn Phú Long 2, Xã Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai	
275	LS-4303	Thái Thị Hoa	Nữ	12/06/1988	Thôn Tân Ốc 1, Xã Lương Minh, Quảng Ninh	
276	LS-4304	Dương Thị Hoa	Nữ	17/02/1983	Phường Bán Phụng Châu, Chương Mỹ,Hà Nội	
277	LS-4305	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	12/11/1990	Tổ 39 Khu Phố Trung Vương 7, P. Vàng	
278	LS-4306	Phạm Thị Hoa	Nữ	18/08/1996	Kha Sơn, Thái Nguyên	
279	LS-4307	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10/01/1995	Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai	
280	LS-4308	Hoàng Thị Hoa	Nữ	01/01/1997	P. Hà Đông, TP. Hà Nội	
281	LS-4309	Hoàng Thị Hoa	Nữ	26/03/1992	801 CT8B KĐT Đặng Xá, Thuận An, Hà Nội	
282	LS-4310	Nguyễn An Hoà	Nam	20/01/1982	Xâm Dương 2, Hồng Vân, Hà Nội	
283	LS-4311	Phạm Thị Phương Hoà	Nữ	15/01/1995	TDP Cũ, An Phong, Hải Phòng	
284	LS-4312	Nguyễn Thị Hòa	Nữ	01/02/1997	Đồng Ngự, Ngũ Thái, Thuận Thành, Bắc Ninh	
285	LS-4313	Nguyễn Xuân Hòa	Nam	01/05/1988	TDP Đàm Điền, Thủy Nguyên, Hải Phòng	
286	LS-4314	Đào Quang Hòa	Nam	05/12/1985	Long Biên, Hà Nội	
287	LS-4315	Nguyễn Thị Hoài	Nữ	01/03/2000	Thôn Bói, Thượng Lan, Việt Yên, Bắc Giang	
288	LS-4316	Nguyễn Thị Hoài	Nữ	20/07/1991	Khu Sơn, Phường Hạp Lĩnh, Tỉnh Bắc Ninh	
289	LS-4317	Nguyễn Thị Thu Hoài	Nữ	22/09/1984	Đan Phượng, Hà Nội	
290	LS-4318	Trần Thị Hoài	Nữ	29/04/1988	Thôn Giáo Hạ 6, Xã Hát Môn, TP Hà Nội	
291	LS-4319	Nguyễn Công Hoan	Nam	15/08/1982	04/273 Thiên Lôi, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng	
292	LS-4320	Nguyễn Thị Thái Hoàn	Nữ	23/05/1971	35 DDN1, Tổ 8, Vạn Phúc, Hà Đông Hà Nội	
293	LS-4321	Trịnh Thị Bích Hoàn	Nữ	04/01/1989	Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng	
294	LS-4322	Nguyễn Huy Hoàng	Nam	29/07/1991	Thôn An Hoà, Xã Liêm Hà, Tỉnh Ninh Bình	
295	LS-4323	Nguyễn Mạnh Hoàng	Nam	24/10/1990	Số nhà 21, Tổ 6 Khu Phố Hồng Gai 2, Phường	
296	LS-4324	Nguyễn Xuân Hoàng	Nam	01/10/1982	P414 D8 KĐT Đặng Xá, Gia Lâm, Hag Nội	
297	LS-4325	Trần Khải Hoàng	Nam	24/11/1995	Số 40 Trần Tất Văn, TDP Trung Dũng, Xã An Lão,	
298	LS-4326	Trần Tôn Hoàng	Nam	01/01/1985	TDP Vĩnh Thịnh 4 Phường Vĩnh Yên Tỉnh Phú	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
299	LS-4327	Nguyễn Thái Hoàng	Nam	01/05/1987	Phú Bình, THái Nguyên	
300	LS-4328	Nguyễn Xuân Hoàng	Nam	20/04/1975	Tổ 25- Ngọc Thụy - Long Biên - Hà Nội	
301	LS-4329	Phạm Văn Hoạt	Nam	16/02/1976	An Biên, Hải Phòng	
302	LS-4330	Vũ Thị Hôi	Nam	03/02/1986	19b/246c Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng	
303	LS-4331	Uông Thị Hoi	Nữ	07/11/1983	Quế Võ, Bắc Ninh	
304	LS-4332	Lê Văn Hồng	Nam	15/04/1992	97/156 Vạn Kiếp, Hồng Bàng, Hải Phòng	
305	LS-4333	Ngô Thị Hồng	Nữ	28/10/1997	An Phụ, Kinh Môn, Hải Phòng	
306	LS-4334	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	30/11/1990	Thôn 2 Cát Lại, Xã Bình Lục, Tỉnh Ninh Bình	
307	LS-4335	Vũ Tuấn Hồng	Nam	12/30/1980	xã Hồng Vân, Hà Nội	
308	LS-4336	Vi Thị Bích Hồng	Nữ	02/10/1993	Phường Phú Lương, TP. Hà Nội	
309	LS-4337	Phạm Thúy Hồng	Nữ	22/08/1990	Kênh Dương, Lê CHan, Hải Phòng	
310	LS-4338	Lê Thị Hồng	Nữ	16/10/2000	Nam Sơn 2, An Hưng, Hải Phòng	
311	LS-4339	Nguyễn Văn Huân	Nam	18/06/1993	La Xuyên, Cổ Đô, Hà Nội	
312	LS-4340	Trần Đình Huân	Nam	01/01/1961	Tổ 17 Ngọc Thụy Long Biên Hà NộiCv	
313	LS-4341	Nguyễn Thanh Huế	Nữ	01/08/2003	Số nhà 89, tiểu khu 1, xã Mai Châu, tỉnh Phú Thọ	
314	LS-4342	Vũ Thị Huệ	Nữ	23/03/1990	Quang Hưng, Phù Cừ, Hưng Yên	
315	LS-4343	Hoàng Thị Thu Huệ	Nữ	21/01/1996	khối Hoàng Sơn, P. Tam Thanh, Lạng Sơn	
316	LS-4344	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	15/01/2002	Xóm Yên Lú, xã Hùng Châu, Nghệ An	
317	LS-4345	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	19/04/1994	Quảng Chính, Thanh Hóa	
318	LS-4346	Phạm Thị Ánh Huệ	Nữ	02/07/1990	391 Tổ 4 Phường Tương Mai, TP Hà Nội	
319	LS-4347	Đặng Xuân Hùng	Nam	01/03/1989	Tổ 24 Thượng Thanh, Long Biên, TP Hà Nội	
320	LS-4348	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	12/04/1985	phường Thành Đông, TP. Hải Phòng	
321	LS-4349	Hoàng Tuấn Hùng	Nam	12/12/2004	P907, toà 17T8, Hoàng Đạo Thuý, phường Yên	
322	LS-4350	Nguyễn Tiến Hùng	Nam	12/07/1980	63A, Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội	
323	LS-4351	Đoàn Mạnh Hùng	Nam	18/06/2001	Tổ 8, Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	
324	LS-4352	Nguyễn Văn Hùng	Nam	27/11/1987	Căn Hộ B-507, Tháp B Osaka Comple, Hoàng Liệt,	
325	LS-4353	Cao Thế Hưng	Nam	15/06/1989	Khu 5 xã Thạch Đồng huyện thanh Thủy tỉnh Phú	
326	LS-4354	Đoàn Thanh Hưng	Nam	28/04/1985	TDP số 8, Trịnh Văn Bô, Xuân Phương, TP. Hà	
327	LS-4355	Hoàng Quốc Hưng	Nam	24/08/1987	Hồng Bàng, Hải Phòng	
328	LS-4356	Lâm Quang Hưng	Nam	30/06/1993	Xóm Nhội, xã Thành Công, tỉnh Thái Nguyên	
329	LS-4357	Nguyễn Văn Hưng	Nam	12/06/1987	Kiến An, Hải Phòng	
330	LS-4358	Trịnh Văn Hưng	Nam	21/12/1981	Tổ 12 Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	
331	LS-4359	Nguyễn Đức Hưng	Nam	27/09/1976	Tân CƯơng, THái Nguyên	
332	LS-4360	Trịnh Văn Hưng	Nam	15/12/1989	Trung Thành, Thái Nguyên	
333	LS-4361	Nguyễn Hồng Hưng	Nam	02/07/1992	Phù Trì, Quang Minh, Hà Nội	
334	LS-4362	Cao Tuấn Hưng	Nam	13/10/2003	Định Công, Hà Nội	
335	LS-4363	Dương Thanh Hương	Nam	20/01/1995	Khu 7, Phường Hải Dương, TP Hải Phòng	
336	LS-4364	Đặng Thị Hương	Nữ	29/06/1990	Thôn Đạo Sử, xã Lương Tài, Bắc Ninh	
337	LS-4365	Đinh Thị Hương	Nữ	27/11/1981	Tổ 15 Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	
338	LS-4366	Đinh Thị Hương	Nữ	06/05/1995	Khối 2 Hoàng Văn Thụ, Lạng Sơn	
339	LS-4367	Đỗ Thị Hương	Nữ	04/01/1986	Thôn Phụng Thượng 2, Xã Phúc Thọ, Tp Hà Nội	
340	LS-4368	Hà Thị Mai Hương	Nữ	16/07/1992	TT130 Bộ Tư lệnh thông tin, Phường Thanh Xuân,	
341	LS-4369	Hoàng Xuân Hương	Nam	02/08/1982	P2401 chung cư 27 tầng tháp C, số 203 Nguyễn	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
342	LS-4370	Lê Thị Hương	Nữ	04/11/1994	Thôn Lạc Trung, Xã Vĩnh Tường, Tỉnh Phú Thọ	
343	LS-4371	Lê Thị Thu Hương	Nữ	29/08/1982	Tổ 1, Khu 4, Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh	
344	LS-4372	Mai Thị Hương	Nữ	25/07/1985	TDP Lê Lác 1, Hồng An, Hải Phòng	
345	LS-4373	Nghiêm Thị Thu Hương	Nữ	27/03/2000	Thôn 1, Xã Thổ Tang, Tỉnh Phú Thọ	
346	LS-4374	Nguyễn Thị Hương	Nữ	28/01/1990	Phụng Công, Hưng Yên	
347	LS-4375	Nguyễn Thị Hương	Nữ	16/12/1993	Thôn Bắc Sơn xã Sơn Đông Tỉnh Phú Thọ	
348	LS-4376	Nguyễn Thị Hương	Nữ	23/02/1985	Phường Hồng An, Hải Phòng	
349	LS-4377	Nguyễn Thị Hương	Nữ	02/04/1996	TDP Đồng Lý, TT Thanh Lãng, Bình Xuyên, Phú	
350	LS-4378	Nguyễn Thị Hương	Nữ	30/11/1981	Tổ 10, Khu 5, Phường Quang Hanh, Tỉnh Quảng	
351	LS-4379	Nguyễn Thị Thanh Hương	Nữ	29/02/1980	Tổ 2- Phường Việt Hưng- TP Hà Nội	
352	LS-4380	Phạm Thị Hương	Nữ	07/08/1981	Lê Chân, Hải Phòng	
353	LS-4381	Phạm Thị Hương	Nữ	07/10/1984	TDP 18, Phường Kiến Hưng, TP Hà Nội	
354	LS-4382	Phạm Thị Diệu Hương	Nữ	30/05/1987	Phường Hòa Bình, Hải Phòng	
355	LS-4383	Trần Thị Thanh Hương	Nữ	20/10/1985	Căn hộ 1220 Toà R1.03 KĐT VHOP, Gia Lâm, Hà	
356	LS-4384	Nguyễn Thị Hương	Nữ	24/12/1989	Yên Phong - Bắc Ninh	
357	LS-4385	Nguyễn Thu Hương	Nữ	22/01/1987	Lê Hồng Phong, Đảng Quốc Bình, Hải Phòng	
358	LS-4386	Triệu Thị Hương	Nữ	18/05/1993	Tổ 48B2 Khu 4A Phường Cao Xanh, Tỉnh Quảng	
359	LS-4387	Vũ Thị Hương	Nữ	05/10/1990	TDP An Lộc, Phường Vũ Phúc, Tỉnh Hưng Yên	
360	LS-4388	Triệu Thị Hương	Nữ	16/04/1987	Xóm Hùng Quốc 1, xã Trà Linh, Tỉnh Cao Bằng	
361	LS-4389	Nguyễn Thanh Hương	Nam	28/07/1986	60 E Hoàng Quý, Lê Chân, Hải Phòng	
362	LS-4390	Ngô Thị Thu Hương	Nữ	11/03/1995	Vũ Xá, Thát Hùng, Kinh Môn, Hải Phòng	
363	LS-4391	Trịnh Thị Hương	Nữ	18/01/1991	Bá Xuyên, Thái Nguyên	
364	LS-4392	Phạm Thị Hương	Nữ	10/11/1993	X. Trung Kênh, T. Bắc Ninh	
365	LS-4393	Cao Thị Hương	Nữ	02/05/1993	X. Phụng Công, T. Hưng Yên	
366	LS-4394	Dư Thị Thu Hương	Nữ	16/09/1994	An Thái, An Lão, Hải Phòng	
367	LS-4395	Trần Thị Mai Hương	Nữ	19/10/1999	Cao Xanh, Quảng Ninh	
368	LS-4396	Chữ Thị Thu Hương	Nữ	25/07/1997	Bát Tràng, Hà Nội	
369	LS-4397	Trần Văn Hường	Nam	24/03/1994	TDP Quỳnh Hoàng, An Dương,Hải Phòng	
370	LS-4398	Hoàng Thu Hường	Nữ	26/12/1987	83 Văn Miếu, Khối Hoàng Hoa Thám, Phường	
371	LS-4399	Lê Thị Hường	Nữ	06/02/1989	Số 46A, Lê Chân, Hải Phòng	
372	LS-4400	Lê Thúy Hường	Nữ	04/12/1996	Xã Hải Lạng, Tỉnh Quảng Ninh	
373	LS-4401	Nguyễn Thị Hường	Nữ	13/05/1987	TDP Bầu phường Vĩnh Phúc Tỉnh Phú Thọ	
374	LS-4402	Nguyễn Thị Hường	Nữ	14/08/1983	An Dương, Hải Phòng	
375	LS-4403	Nguyễn Thị Hường	Nữ	25/02/1989	Xóm 5, Khu Xuân Ổ A, Phường Võ Cường, Tỉnh	
376	LS-4404	Nguyễn Thị Hường	Nữ	16/04/1991	TDP số 3 Mễ Trì Thượng, Phường Từ Liêm, TP Hà	
377	LS-4405	Nguyễn Thị Hường	Nữ	20/08/1983	P2401 chung cư 27 tầng tháp C, số 203 Nguyễn	
378	LS-4406	Trịnh Thị Thu Hường	Nữ	03/08/2002	Long Biên, Hà Nội	
379	LS-4407	Vũ Thị Thu Hường	Nữ	25/06/1980	619D5 KĐT Đặng Xá, Xã Thuận An, TP Hà Nội	
380	LS-4408	Đỗ Thị Thu Hường	Nữ	20/05/1988	Vân Đình, Hà Nội	
381	LS-4409	Trần Thị Thanh Hường	Nữ	25/08/1991	Gia Sàng, Thái Nguyên	
382	LS-4410	Ngô Thị Hường	Nữ	28/07/1984	TDP Ngọ Dương, An Phong, Hải Phòng	
383	LS-4411	Tạ Quang Huy	Nam	11/07/1999	P. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	
384	LS-4412	Trần Kim Huy	Nam	08/12/2002	Thôn Ngọc Liễn 'Xã Liên Hòa Tỉnh Phú Thọ	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
385	LS-4413	Trần Nhật Từ Huy	Nam	23/03/2003	Tùng Liên, Đồng Lộc, Hà Tĩnh	
386	LS-4414	Đào Trọng Huy	Nam	08/11/2000	Đại Thanh, Hà Nội	
387	LS-4415	Vũ Thị Minh Huyền	Nữ	12/11/1998	Phòng A114 - Greenbay Garden Tổ 31 Khu 3,	
388	LS-4416	Lê Thị Thanh Huyền	Nữ	12/06/1994	Số 209, Tổ 7, Khu 3, Hạ Long, Quảng Ninh	
389	LS-4417	Ngô Thị Huyền	Nữ	04/03/1991	Hồng Bàng, Hải Phòng	
390	LS-4418	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	01/07/1992	Thôn Phương Trạch Tây, xã Tây Tiền Hải, Hưng	
391	LS-4419	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	25/09/1986	TDP Bà Triệu, Phường Vĩnh Phúc, Tỉnh Phú Thọ	
392	LS-4420	Nông Thanh Huyền	Nữ	28/09/1997	Vĩnh Lộc, Chiêm Hóa, Tuyên Quang	
393	LS-4421	Phạm Thị Huyền	Nữ	16/10/2000	Xóm 2, Thôn An Trai, Sơn Đồng, Hà Nội	
394	LS-4422	Trần Thương Huyền	Nam	27/02/1994	552 Trần Khát Chân, Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà	
395	LS-4423	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	08/12/1984	Thụy Khuê, Hà Nội	
396	LS-4424	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	05/03/1998	Nam Sơn 2, An Hưng, Hải Phòng	
397	LS-4425	Lê Thanh Huyền	Nam	18/10/1990	Thanh Vân, Tiến Thắng, Hà Nội	
398	LS-4426	Bùi Thị Huyền	Nữ	08/10/1991	TDP số 2, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên	
399	LS-4427	Bùi Thị Huyền	Nữ	23/11/1999	Quỳnh Hoàng, An Dương, Hải Phòng	
400	LS-4428	Đặng Thị Vân Huyền	Nữ	19/08/1989	Thôn Tiên Quán, Phạm Ngũ Lão, Kim Động, Hưng	
401	LS-4429	Phạm Văn Kết	Nam	16/01/1992	Chung cư Bắc Sơn, Kiến An, Hải Phòng	
402	LS-4430	Trần Thị Kết	Nữ	28/11/1983	Thôn Kim Hoàng, xã Sơn Đồng, TP. Hà Nội	
403	LS-4431	Nguyễn Thị Kết	Nữ	28/01/1984	21/326 Nguyễn Lương Bằng, Lê Thanh Nghị, Hải	
404	LS-4432	Nguyễn Văn Khanh	Nam	18/03/1988	TDP 1, Bạch Đằng, Hải Phòng	
405	LS-4433	Lưu Quang Khanh	Nam	03/07/1973	Căn hộ chung cư 301A - A2, phường Hoàng Mai,	
406	LS-4434	Đào Bảo Khánh	Nam	15/08/1994	TDP Đông Hải, Phường Hồng An, Hải Phòng	
407	LS-4435	Đỗ Duy Khánh	Nam	28/06/1990	Hiệp Hoà, Thị xã Kinh Môn, Hải Dương	
408	LS-4436	Nguyễn Ngọc Khánh	Nam	14/01/2003	Thôn Sở Hạ, Ninh Sở, Thường Tín, Hà Nội	
409	LS-4437	Phạm Nam Khánh	Nam	07/12/1993	An Dương, Lê Chân, Hải Phòng	
410	LS-4438	Trịnh Ngọc Khánh	Nữ	29/12/1990	xã Bình Minh, Hà Nội	
411	LS-4439	Mạc Tư Khoa	Nam	26/08/1988	Quyết Thắng, Hải Phòng	
412	LS-4440	Nguyễn Đăng Khoa	Nam	18/07/1998	Tiên Lãng, Hải Phòng	
413	LS-4441	Trương Thị Khoa	Nữ	26/09/1989	P. Nghĩa Đô, TP. Hà Nội	
414	LS-4442	Phạm Văn Khởi	Nam	10/10/1989	Sơn thanh -son hà-phú xuyên-Hà Nội	
415	LS-4443	Trần Quốc Khởi	Nam	18/03/1991	CC Ecogreen City, Phường Thanh Liệt, TP Hà Nội	
416	LS-4444	Nông Văn Khương	Nam	26/05/1988	Khu dân cư N20, Khối 26, Phường Kỳ Lừa, Tỉnh	
417	LS-4445	Nguyễn Xuân Kiệm	Nam	10/08/1990	Thôn Nhân Lý, Xã Tam Quan, Phú Thọ	
418	LS-4446	Lê Trung Kiên	Nam	13/08/1990	Hoà Bình, Hải phòng	
419	LS-4447	La Vinh Kiên	Nam	05/12/1983	97 Thân Công tài, Khối 2, Phường Kỳ Lừa, Tỉnh	
420	LS-4448	Phạm Trung Kiên	Nam	07/12/1981	Thôn Xuân Húc 1 Xã Vĩnh Tường Tỉnh Phú Thọ	
421	LS-4449	Tạ Thị Kiều	Nữ	26/11/1990	Cụm 11, Xã Liên Minh, TP Hà Nội	
422	LS-4450	Nguyễn Thị Vân Kiều	Nữ	13/05/1978	P. Thanh Liệt, TP. Hà Nội	
423	LS-4451	Vũ Thị Kim	Nữ	24/05/1989	Thôn Hạ, xã Phụng Công, Tỉnh Hưng Yên	
424	LS-4452	Nguyễn Hồng Kỳ	Nam	14/03/1986	Phường Kiến Hưng, Hà Nội	
425	LS-4453	Tổng Văn Lai	Nam	19/02/1991	Xuân Hồng, Ninh Bình	
426	LS-4454	Đông Văn Lâm	Nam	28/01/1978	Him lam Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng	
427	LS-4455	Hoàng Thanh Lâm	Nam	14/04/2000	Xóm Phú Thọ, Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Ninh Bình	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
428	LS-4456	Phạm Tiến Lâm	Nam	09/01/1986	TDP Đồng Từ 1, Phù Liên, Hải Phòng	
429	LS-4457	Trần Tùng Lâm	Nam	20/10/1997	Hùng Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh	
430	LS-4458	Vương Bảo Lâm	Nam	30/03/1993	Kiến An, Hải Phòng	
431	LS-4459	Trương Quang Lâm	Nam	01/05/1996	Phòng 3-P15 TT ĐHXD Phúc Xá, Phường Hồng	
432	LS-4460	Nguyễn Đình Lâm	Nam	10/02/1994	Đại Đình - Phú Thọ	
433	LS-4461	Đàm Thanh Lâm	Nam	15/09/1993	Xã Thụy Anh, tỉnh Thái Bình	
434	LS-4462	Bùi Thị Phương Lan	Nữ	07/12/1977	Số 11, Ngách 1194/50 đường Láng, Phường Láng,	
435	LS-4463	Triệu Thị Lan	Nam	03/11/1984	Xóm Hùng Quốc 1, xã Trà Lĩnh, Tỉnh Cao Bằng	
436	LS-4464	Nông Tuyết Lan	Nữ	03/12/1988	Xóm Cây Hồng, xã Võ Nhai, Thái Nguyên	
437	LS-4465	Nguyễn Ngọc Lân	Nam	21/10/1972	Số 45 Lô A khu 4 Ha Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	
438	LS-4466	Nguyễn Thị Lành	Nữ	10/10/1987	Tổ 12, Yên Hoà, Hà Nội	
439	LS-4467	Quách Thị Lê	Nữ	27/02/1991	735 Ngô Gia Tự, Việt Hưng, Hà Nội	
440	LS-4468	Hoàng Nhật Lệ	Nam	23/01/1994	Thôn Bình Độ, Xã Hội Hoan, Tỉnh Lạng Sơn	
441	LS-4469	Phạm Thị Nhật Lệ	Nữ	23/09/1993	Hùng Thắng, Bãi Cháy, Quảng Ninh	
442	LS-4470	Đồng Thị Phương Liên	Nữ	13/02/1983	TDP Văn Trì 2, Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	
443	LS-4471	Hà Thị Kim Liên	Nữ	19/08/1986	Số 25 Đường Khu Ga, Thôn 2, Xã Na Sầm, Tỉnh	
444	LS-4472	Lã Thị Ngọc Liên	Nữ	23/04/1984	TDP Cát Bi 3, Hải An, Hải Phòng	
445	LS-4473	Lương Thị Liên	Nữ	29/06/1989	Kim Lĩnh, An Hưng, Hải Phòng	
446	LS-4474	Nguyễn Thị Lim	Nam	05/03/1989	Thôn Vàng 2, Xã Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	
447	LS-4475	Đặng Thùy Linh	Nữ	05/08/1993	Căn hộ 2204 D2CT2 KĐT Tây Nam Hồ Linh Đàm,	
448	LS-4476	Đinh Phương Linh	Nữ	13/09/1995	P. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	
449	LS-4477	Đinh Thị Khánh Linh	Nữ	03/11/1993	phường Quyết Tiến, xã Tiên Phong, tỉnh Thái	
450	LS-4478	Hà Thuỳ Linh	Nữ	19/08/2000	TDP 1 Minh Tân, Yên Bái, Lào Cai	
451	LS-4479	Hoàng Khánh Linh	Nữ	29/03/1988	Căn hộ 3103, Tòa T, Hanovid, phường Hà Đông,	
452	LS-4480	Đoàn Văn Linh	Nam	13/06/1978	Kiến An, Hải Phòng	
453	LS-4481	Hoàng Văn Linh	Nam	11/03/1995	Bảo Lâm, Tân Văn, Lạng Sơn	
454	LS-4482	Lê Ngọc Linh	Nam	15/11/1993	Lưu Phái Ngũ Hiệp Thanh Trì Hà Nội	
455	LS-4483	Nguyễn Ngọc Linh	Nữ	28/04/1999	Tổ 22, Khu 2 Bạch Đằng, Hạ Long, Quảng Ninh	
456	LS-4484	Vũ Sứ Khánh Linh	Nam	25/02/2005	Phường Hồng Hà, Hà Nội	
457	LS-4485	Nguyễn Thuỳ Linh	Nữ	22/03/1992	Đại Từ - Thái Nguyên	
458	LS-4486	Nguyễn Tuấn Linh	Nam	23/08/1992	Lê Chân, Hải Phòng	
459	LS-4487	Nông Diệu Linh	Nữ	12/12/1993	Khối Văn Miếu, Lương Văn Tri, Lạng Sơn	
460	LS-4488	Tạ Thùy Linh	Nữ	23/08/1991	TT DH N/Thương, phường Láng, Hà Nội	
461	LS-4489	Trần Công Hà Linh	Nữ	16/07/2005	CT5 KNO và TTTM, Phường Hà Đông, TP Hà Nội	
462	LS-4490	Vương Tuấn Linh	Nam	22/08/2007	Bắc Tiên Hưng, Hưng Yên	
463	LS-4491	Đỗ Thùy Linh	Nam	15/07/1998	Bá Xuyên, Thái Nguyên	
464	LS-4492	Dương Tuấn Linh	Nam	26/06/1991	Bá Xuyên, Thái Nguyên	
465	LS-4493	Lê Thị Thùy Linh	Nữ	12/11/1997	Thôn Nghĩa Lý, xã Vĩnh Hòa, TP Hải Phòng	
466	LS-4494	Lã Ngọc Tú Linh	Nam	01/06/2006	Kính Bắc, Bắc Ninh	
467	LS-4495	Giàng Linh	Nam	22/08/1995	Thông Sả Lũng Chéng, xã Cao Sơn, tỉnh Lào Cai	
468	LS-4496	Hoàng Thị Ngọc Linh	Nam	26/12/2004	P. Hải An, TP. Hải Phòng	
469	LS-4497	Đặng Thị Mỹ Linh	Nữ	12/11/2002	Hoàn Long, Hưng Yên	
470	LS-4498	Lưu Nhật Linh	Nữ	12/10/2003	02b- U20 Lam Sơn, Lê Chân, Hải Phòng	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
471	LS-4499	Hán Mạnh Linh	Nam	12/08/1983	Thanh Xuân, Hà Nội	
472	LS-4500	Ngô Thị Thanh Loan	Nữ	25/09/1992	P. Việt Hưng, T. Quảng Ninh	
473	LS-4501	Nguyễn Thị Hồng Loan	Nữ	02/06/1993	Tổ 8, Phường Bồ Đề, TP Hà Nội	
474	LS-4502	Nguyễn Thị Thanh Loan	Nữ	20/05/1996	Khu 1, Tu Vũ, Thanh Thủy, Phú Thọ	
475	LS-4503	Trần Thị Phương Loan	Nữ	03/05/1983	Cầu Giấy, Hà Nội	
476	LS-4504	Đỗ Thành Lộc	Nam	12/11/2006	TDP Trung Sơn, Xã Tiền Hải, Tỉnh Hưng Yên	
477	LS-4505	Nguyễn Tiến Lợi	Nam	04/03/1991	Cụm 2 Thôn Tư Dương, xã Vân Đình, Tp. Hà Nội	
478	LS-4506	Bùi Đức Long	Nam	02/10/1993	Tổ 5 Khu phố Vàng Danh 8, Phường Vàng Danh,	
479	LS-4507	Cao Hoàng Long	Nam	22/08/1991	Số 16/103 đường Ngô Quyền, Phường Ngô Quyền,	
480	LS-4508	Dương Văn Long	Nam	22/06/1990	TDP 6, Phường An Tường, Tỉnh Tuyên Quang	
481	LS-4509	Đỗ Văn Long	Nam	04/01/1993	Vĩnh Bảo, Hải Phòng	
482	LS-4510	Hoàng Phi Long	Nam	30/06/1995	số 3/435, Trần Quang Khải, phường Lương Văn	
483	LS-4511	Lê Bá Long	Nam	07/10/1989	Thôn Lưỡng 2, Xã Nguyệt Đức, Tỉnh Phú Thọ	
484	LS-4512	Ngô Thành Long	Nam	12/05/1984	19/6 Linh Quang, Văn Miếu, Quốc Tử Giám, Hà	
485	LS-4513	Phạm Văn Long	Nam	3/20/1974	xã Thụ Lâm, Hà Nội	
486	LS-4514	Trịnh Phi Long	Nam	25/04/1991	Số nhà 68, ngõ 30A, đường Lê Hồng Phong,	
487	LS-4515	Vũ Hải Long	Nam	22/10/1995	Thôn 5 Cát Bà, Đặc Khu Cát Hải, Hải Phòng	
488	LS-4516	Vũ Hoàng Long	Nam	21/05/2000	102-A1 TT Đường Sắt Ngõ 2B, Phường Văn Miếu	
489	LS-4517	Vũ Văn Long	Nam	08/01/2003	Cổ Châu, Chuyên Mỹ, Hà Nội	
490	LS-4518	Nguyễn Văn Long	Nam	02/10/1992	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	
491	LS-4519	Hồ Thăng Long	Nam	19/03/1982	Hoàng Mai, Hà Nội	
492	LS-4520	Đỗ Thành Long	Nam	21/06/1988	Vĩnh Khê, An Hải, Hải Phòng	
493	LS-4521	Nguyễn Thế Luân	Nam	28/05/1986	P. Việt Hưng, T. Quảng Ninh	
494	LS-4522	Trần Văn Luận	Nam	07/07/1985	Tòa V2, The Terra An Hưng, Khu đô thị An Hưng,	
495	LS-4523	Nguyễn Thế Lực	Nam	24/08/1992	Thôn Tuấn Thịnh, Xã Mỹ Thái, Tỉnh Bắc Ninh	
496	LS-4524	Trần Thị Lương	Nam	13/10/1987	Phường Xương Giang, Bắc Ninh	
497	LS-4525	Vũ Thị Lương	Nữ	21/01/1990	Xóm 17 xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình	
498	LS-4526	Trần Tuấn Lương	Nam	16/12/2002	Yên Phong, Bắc Ninh	
499	LS-4527	Đặng Ngọc Lượng	Nam	12/12/1988	Thôn Khúc Thủy, Xã Bình Minh, TP Hà Nội	
500	LS-4528	Nguyễn Tiến Lượ	Nam	20/11/1957	P 1908- CT2 khu nhà ở, Ngõ Thì Nhậm, Hà Đông,	
501	LS-4529	Nguyễn Văn Luyện	Nam	13/03/1976	Tập thể ga Giáp Bát, Tổ 40, Phường Định Công,	
502	LS-4530	Đồng Thị Gien Ly	Nữ	11/03/1992	Bồ Đề, Hà Nội	
503	LS-4531	Lương Thảo Ly	Nam	12/12/1996	Việt Hưng, Hà Nội	
504	LS-4532	Trần Thị Lý	Nữ	29/9/1989	Thanh Huệ Đình xã Đức Hòa, Sóc Sơn Hà Nội	
505	LS-4533	Trần Thị Lý	Nữ	05/07/1986	Tổ 64, Khu phố Cao Thắng 7, Phường Hà Lâm,	
506	LS-4534	Đỗ Thị Lý	Nữ	11/06/1976	TDP Xuân Lộc 2, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà	
507	LS-4535	Nguyễn Thị Mai	Nữ	28/12/1992	Giao Thủy, Ninh Bình	
508	LS-4536	Nguyễn Thị Mai	Nữ	08/02/1989	Udic Complex, Hoàng Đạo Thủy, Yên Hoà. Hà Nội	
509	LS-4537	Hứa Thị Mai	Nữ	21/03/1994	19/6 Linh Quang, Văn Miếu, Quốc Tử Giám, Hà	
510	LS-4538	Lê Thị Thanh Mai	Nữ	10/11/2000	Thôn Đoài, xã Vĩnh Thanh, Tp. Hà Nội	
511	LS-4539	Lê Thị Thanh Mai	Nữ	13/02/1995	Khu phố Hiệp Hoà 1, Phường Hiệp Hoà, Quảng	
512	LS-4540	Nguyễn Thị Mai	Nam	01/04/1985	Tổ dân phố số 6, Phú Mỹ Mỹ Đình 2, Nam Từ	
513	LS-4541	Trần Phương Mai	Nam	17/05/1984	Vân Đình, Hà Nội	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
514	LS-4542	Nguyễn Thị Thanh Mai	Nữ	28/01/1978	Tỉnh Ninh Bình	
515	LS-4543	Bạch Thị Mận	Nữ	16/5/1992	phường Đại Mỗ, Hà Nội	
516	LS-4544	Bùi Văn Mạnh	Nam	23/04/1983	Trung Hậu Tề Lỗ Tỉnh Phú Thọ	
517	LS-4545	Đinh Văn Mạnh	Nam	22/12/1996	Thôn Chùa Xã Hội Thịnh Tỉnh Phú Thọ	
518	LS-4546	Hoàng Hồng Mạnh	Nam	18/06/1980	Trần Hưng Đạo, Thủy Nguyên, Hải Phòng	
519	LS-4547	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	02/03/1996	P. Chu Văn An, TP. Hải Phòng	
520	LS-4548	Vũ Đức Mạnh	Nam	07/06/1990	72A Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội	
521	LS-4549	Nguyễn Hữu Mạnh	Nam	28/09/1992	Thôn Lập Trí, xã Kim Anh,TP. Hà Nội	
522	LS-4550	Vũ Tiến Mạnh	Nam	07/08/1991	P. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	
523	LS-4551	Trương Đức Mạnh	Nam	04/10/1992	Phường Hồng Hà, Hà Nội	
524	LS-4552	Vũ Đức Mạnh	Nam	07/06/1990	72A Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội	
525	LS-4553	Phạm Thị Mây	Nữ	25/02/1992	Lê Lác 2. Hồng An, Hải Phòng	
526	LS-4554	Bùi Thị Mến	nữ	16/12/1984	Tổ 2 Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	
527	LS-4555	Hoàng Văn Minh	Nam	06/10/1992	Phụng Thượng 12, Phúc Thọ, Hà Nội	
528	LS-4556	Lê Văn Minh	Nam	02/08/1983	Tổ 8, Phúc Lợi, TP. Hà Nội	
529	LS-4557	Nguyễn Đắc Minh	Nam	23/10/1990	Đại Nỗ 2, xã Vĩnh Hòa, Hải Phòng	
530	LS-4558	Nguyễn Hữu Minh	Nam	05/11/1980	Thôn Đề Quang, Xã Đông Hưng, Tỉnh Hưng Yên	
531	LS-4559	Nguyễn Thị Minh	Nữ	25/04/1978	Tdp số 1 Phú Mỹ, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà	
532	LS-4560	Nguyễn Tuấn Minh	Nam	01/07/1996	Đại Trà Hồng, xã Kiến Minh, Hải Phòng	
533	LS-4561	Phạm Thị Ngọc Minh	Nữ	31/05/2005	Tân Thuận, Hưng Yên	
534	LS-4562	Trần Bình Minh	Nam	03/07/1979	Xã Nam Hồng, Tỉnh Ninh Bình	
535	LS-4563	Vũ Đức Minh	Nam	28/10/1998	Vĩnh Am, TP Hải Phòng	
536	LS-4564	Nguyễn Thị Mơ	Nam	12/08/1989	Khu Nam Tân, phường Vang Danh, tỉnh Quảng	
537	LS-4565	Trần Thị Hồng Mơ	Nữ	18/06/1990	Số 52/30 tổ 4 cụm Ngọc Thuy, Phường Bồ Đề, TP	
538	LS-4566	Lê Thị My	Nữ	04/08/1988	Phượng Đồng, Phường Chương Mỹ, Hà Nội	
539	LS-4567	Đỗ Văn Nam	Nam	15/12/1992	Số nhà 18 ngõ 88 phố Phúc Liễu, Phường Tân	
540	LS-4568	Hoàng Nam	Nam	18/02/1985	Số 41E ngõ 167 phố Thanh Nhân, Phường Bạch	
541	LS-4569	Nguyễn Văn Nam	Nam	20/05/1993	Nhân Hòa, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	
542	LS-4570	Trần Xuân Nam	Nam	18/09/1987	Thôn Thanh Sơn, Xã Thanh Yên, Tỉnh Điện Biên	
543	LS-4571	Nguyễn Đức Nam	Nam	12/02/2000	718 Trường Chinh, Đồng Hòa, Kiến An, Hải Phòng	
544	LS-4572	Đồng Văn Nam	Nam	02/09/1990	Phú Bình, THÁI NGUYÊN	
545	LS-4573	Đào Thanh Nam	Nam	18/01/1989	Tập thể 665, Tdp số 14, Phường Đại Mỗ, Hà Nội	
546	LS-4574	Hoàng Anh Nam	Nam	15/06/1996	Toà D khu đô thi Ecoparrk, Văn Giang, Hưng Yên	
547	LS-4575	Lê Thị Nga	Nữ	09/04/1990	TDP Đôn Hậu Phường Vĩnh Phúc Tỉnh Phú Thọ	
548	LS-4576	Lê Thị Ánh Nga	Nữ	14/05/1994	Lạc Trung, Vĩnh Tường, Phú Thọ	
549	LS-4577	Nguyễn Huyền Nga	Nữ	20/12/1990	Căn hộ 2207-ĐN 1- CC3.10HH-NO LÊ VĂN	
550	LS-4578	Nguyễn Thị Nga	Nữ	01/11/1985	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	
551	LS-4579	Nguyễn Thị Thanh Nga	Nữ	18/08/1982	Kiến Hưng, Hải Phòng	
552	LS-4580	Nguyễn Thị Thanh Nga	Nữ	21/11/1991	Thôn 2, Xã Nguyệt Đức, Tỉnh Phú Thọ	
553	LS-4581	Nguyễn Thị Thanh Nga	Nữ	29/07/2000	Bồ Đề, Hà Nội	
554	LS-4582	Nguyễn Thị Thúy Nga	Nữ	24/08/2000	Bắc Giang, Bắc Ninh	
555	LS-4583	Trịnh Thị Nga	Nữ	20/03/1983	Số 4/56 đường Cầu Bính, Hồng Bàng, Hải Phòng	
556	LS-4584	Từ Thị Quỳnh Nga	Nữ	18/11/1983	Thanh Nhân, Hai Bà Trưng, Hà Nội	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
557	LS-4585	Phùng Gia Ngà	Nam	11/11/1989	Thôn Đồn, xã Tam Dương, Phú Thọ	
558	LS-4586	Lê Thị Thảo Ngân	Nữ	06/03/1988	Tổ 7, Khu Giếng Đáy 4, Việt Hưng, Quảng Ninh	
559	LS-4587	Phạm Thị Ngân	Nữ	25/02/2001	Thôn Hà Trung - Xã Lưu Vệ, Thanh Hoá	
560	LS-4588	Phạm Thị Ngân	Nữ	08/09/1987	C7B Nghĩa Đô Thành phố Hà Nội	
561	LS-4589	Vũ Thùy Ngân	Nữ	09/10/1985	Đào Duy Từ, Đông Kinh, Lạng Sơn	
562	LS-4590	Bùi Thị Ngân	Nữ	25/07/1982	31, hẻm 639/39/16 Hoàng Hoa Thám ,Vĩnh Phúc ,	
563	LS-4591	Hoàng Trung Nghĩa	Nam	11/11/2000	TDP Vạn Xuân, Thái Nguyên	
564	LS-4592	Nguyễn Trọng Nghĩa	Nam	16/01/1994	Hai Bà Trưng, Hà Nội	
565	LS-4593	Nguyễn Trung Nghĩa	Nam	02/07/1976	Số 11, ngõ 123, Lê Đại Hành, Đông Kinh, Lạng	
566	LS-4594	Vũ Trọng Nghĩa	Nam	03/04/2002	Quang Trung, Uông Bí, Quảng Ninh	
567	LS-4595	Nguyễn Thị Nghiêm	Nữ	26/09/1993	Lam Điền, Chương Mỹ, Hà Nội	
568	LS-4596	Phan Văn Nghiêm	Nam	09/02/1990	Thôn Nguyệt Lâm 1, Xã Hồng Vũ, Hưng Yên	
569	LS-4597	Nguyễn Văn Nghiệp	Nam	10/09/2002	TDP Việt Hưng, phường Nhân Hòa, tỉnh Bắc Ninh	
570	LS-4598	Nguyễn Văn Nghiệp	Nam	11/09/1987	Xã Hải Xuân, Tỉnh Ninh Bình	
571	LS-4599	Lê Thị Phương Ngoan	Nữ	31/10/1990	138 Trần Quang Khải, Phường Lương Văn Tri,	
572	LS-4600	Kiều Thị Bích Ngọc	Nữ	07/01/1988	p103A2 TT HVKTQS, phường Đồng Đa, Tp. Hà	
573	LS-4601	Đoàn Thị Bích Ngọc	Nữ	03/12/1999	Thôn Trâm Kiều, Đồng Lạc, Nam Sách, Hải Phòng	
574	LS-4602	Hoàng Minh Ngọc	Nữ	20/10/2001	P. Gia Viên, TP. Hải Phòng	
575	LS-4603	Lê Hà Ngọc	Nữ	07/03/2006	27a34 Công nhân Xi Măng Lam Sơn, P.An Biên,	
576	LS-4604	Nghiêm Thị Bích Ngọc	Nữ	06/09/1985	Đồng Ngạc, Hà Nội	
577	LS-4605	Ngô Bích Ngọc	Nữ	29/03/1980	4P15, TT Trương Định, Tương Mai, Hà Nội	
578	LS-4606	Nguyễn Đức Ngọc	Nam	07/01/1982	9/287 Lê Thánh Tông, P. Ngô Quyền, Hải Phòng	
579	LS-4607	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	11/04/1986	Số 91 đường Phú Thịnh, Phường Sơn Tây, Hà Nội	
580	LS-4608	Nguyễn Thị Thúy Ngọc	Nữ	28/09/1986	Thôn Hương Đạo, Văn Lâm, Hưng Yên	
581	LS-4609	Trần Thị Trang Bích Ngọc	Nữ	12/05/1986	163/19 Nơ TL, Khu phố 6, Bình Thạnh, TP Hồ Chí	
582	LS-4610	Vũ Thị Kim Ngọc	Nữ	23/09/1989	Phòng 12A02 HH3C Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng	
583	LS-4611	Vũ Yên Khánh Ngọc	Nữ	02/01/1996	72 Đình Đông, Phường Lê Chân, TP Hải Phòng	
584	LS-4612	Hoàng Thị Ánh Ngọc	Nữ	27/03/1997	Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng	
585	LS-4613	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	01/05/1981	Tỉnh Hưng Yên	
586	LS-4614	Lê Xuân Ngừng	Nam	21/03/1992	Thôn Văn Ổng Trung, Xã Bắc Đông Quan, Tỉnh	
587	LS-4615	Nguyễn Thị Nguyên	Nữ	16/07/1986	Đội 4 Kiển Bái, THủy Nguyên, Hải Phòng	
588	LS-4616	Đoàn Ánh Nguyệt	Nữ	27/01/1992	Phố Minh Khai, Thị trấn Vương, Tiên Lữ, Hưng	
589	LS-4617	Nguyễn Thị Nguyệt	Nữ	26/01/1988	Chi Trung, Tân Chi, Bắc Ninh	
590	LS-4618	Nông Bích Nguyệt	Nữ	24/09/1991	Đường Đèo Giang, Khối Đại Thắng, Phương	
591	LS-4619	Trần Thị Nguyệt	Nữ	16/06/1987	Thôn Đồng Phú 2 Phường Vĩnh Yên Tỉnh Phú Thọ	
592	LS-4620	Lục Thị Nhã	Nữ	03/07/1991	Xóm Hùng Quốc 1, xã Trà Linh, Tỉnh Cao Bằng	
593	LS-4621	Đào Thị Nhài	Nữ	14/08/1992	TDP2 Gia Minh, Bạch Đằng, Hải Phòng	
594	LS-4622	Nguyễn Thị Nhàn	Nữ	29/07/1979	Xóm Bờ Đê, Thôn Thượng Đình, Xã Thường Tín,	
595	LS-4623	Hoàng Văn Nhật	Nam	25/12/1994	Thị Trấn Tiên Lãng, Hải Phòng	
596	LS-4624	Trần Thị Nhi	Nữ	16/11/2002	Thôn Thái Lập, Xã Đàm Hà, Tỉnh Quảng Ninh	
597	LS-4625	Dương Thị Nhu	Nữ	01/07/1991	Khả Lễ, Võ Cường, Bắc Ninh	
598	LS-4626	Vũ Bá Nhuận	Nam	24/05/1990	vạn Lợi, Quảng Tiến, Sầm Sơn, Thanh Hóa	
599	LS-4627	Đào Thị Nhuận	Nữ	07/06/1990	Lưu Kiếm, Hải Phòng	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
600	LS-4628	Đinh Hương Nhung	Nam	26/05/1981	9/15/5 Vọng Hà, Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà	
601	LS-4629	Lê Thị Thanh Nhung	Nữ	08/11/1987	Số nhà 63, ngõ 169A, Tây Sơn, Kim Liên, Hà Nội	
602	LS-4630	Lò Kim Nhung	Nữ	21/09/1996	Căn 2312 Westbay C Ecopark, Xã Phụng Công,	
603	LS-4631	Trần Thị Hồng Nhung	Nữ	10/08/1992	Đội 8, Khu 10 Thông Bồng Mạc, Xã yên Lãng, TP	
604	LS-4632	Hồ Thị Nhung	Nữ	27/10/1992	Xã An Hưng, Hải Phòng	
605	LS-4633	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	23/02/1992	Xóm 3, Thôn Lang Can 2, Xã Hà Nam, Hải Phòng	
606	LS-4634	Trần Thị Hải Ninh	Nữ	20/06/1994	TDP7 Thiên Hương, Hải Phòng	
607	LS-4635	Khuong Thị Nụ	Nữ	03/12/1979	TDP 18 Phường Vĩnh Phúc, Phú Thọ	
608	LS-4636	Phạm Thị Nụ	Nữ	09/05/1993	P. Việt Hưng, T. Quảng Ninh	
609	LS-4637	Trần Văn Oai	Nam	27/04/1991	Xã Giao Hòa, tỉnh Ninh Bình	
610	LS-4638	Nguyễn Kim Oanh	Nam	24/09/1999	Thôn Huệ Vân 2, xã Bảo Đài, (khu vực Lục Nam),	
611	LS-4639	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	18/03/1992	Khu 8, Phường Vân Phú, Tỉnh Phú Thọ	
612	LS-4640	Trần Hồng Ngọc Oanh	Nữ	20/10/1993	Tổ Đầu Sơn 2, phường Phú Diễn, TP. Hải Phòng	
613	LS-4641	Đào Đông Phong	Nam	18/03/1993	Dương Kinh, Hải Phòng	
614	LS-4642	Hoàng Văn Phong	Nam	23/06/1989	Tổ 1, Phường Phúc Lợi, TP Hà Nội	
615	LS-4643	Lê Văn Phong	Nam	03/03/1988	Thôn Đoài, Vĩnh Thanh, Hà Nội	
616	LS-4644	Nguyễn Phú Phong	Nam	14/07/1995	P. Kim Liên, TP. Hà Nội	
617	LS-4645	Quách Văn Phong	Nam	07/11/1980	Ấp 43 Thọ Nhựt, Hồ Chí Minh	
618	LS-4646	Vũ Đình Phóng	Nam	13/03/1994	Căn 1112 Toà S107 KĐT Vhop, Đa Tốn, Gia Lâm,	
619	LS-4647	Đặng Sỹ Phú	Nam	15/01/1991	Thanh Oai, Hà Nội	
620	LS-4648	Nguyễn Hoàng Phúc	Nam	21/04/2003	Kim Liên, Hà Nội	
621	LS-4649	Trịnh Viết Phúc	Nam	06/11/1983	Đồng Tâm, Ninh Giang, Hải Dương	
622	LS-4650	Đặng Thái Phúc	Nam	07/08/2001	Việt Trì, Phú Thọ	
623	LS-4651	Chu Thị Phương	Nam	05/04/1989	Tổ 3 cụm ngọc lâm phường bồ đề hà nội	
624	LS-4652	Đỗ Minh Phương	Nam	17/02/1984	Số 9, Hẻm 182/86/4, Bạch Đằng, Chương Dương,	
625	LS-4653	Hoàng Thị Phương	Nam	07/12/1992	Thôn Kim Đào, Xã Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh	
626	LS-4654	Lê Cúc Phương	Nam	16/08/1993	282 Lô 27 Lê Hồng Phong, Gia Viên, Hải Phòng	
627	LS-4655	Nguyễn Thành Phương	Nam	28/09/1986	Khối chế biến Lâm sản 1, Phường Thái Hoà, Nghệ	
628	LS-4656	Nguyễn Thị Phương	Nữ	27/01/1994	Lại Khánh, Xã Thạch Thất. TP Hà Nội	
629	LS-4657	Nguyễn Thị Phương	Nữ	05/10/1983	Thủy Nguyên, Hải Phòng	
630	LS-4658	Nguyễn Thị Mai Phương	Nữ	01/10/1987	Giao Tự, Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	
631	LS-4659	Bùi Thị Phương	Nữ	20/02/1994	Cát Bi, Hải An, Hải Phòng	
632	LS-4660	Phạm Thúy Phương	Nữ	06/07/1995	Tiên Lãng, Hải Phòng	
633	LS-4661	Phùng Thị Phương	Nữ	22/06/1991	TDP2, Hồng An, Hải Phòng	
634	LS-4662	Tô Mai Phương	Nữ	06/09/1971	Số 17, Tổ 1 Khu 4, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng	
635	LS-4663	Vũ Thị Phương	Nữ	13/11/1991	Vĩnh Hải, Hải Phòng	
636	LS-4664	Nguyễn Cao Phương	Nam	27/11/1982	Căn hộ 616, tòa CT12B, Khu đô thị Kim Văn –	
637	LS-4665	Lê Thị Phương	Nữ	03/10/2003	Xóm Trảng Sơn 6, xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	
638	LS-4666	Hoàng Thị Thu Phương	Nữ	09/05/1986	Xã An Lão, Hải Phòng	
639	LS-4667	Nguyễn Thị Phương	Nữ	06/01/1989	Quán Bể, An Hưng, Hải Phòng	
640	LS-4668	Trần Thị Phương	Nữ	15/01/1981	Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng	
641	LS-4669	Nguyễn Thị Phương	Nữ	04/01/1980	Bồ Đề, Hà Nội	
642	LS-4670	Đinh Thị Phương	Nữ	08/01/2001	Yên Lãng, Hà Nội	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
643	LS-4671	Hoàng Thị Phụng	Nữ	22/05/1972	Khối Văn Miếu, Phường Lương Văn Tri, Lạng Sơn	
644	LS-4672	Lại Thị Phụng	Nữ	07/07/1988	CC Phú Thịnh Green Park, Hà Đông, Hà Nội	
645	LS-4673	Ngô Thị Bích Phụng	Nữ	25/07/1988	Thái Bình Mai Lâm Đông Anh	
646	LS-4674	Nguyễn Thị Bích Phụng	Nữ	22/03/1993	Khu Quang Trung'Phường Việt Tri Tỉnh Phú Thọ	
647	LS-4675	Phạm Thị Phụng	Nữ	14/01/1987	Hòa Bình, Hải Phòng	
648	LS-4676	Phạm Thị Phụng	Nữ	20/05/1990	LK36 khu nhà ở Bắc Hà, phường Hà Đông, TP. Hà	
649	LS-4677	Vương Đắc Thị Phụng	Nữ	24/10/1994	Xã Hưng Đạo, Huyện Quốc Oai, TP. Hà Nội	
650	LS-4678	Nguyễn Thu Phụng	Nữ	21/03/1987	2/341 Phố Vọng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà	
651	LS-4679	Trần Bích Phụng	Nữ	28/12/1991	Phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	
652	LS-4680	Nguyễn Thị Bích Phụng	Nữ	01/05/1989	02/221Đất Đỏ, Tổ Trữ Khê 3, Quán Trữ, Kiến An,	
653	LS-4681	Đỗ Như Phụng	Nam	06/06/1993	Kha Lâm 1, Nam Sơn, Kiến An, Hải Phòng	
654	LS-4682	Phùng Thị Phụng	Nam	30/01/1987	Đàn Dừng, An Khánh, TP Hải Phòng	
655	LS-4683	Hoàng Việt Anh Quân	Nam	24/01/2000	Tổ 1A, Phường Tùng Thiện, Hà Nội	
656	LS-4684	Lê Tiến Quân	Nam	24/02/1985	Cụm 11, Xã Liên Minh, TP Hà Nội	
657	LS-4685	Hoàng Văn Quân	Nam	24/06/1994	Khu phố Đình, Phường Quảng Yên, tỉnh Quảng	
658	LS-4686	Hà Huy Quân	Nam	22/02/1985	Tiểu khu 13, xã Lương Sơn, Tỉnh Phú Thọ	
659	LS-4687	Đặng Minh Quang	Nam	14/12/2000	Thôn Chúc Lý - Chương Mỹ - Hà Nội	
660	LS-4688	Đình Xuân Quang	Nam	10/01/1995	Thôn Cổ Dương, Phúc Thịnh, Hà Nội	
661	LS-4689	Đoàn Văn Quang	Nam	01/02/1984	Thôn Quyết Thắng, xã Sơn Dương, Tuyên Quang	
662	LS-4690	Nguyễn Ngọc Quang	Nam	22/12/1994	đội 10, Nội Doanh, Hưng Yên	
663	LS-4691	Trần Đình Quang	Nam	31/08/1985	Thôn 5, Xã Liên Minh, TP Hà Nội	
664	LS-4692	Trần Thế Quang	Nam	14/07/1991	Vĩnh Hải,Hải Phòng	
665	LS-4693	Vương Văn Quang	Nam	18/07/1984	TDP lẻ 1, Phường Vĩnh Yên, Tỉnh Phú Thọ	
666	LS-4694	Nguyễn Văn Quang	Nam	20/06/1989	Hoàng Vân, Bắc Ninh	
667	LS-4695	Phạm Văn Quảng	Nam	08/11/1986	Cao bát nang, xã Đình Phùng, huyện Kiến Xương,	
668	LS-4696	Trần Duy Quý	Nam	02/03/1990	Hạnh Phúc 2, Tràng Minh, Kiến An, Hải Phòng	
669	LS-4697	Lương Văn Quý	Nam	02/10/1989	9/356 Thành Tô, Hải An, Hải Phòng	
670	LS-4698	Mai Thị Kim Quyên	Nữ	15/09/1994	27 Đường 10 (Khu dân cư Park Riverside) KP3,	
671	LS-4699	Nguyễn Thị Quyên	Nữ	25/02/1981	Hồng Bàng, Hải Phòng	
672	LS-4700	Mai Thị Kim Quyên	Nữ	07/03/1985	Vạn Xuân, Thái Nguyên	
673	LS-4701	Lê Đình Quyền	Nam	02/11/1990	Đội 10, Thôn Siêu Quần, Xã Đại Thanh, Hà Nội	
674	LS-4702	Nguyễn Văn Quyền	Nam	09/11/1989	Chương Mỹ, Hà Nội	
675	LS-4703	Phùng Văn Quyền	Nam	18/10/1981	Thôn Đồi Mít, xã Xuân Mai, TP Hà Nội	
676	LS-4704	Trần Đức Quyền	Nam	21/02/1984	TDP Đông Hòa Phường Vĩnh Phúc Tỉnh Phú Thọ	
677	LS-4705	Trần Quang Quyền	Nam	11/2/1994	Phật Tích, Bắc Ninh	
678	LS-4706	Nguyễn Minh Huệ	Nữ	26/12/1989	68A Nguyễn Thế Lộc, Khối 15, Phường Kỳ Lừa,	
679	LS-4707	Đào Duy Quyết	Nam	4/6/1988	Số 5, Tổ 4, Xã Đông Anh, Thành phố Hà Nội	
680	LS-4708	Đào Xuân Quyết	Nam	13/08/1988	Ngô Quyền, Hải Phòng	
681	LS-4709	Đào Thị Như Quỳnh	Nữ	03/10/2001	Đội 5, Thôn Châu Mai, xã Dân Hoà, Hà Nội	
682	LS-4710	Đặng Thị Quỳnh	Nam	10-10-1987	Thôn 3 thượng mỗ Đan Phượng hà nội	
683	LS-4711	Lê Thị Hương Quỳnh	Nam	22/05/2001	P. Phù Khê, T. Bắc Ninh	
684	LS-4712	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	25/07/1997	Thôn Hải An, Xã Cồn Tiên, Tỉnh Quảng Trị	
685	LS-4713	Nguyễn Thị Thu Quỳnh	Nữ	24/09/2000	Thôn Đông, Xã Quảng Oai, Hà Nội	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
686	LS-4714	Nguyễn Thuý Quỳnh	Nữ	29/04/1987	P503 A2D2, KĐT Đặng Xá, Thuận An, Hà Nội	
687	LS-4715	Phạm Như Quỳnh	Nữ	24/10/1995	Thôn Phú Vĩ, Xã Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn	
688	LS-4716	Phạm Văn Quỳnh	Nam	02/09/1987	TDP Hán Lữ Phường Vĩnh Phúc Tỉnh Phú Thọ	
689	LS-4717	Vũ Thị Quỳnh	Nữ	12/11/1992	9/66 Nguyễn Tường Loan, phường An Biên, Tp.	
690	LS-4718	Đào Thị Quỳnh	Nữ	16/03/1986	Chương Mỹ, Hà Nội	
691	LS-4719	Đỗ Văn Rinh	Nam	24/03/1987	Thủy Nguyên, Hải Phòng	
692	LS-4720	Nguyễn Vũ Sâm	Nam	06/08/1976	Hải An, Hải Phòng	
693	LS-4721	Lê Minh San	Nam	01/03/1995	Thanh Xuyên, Hà Nội	
694	LS-4722	Trần Thị Sản	Nữ	20/07/1979	Khu 9 Xã Vạn Xuân, Tỉnh Phú Thọ	
695	LS-4723	Nguyễn Văn Sang	Nam	01/08/1991	Thanh Chiêu, Phú Cường, Ba Vì, Hà Nội	
696	LS-4724	Dương Công Sáng	Nam	10/11/1989	15B Bộ Tư Lệnh Đặc Công, Tổ DP số 3, Xã Thanh	
697	LS-4725	Nguyễn Thị Sen	Nữ	04/05/1994	Phú Lương - Tuyên Quang	
698	LS-4726	Nguyễn Trường Sinh	Nam	20/12/1982	Thái Bình Mai Lâm Đông Anh	
699	LS-4727	Dương Thị Sinh	Nữ	07/02/1989	xóm Trung Tâm, xã Kha Sơn, tỉnh Thái Nguyên	
700	LS-4728	Đoàn Văn Sơn	Nam	29/07/1982	54 Khu Dây Thép, Thị trấn Đồng Đăng, Cao Lộc,	
701	LS-4729	Lương Tuấn Sơn	Nam	12/6/1994	Khánh Hà, Thường Tín, Hà Nội	
702	LS-4730	Nguyễn Cao Sơn	Nam	24/05/1981	A1202 chung cư 283, Khương Trung, Thanh Xuân,	
703	LS-4731	Nguyễn Văn Sơn	Nam	20/08/1989	Thôn Đồng Sắn Phường Vĩnh Yên Tỉnh Phú Thọ	
704	LS-4732	Nguyễn Văn Sơn	Nam	21/12/1994	Thôn Phèo, Xã Gia Phú, Tỉnh Lào Cai	
705	LS-4733	Nguyễn Xuân Sơn	Nam	12/02/1990	Tổ 9, Khu phố Hà Tu 5, Phường Hà Tu, Tỉnh	
706	LS-4734	Trương Hồng Sơn	Nam	02/03/1995	Khu 4, Xã Thọ Văn, Tỉnh Phú Thọ	
707	LS-4735	Vũ Văn Sơn	Nam	26/09/1996	Phù Niệm 3, Thái Sơn, An Lão, Hải Phòng	
708	LS-4736	Nguyễn Văn Sơn	Nam	25/09/1995	Bích Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	
709	LS-4737	Đặng Hải Sơn	Nam	30/01/1983	Thôn Đông Tam Đa, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	
710	LS-4738	Đặng Đức Tâm	Nam	10/11/1992	Thôn Bì La- Xã Đồng Ích- Lập Thạch- Vĩnh Phúc	
711	LS-4739	Ngô Văn Tâm	Nam	17/5/1998	Tân Đoàn, Lạng Sơn	
712	LS-4740	Nguyễn Thị Tâm	Nữ	10/11/1991	Tiểu khu 13, Xã Lương Sơn, Tỉnh Phú Thọ	
713	LS-4741	Nguyễn Trí Tâm	Nam	24/04/1989	Tổ 1, Khu Vĩnh Tuy 2, Phường Mạo Khê, Tỉnh	
714	LS-4742	Nguyễn Văn Thành Tâm	Nam	28/09/1990	X. Hạ Bằng, TP. Hà Nội	
715	LS-4743	Phạm Thành Tâm	Nam	16/04/1987	KĐT Thanh Hà, TDP 1, Xã Bình Minh, TP Hà Nội	
716	LS-4744	Vũ Minh Tâm	Nữ	05/06/2003	P. Hồng An, TP. Hải Phòng	
717	LS-4745	Nguyễn Thị Tân	Nữ	17/07/1989	Tổ 14 Khu 1, Cao Xanh, Hạ Long, Quảng Ninh	
718	LS-4746	Phạm Ngọc Tân	Nam	16/04/1981	TDP 3, Tụ Lan, tỉnh Bắc Ninh	
719	LS-4747	Vũ Văn Thái	Nam	17/02/1984	Số 4 Xóm Chùa 1, Thôn Cự Đà, Xã Bình Minh, TP	
720	LS-4748	Đào Thị Ngọc Thẩm	Nữ	16/02/1996	Phật Tích, Bắc Ninh	
721	LS-4749	Bùi Văn Thắng	Nam	15/02/1999	Quế Lạt, Hoàng Quế, Đông Triều, Quảng Ninh	
722	LS-4750	Hồ Quang Thắng	Nam	03/02/1994	Số 6, Nà Trang A, Khối 10, Phường Tam Thanh,	
723	LS-4751	Bùi Thị Phương Thanh	Nữ	08/01/1996	Tổ 5, Khu 8 Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Quảng	
724	LS-4752	Đoàn Thị Thanh	Nữ	19/08/1993	Tiên Lãng, Hải Phòng	
725	LS-4753	Hà Ngọc Thanh	Nam	15/09/1978	31K, 190 Lò Đúc, Đồng Mác, Hai Bà Trưng, Hà	
726	LS-4754	Nguyễn Hữu Thanh	Nam	04/10/1997	TDP Đồng Quỳ, Đồng Xuân , TP Phúc Yên , Vĩnh	
727	LS-4755	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	29/7/1969	phường Tây Mỗ, Hà Nội	
728	LS-4756	Phạm Đức Thanh	Nam	17/12/1991	66D ngõ Núi Trúc, Giảng Võ, Hà Nội	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
729	LS-4757	Phùng Ngọc Thanh	Nam	08/10/1991	chung cư intracom Vĩnh Ngọc Hà Nội	
730	LS-4758	Vũ Thị Thanh	Nữ	10/05/1993	Xã Lâm Thao, tỉnh Bắc Ninh	
731	LS-4759	Nguyễn Văn Thanh	Nam	13/07/1995	Lê Quý Đôn, Tỉnh Hưng Yên	
732	LS-4760	Nguyễn Văn Thánh	Nam	03/09/1985	Thôn Trù, Phúc Sơn, Hà Nội	
733	LS-4761	Nguyễn Mạnh Thành	Nam	06/04/1986	Thôn Ngọc, xã Lạc Đạo, tỉnh Hưng Yên	
734	LS-4762	Nguyễn Tiến Thành	Nam	06/06/1989	Cụm 2 Thôn Tư Dương, xã Vân Đình, Tp. Hà Nội	
735	LS-4763	Nguyễn Trung Thành	Nam	17/10/2002	098 Trần Nhật Duật, tổ 11, phường Lào Cai, tỉnh	
736	LS-4764	Nguyễn Văn Thành	Nam	16/12/1987	Thôn Lũng Thượng, Xã Tam Hồng, Tỉnh Phú Thọ	
737	LS-4765	Nguyễn Viết Thành	Nam	24/09/1983	Khu TDC Dân Gold, Chư Nam, An Trường, Hải	
738	LS-4766	Bùi Duy Thành	Nam	06/04/1981	Ngô Quyền, Hải Phòng	
739	LS-4767	Đào Tiến Thành	Nam	21/06/1984	3 Lãng Yên, tdp 33A Thanh Lương, Hai Bà Trưng,	
740	LS-4768	Lại Thế Thành	Nam	15/02/1991	Toà Rose Town, Km 9, Đường Ngọc Hồi, Phường	
741	LS-4769	Nguyễn Việt Thành	Nam	11/01/1989	Phúc Lộc, Xã Đông Anh, TP Hà Nội	
742	LS-4770	Nguyễn Minh Thành	Nam	04/10/1994	Khu phố Sông Khoai 2- phường Hiệp Hoà - Tỉnh	
743	LS-4771	Nguyễn Văn Thành	Nam	28/09/2000	TDP Bích Thủy, Trần Nhân Tông, Hải Phòng	
744	LS-4772	Hoàng Ngọc Thao	Nữ	24/03/1983	Thôn Phụng Thượng 12, Xã Phúc Thọ, Hà Nội	
745	LS-4773	Vũ Thị Thảo	Nữ	23/02/1993	Bình Định - Bắc Ninh	
746	LS-4774	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	05/04/1989	TDP5 phường Hồng An, Hải Phòng	
747	LS-4775	Nguyễn Thu Thảo	Nữ	13/01/1998	Tổ 7, Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	
748	LS-4776	Lê Thị Thảo	Nữ	02/10/1991	Dũng Tiến, Phú Thọ	
749	LS-4777	Nguyễn Ngọc Thảo	Nữ	26/09/1992	Minh Quang, Ba Vì, Hà Nội	
750	LS-4778	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	19/07/1995	708A Chung Cư CT1, P. Long Biên, Hà Nội	
751	LS-4779	Nông Hương Thảo	Nữ	28/11/1981	27/238 Trần Quang Khải, P Lương Văn Tri, Lạng	
752	LS-4780	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Nữ	29/09/2000	478 Phú Thượng Đoan, Đông Hải 1, Hải An, Hải	
753	LS-4781	Trần Thu Thảo	Nữ	29/05/1992	P. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	
754	LS-4782	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	12/07/1991	Xã Trung Khê, Tỉnh Bắc Ninh	
755	LS-4783	Vũ Đức Thảo	Nam	06/12/1992	29/464 Chợ Hàng, Lê Chân, Hải Phòng	
756	LS-4784	Nguyễn Văn Thêm	Nam	20/11/1985	Khi 2 Hùng Lô, Phường Văn Phú, Tỉnh Phú Thọ	
757	LS-4785	Bùi Đình Thiệu	Nam	15/08/1980	Tổ 12, Trần Lãm, TP. Thái Bình, Thái Bình	
758	LS-4786	Nguyễn Thị Thịnh	Nữ	27/07/1990	Căn hộ 3104, Toà A7, An Bình, KĐT TP Giao	
759	LS-4787	Nguyễn Đức Thịnh	Nam	01/05/1993	260 Lán Bè, Lê Chân, Hải Phòng	
760	LS-4788	Lê Thị Thơ	Nữ	26/08/1992	Xã Chí Minh, Tp. Hải Phòng	
761	LS-4789	Hoàng Văn Thọ	Nam	13/05/1992	Khối Quảng Liên I, Phường Lương Văn Tri, Tỉnh	
762	LS-4790	Lã Thị Minh Thoa	Nữ	23/05/1994	290 Bà Triệu, Khối 6, Phường Kỳ Lừa, Tỉnh Lạng	
763	LS-4791	Nguyễn Thị Thoa	Nữ	12/03/1985	Phương Liễu, Bắc Ninh	
764	LS-4792	Trần Thị Thoa	Nữ	06/05/1986	Thôn Tam Đồng, Bắc Đông Quan, Hưng Yên	
765	LS-4793	Nguyễn Thị Kim Thoa	Nữ	21/07/2002	Chư Nam, An Trường, Hải Phòng	
766	LS-4794	Mai Thị Thơm	Nữ	06/03/1988	Lộc Hà, Đông Anh, Hà Nội	
767	LS-4795	Nguyễn Thị Thơm	Nữ	17/03/1990	Đội 7, Phong Cầu, Đại Đồng, Kiến Thụy, Hải	
768	LS-4796	Nguyễn Thị Thơm	Nữ	21/09/1999	29/466/79 Ngô Gia Tự, Tổ 15 Phường Việt Hưng,	
769	LS-4797	Nguyễn Thị Hoài Thu	Nữ	14/08/1979	Số 124 đường Kim Đồng, phường Lê Thanh Nghị,	
770	LS-4798	Chu Thị Thu	Nữ	23/10/1987	Ngõ 171, TDP Mai Đình, Phường Đa Mai, Tỉnh	
771	LS-4799	Đào Thị Thu	Nữ	20/05/1990	Tổ 54A, Khu 4B, Phường Cao Xanh, Quảng Ninh	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
772	LS-4800	Lê Thị Thiên Thu	Nữ	11/11/1985	TDP Tiên 'Yên lạc Phú Thọ	
773	LS-4801	Nguyễn Hoài Thu	Nữ	24/09/1983	Ô 11, Lô 4B Đền Lừ 2, Phường Tương Mai, Hà	
774	LS-4802	Nguyễn Thị Thu	Nữ	05/10/1992	Tổ 7, Cụm 2, Phường Khương Đình, TP Hà Nội	
775	LS-4803	Phạm Thị Hồng Thu	Nữ	08/06/1994	Thôn 3 Du Lễ, Xã Nghi Dương, Hải Phòng	
776	LS-4804	Trịnh Thị Nhuận Thu	Nữ	07/03/1992	TDP CN8, phường Lê Ích Mộc, Hải Phòng	
777	LS-4805	Trương Thị Thu	Nữ	06/05/4988	159 Đồng Xá, Hải An, Hải Phòng	
778	LS-4806	Vũ Hoài Thu	Nữ	10/01/1996	33A/633 Thiên Lôi, An Biên, Hải Phòng	
779	LS-4807	Vũ Thị Thu	Nam	27/07/1995	TDP Chợ Lương, Phường Đồng Văn, Tỉnh Ninh	
780	LS-4808	Nguyễn Thị Kim Thu	Nữ	16/07/1989	Hà Nội	
781	LS-4809	Hà Anh Thư	Nữ	10/09/2007	Tổ 3, khu Phương An, phường Yên Tử, Quảng	
782	LS-4810	Đặng Văn Thứ	Nam	18/09/1987	Hồng Bàng, Hải Phòng	
783	LS-4811	Dương Đình Thuận	Nam	20/11/1991	Thôn Tử Đông, Yên Mỹ, Hưng Yên	
784	LS-4812	Hán Thị Thương	Nữ	21/08/1992	Khu 6 Xã Dân Chủ Tỉnh Phú Thọ	
785	LS-4813	Nguyễn Khoa Huyền Thu	Nữ	01/11/1990	P. Hạc Thành, T. Thanh Hóa	
786	LS-4814	Nguyễn Văn Thương	Nam	12/10/1982	Hội Phụ, Xã Đông Anh, TP Hà Nội	
787	LS-4815	Lương Thị Ngọc Thủy	Nữ	8/8/1978	221-B5 ngõ 94	
788	LS-4816	Hoàng Duy Thủy	Nam	16/09/1990	Ô Số 52, OTM2, KĐT Nam Hoàng Đồng, P Tam	
789	LS-4817	Phạm Thị Thủy	Nữ	17/10/1989	Phù Liễu, Hải Phòng	
790	LS-4818	Tạ Thị Thu Thủy	Nữ	04/07/1996	Thôn Phù Bãi, Xã Mỹ Sở, Tỉnh Hưng Yên	
791	LS-4819	Trần Thị Thanh Thủy	Nữ	21/07/1983	Trần Nguyên Hãn, An Hải, hải Phòng	
792	LS-4820	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	08/11/1983	TDP Tú, Phường Duy Hà, Ninh Bình	
793	LS-4821	Kiều Thị Thủy	Nữ	20/12/1970	Thủy lợi 2, Tân minh , Sóc Sơn HN	
794	LS-4822	Nguyễn Thanh Thúy	Nữ	01/06/1984	Phổ Yên, Thái Nguyên	
795	LS-4823	Đặng Thị Phương Thúy	Nữ	20/10/1986	TDP Làng Thủy Phường Vĩnh Phúc Phú Thọ	
796	LS-4824	Vũ Thị Thúy	Nữ	02/10/1989	Xã Tiên La, Hưng Yên	
797	LS-4825	Trần Thị Thùy	Nữ	20/09/1992	Hải An, Hải Phòng	
798	LS-4826	Đoàn Thị Thùy	Nữ	20/10/1990	Ứng Hòa, Hà Nội	
799	LS-4827	Nguyễn Văn Thùy	Nam	25/10/1986	P. An Phong, TP. Hải Phòng	
800	LS-4828	Đỗ Thị Trang Thủy	Nữ	16/08/1981	Thủy Nguyên, Hải Phòng	
801	LS-4829	Ngô Thị Thủy	Nữ	08/11/1988	TDP Xuân Mai Phường Vĩnh Phúc Tỉnh Phú Thọ	
802	LS-4830	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	19/10/1993	Lâm Hà, Kiến An, Hải Phòng	
803	LS-4831	Nguyễn Thu Thủy	Nữ	13/09/1997	số 23/12 Lê Lợi, phường Sơn Tây, Hà Nội	
804	LS-4832	Phạm Thị Thủy	Nữ	13/03/1992	An Dương, Lê Chân, Hải Phòng	
805	LS-4833	Vi Thanh Thủy	Nữ	12/06/1995	Thôn Nà Va, xã Thượng Lâm, tỉnh Tuyên Quang	
806	LS-4834	Phạm Văn Thuyền	Nam	1/2/1988	Số nhà 29 Thanh Liễu, phường Tân Hưng, thành	
807	LS-4835	Nguyễn Vũ Thuý Tiên	Nữ	24/12/1992	Tổ 10, Khu 2b, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	
808	LS-4836	Dương Văn Tiến	Nam	31/12/1993	Tiên Lãng, Hải Phòng	
809	LS-4837	Lê Đức Tiến	Nam	07/06/1991	Hải An, Hải Phòng	
810	LS-4838	Nguyễn Mạnh Tiến	Nam	13/03/1999	Thủy Nguyên, Hải Phòng	
811	LS-4839	Vũ Văn Tiến	Nam	29/08/1989	Trịnh Nguyễn, Phù Khê, Bắc Ninh	
812	LS-4840	Nguyễn Văn Tiệp	Nam	07/09/1989	Tỉnh Hưng Yên	
813	LS-4841	Phạm Văn Tiệp	Nam	20/08/1990	6/228 Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng	
814	LS-4842	Đinh Trọng Tín	Nam	07/02/1993	Khối Hoàng Tân, Phường Tam Thanh, Tỉnh Lạng	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
815	LS-4843	Đặng Thị Tình	Nữ	13/10/1994	Phú Thượng, Hà Nội	
816	LS-4844	Vũ Văn Tình	Nam	04/11/1995	Tổ 39, Khu phố Hà Khẩu 4, Phường Việt Hưng,	
817	LS-4845	Nguyễn Văn Toán	Nam	24/11/1992	Thôn Vy Lãng, Phú Lương, Tuyên Quang	
818	LS-4846	Nguyễn Văn Toàn	Nam	08/04/1989	Thôn 8 Yên Thư Xã Tam Hồng Tỉnh Phú Thọ	
819	LS-4847	Nguyễn Mạnh Toàn	Nam	02/06/1987	Lũng Thượng, Tam Hồng, Phú Thọ	
820	LS-4848	Nguyễn Văn Toàn	Nam	16/07/1989	Đội 7, Thôn Song Khê, Xã Tam Hưng, TP Hà Nội	
821	LS-4849	Nguyễn Văn Toàn	Nam	20/03/1985	Thôn Phú Cường Xã Tam Dương Tỉnh Phú Thọ	
822	LS-4850	Phạm Văn Tôn	Nam	25/02/1983	TDP Vườn Dâu, Xã Gia Lâm, TP Hà Nội	
823	LS-4851	Hoàng Thị Trà	Nữ	17/10/2003	Thôn Hoan Ái, xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	
824	LS-4852	Trần Văn Trà	Nam	02/06/1989	Đông Lỗ, Ứng Hòa, Hà Nội	
825	LS-4853	Nguyễn Thị Trâm	Nữ	08/08/1990	TDP Hợp Thành 4, Lê Ích Mộc, Hải Phòng	
826	LS-4854	Cao Thị Minh Trang	Nữ	02/11/1994	P. Lê Đại Hành, TP. Hải Phòng	
827	LS-4855	Đào Thị Trang	Nữ	04/05/1987	Chung cư Bắc Sơn, Kiến An, Hải Phòng	
828	LS-4856	Đỗ Thị Thu Trang	Nữ	02/08/2003	TDP Bắc Hoàng, Xã Sơn Dương, Tỉnh Tuyên	
829	LS-4857	Hoàng Thị Thuý Trang	Nữ	04/01/1994	Số 66, Tổ 34, Khu phố Quang Trung 9, Phường	
830	LS-4858	Lê Thùy Trang	Nữ	19/07/1986	Hà Đông, Hà Nội	
831	LS-4859	Nguyễn Phương Trang	Nữ	01/01/2000	TDP số 6 Mễ Trì Thượng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm,	
832	LS-4860	Nguyễn Thị Trang	Nữ	09/08/1985	An Dương, Lê Chân, Hải Phòng	
833	LS-4861	Nguyễn Thị Trang	Nữ	16/10/1986	Hải An, Hải Phòng	
834	LS-4862	Nguyễn Thị Trang	Nữ	06/03/1988	458 Minh khai,Vinh Tuy .Hai Bà Trưng. Hà Nội	
835	LS-4863	Nguyễn Thị Hồng Trang	Nữ	1/6/1991	Kiến An, Hải Phòng	
836	LS-4864	Nguyễn Thị Khánh Trang	Nữ	02/08/2005	P. Chu Văn An, TP. Hải Phòng	
837	LS-4865	Nguyễn Thị Minh Trang	Nữ	28/03/1990	Khu Yên Lãng 1, Mạo Khê, Quảng Ninh	
838	LS-4866	Phạm Thị Trang	Nữ	29/11/1996	X. An Khánh, TP. Hải Phòng	
839	LS-4867	Nguyễn Thị Tranh	Nữ	25/03/2002	Thôn Minh Khai, xã Thần Khê, tỉnh Hưng Yên	
840	LS-4868	Lê Thị Thanh Trinh	Nữ	23/09/1982	Tổ 9, Khu phố Vàng Danh 1, Phường Vàng Danh,	
841	LS-4869	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Nữ	01/07/1994	Ngõ 35 Kim Mã Thượng, Phường Ngọc Hà, TP Hà	
842	LS-4870	Nguyễn Như Trong	Nam	20/04/1996	Xã An Hưng, Hải Phòng	
843	LS-4871	Trần Văn Trọng	Nam	07/02/1986	Xã Tân Thành, Thái Nguyên	
844	LS-4872	Vũ Minh Trọng	Nam	18/07/1989	Hà Lâm, Quảng Ninh	
845	LS-4873	Dương Phương Trung	Nam	15/02/1992	Thôn Mộc Hoàn Đình, Xã An Khánh, TP. Hà Nội	
846	LS-4874	Hà Tất Trung	Nam	07/02/1985	Thôn Hứa Phúc Xã Thái Hòa Tỉnh Phú Thọ	
847	LS-4875	Lưu Quang Trung	Nam	04/02/1996	Tổ dân phố 13 Nhân Mỹ, Mỹ đình 1, Nam Từ liêm	
848	LS-4876	Nguyễn Đức Trung	Nam	04/03/1991	Thôn Xuân Hòa 2.Phường Xuân Hòa Tỉnh Phú Thọ	
849	LS-4877	Nguyễn Lương Trung	Nam	23.06.1978	Ven Quốc Lộ 5, Tổ 3 Kdt Đặng Xá, Đặng Xá, Gia	
850	LS-4878	Đoàn Văn Trường	Nam	18/10/1995	P. Hòa Bình, Hải Phòng	
851	LS-4879	Phạm Văn Trường	Nam	05/06/1988	P. Cao Xanh, T. Quảng Ninh	
852	LS-4880	Vũ Xuân Trường	Nam	07/08/1994	P. Bãi Cháy, T. Quảng Ninh	
853	LS-4881	Nguyễn Sinh Trường	Nam	03/12/1981	P. Yên Hòa, Hà Nội	
854	LS-4882	Lê Mạnh Trường	Nam	08/04/1990	Hạ Long, Quảng Ninh	
855	LS-4883	Hoàng Anh Tú	Nam	22/09/1992	P. Minh Xuân, T. Tuyên Quang	
856	LS-4884	Nguyễn Văn Tú	Nam	8/10/1993	Đội 7, Khu 10, Bồng Mạc, Xã Yên Lãng, TP.Hà	
857	LS-4885	Nguyễn Văn Tú	Nam	17/04/1998	Xóm Đồng Bái, Xã Giao Phong, Tỉnh Ninh Bình	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
858	LS-4886	Nguyễn Quang Tú	Nam	1/5/2001	Thôn Minh Tân - Xã Kim Anh - Hà Nội	
859	LS-4887	Đình Văn Tự	Nam	19/09/1995	Tổ 3, Khu Tây Sơn 2, Phường Cửa Ông, Tỉnh	
860	LS-4888	Nguyễn Gia Tuấn	Nam	20/08/1999	10/229 Trần Nguyên Hãn, An Biên, Hải Phòng	
861	LS-4889	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	11/07/1981	P402 C11 Nam Thành Công, Phường Láng, Thành	
862	LS-4890	Đỗ Mạnh Tuấn	Nam	09/11/2000	Vạn Phúc Xuyên, xã Yên Lãng, thành phố Hà Nội	
863	LS-4891	Phạm Duy Tuấn	Nam	08/04/1984	Đông An, Chí Minh, Hải Phòng	
864	LS-4892	Lê Duy Tuấn	Nam	03/07/1991	Thôn Giữa Xã Bình Nguyên Tỉnh Phú Thọ	
865	LS-4893	Ngô Anh Tuấn	Nam	08/11/1999	Thôn Đồng Lá, Hòa Bình, Quảng Ninh	
866	LS-4894	Nguyễn Minh Tuấn	Nam	21/07/1994	Lê Chân, Hải Phòng	
867	LS-4895	Nguyễn Phú Tuấn	Nam	16/09/1982	Ngô Quyền Phường Vĩnh Phúc Tỉnh Phú Thọ	
868	LS-4896	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	22/11/1989	TDP số 1 Tu Hoàng, Phường Xuân Phương, TP Hà	
869	LS-4897	Phạm Đức Tuấn	Nam	05/08/1990	Căn hộ 1416 tòa CT01-B, dự án Khu nhà ở Hateco	
870	LS-4898	Đoàn Minh Tuấn	Nam	07/10/1978	TDP Phố Láp, Phường Vĩnh Phúc Tỉnh Phú Thọ	
871	LS-4899	Trần Anh Tuấn	Nam	25/07/1996	TDP Tân Hà 11 Phường Minh Xuân Tỉnh Tuyên	
872	LS-4900	Trần Anh Tuấn	Nam	25/11/1993	Phòng 907 CT3 Đô Thị Xa La, Phường Hà Đông,	
873	LS-4901	Trần Văn Tuấn	Nam	10/07/1983	Thôn phú hậu Trung, sơn đông, phú thọ	
874	LS-4902	Triệu Văn Tuấn	Nam	5/6/1985	xã Phúc Thịnh, Hà Nội	
875	LS-4903	Vũ Hồng Tuấn	Nam	13/08/1970	Số 89 Phố Khương Thượng, Phường Kim Liên, TP	
876	LS-4904	Lưu Anh Tuấn	Nam	08/03/1987	Lê Chân, Hải Phòng	
877	LS-4905	Nguyễn Hữu Tuấn	Nam	27/05/1991	Ứng Thiên - Hà Nội	
878	LS-4906	Phạm Sỹ Tuấn	Nam	08/06/1979	Liêm Hà, Ninh Bình	
879	LS-4907	Nguyễn Văn Túc	Nam	16/10/1994	Nội Viên, Tân Chi, Bắc Ninh	
880	LS-4908	Dương Minh Tùng	Nam	11/12/1995	Tổ 12, Khu 3 Phường Hồng Gai, Tỉnh Quảng Ninh	
881	LS-4909	Đào Thanh Tùng	Nam	28/01/1995	X. Tiên Lữ, T. Hưng Yên	
882	LS-4910	Đình Sơn Tùng	Nam	25/01/1988	16 Hàng Quạt, Hoàn Kiếm, Hà Nội	
883	LS-4911	Lưu Hữu Tùng	Nam	19/05/1986	Khu Yên Lập Tây, Phường Đông Mai, Tỉnh Quảng	
884	LS-4912	Ngô Duy Tùng	Nam	19/11/1991	Quốc Tử Giám, Hà Nội	
885	LS-4913	Nguyễn Xuân Tùng	Nam	07/12/1975	Tổ 5 phường Bò đề	
886	LS-4914	Phạm Bách Sơn Tùng	Nam	13/12/1983	số 18 ngõ 55 Phố Đức Giang, Việt Hưng, Hà Nội	
887	LS-4915	Trần Thanh Tùng	Nam	09/06/1999	Thôn Thị Tứ, Xã Triệu Sơn, Tỉnh Thanh Hoá	
888	LS-4916	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	06/10/1992	Tổ 26, Khu 3, hà khẩu, Hà Long, Quảng Ninh	
889	LS-4917	Nguyễn Văn Tùng	Nam	04/08/1995	TDP2 Ngọc Trục, Đại Mỗ, Hà Nội	
890	LS-4918	Lâm Văn Tươi	Nam	11/04/1990	Thôn Trại Dạ, xã Tân Thành, tỉnh Lạng Sơn	
891	LS-4919	Trần Thị Tươi	Nữ	15/07/1981	TDP2 Gia Minh, Bạch Đằng, Hải Phòng	
892	LS-4920	Tiêu Thị Tươi	Nữ	21/07/1990	33/94 Le Lợi, Gia Viên, Hải Phòng	
893	LS-4921	Nguyễn Tuấn Tường	Nam	20/06/1997	Việt Khê, Thủy Nguyên, Hải Phòng	
894	LS-4922	Nguyễn Đình Tuyên	Nam	10/05/1989	Hữu Ái, Đông Cừ, Bắc Ninh	
895	LS-4923	Nguyễn Thị Tuyên	Nữ	25/10/1992	Thôn Giữa Lạc Đạo, Văn Lâm, Hưng Yên	
896	LS-4924	Lê Ánh Tuyết	Nữ	18/06/1988	P. Vũ Ninh, T. Bắc Ninh	
897	LS-4925	Phạm Thị Ánh Tuyết	Nữ	09/02/1990	Hà Lâm 2, Xã Thư Lâm, TP. Hà Nội	
898	LS-4926	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	10/11/1982	Số nhà 12/107 Vũ Hữu, phường Lê Thanh Nghị,	
899	LS-4927	Bùi Thị Ánh Tuyết	Nữ	09/04/1990	Quán Rẻ, An Khánh, Hải Phòng	
900	LS-4928	Nguyễn Thị Ty	Nữ	24/07/1977	Tân Liên, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
901	LS-4929	Nguyễn Thị Lệ Uyên	Nam	02/07/1977	22/29 Nguyễn Thái Học, phường Cửa Nam, Hà Nội	
902	LS-4930	Diêm Thị Thu Uyên	Nữ	29/09/2000	Bắc Ninh	
903	LS-4931	Nguyễn Thị Vân	Nữ	07/10/2000	Đại Đồng, Bắc Ninh	
904	LS-4932	Lê Thị Vân	Nữ	16/02/1994	Nhà 101, TDP 1 Miêu Nha,phường Xuân Phương,	
905	LS-4933	Hoàng Thị Cẩm Vân	Nữ	07/01/1992	Kiến An, Hải Phòng	
906	LS-4934	Bế Thị Thùy Vân	Nam	17/09/1988	Đường Chùa Tiên, Phường Chi Lăng, TP Lạng Sơn,	
907	LS-4935	Dương Thị Vân	Nam	20/09/1987	An Biên, Hải Phòng	
908	LS-4936	Mai Thị Vân	Nam	20/12/1988	TDP Viên 4, Đông Ngạc, Hà Nội	
909	LS-4937	Nguyễn Thị Vân	Nam	07/11/1993	P. Tây Mỗ, TP. Hà Nội	
910	LS-4938	Nguyễn Thuỳ Vân	Nam	08/02/1991	41 Quang Trung, Phường Cửa Nam, Hà Nội	
911	LS-4939	Tạ Thị Ái Vân	Nam	27/10/1986	KĐT HUD Sơn Tây, Hà Nội	
912	LS-4940	Trần Thị Hải Vân	Nam	23/02/1996	Khối 6 Vĩnh Trại, TP Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn	
913	LS-4941	Hoàng Thị Kim Vân	Nam	20/12/1991	Khu Nam Mẫu 1, phường Yên Tử, tỉnh Quảng	
914	LS-4942	Phạm Thanh Vân	Nam	09/06/2003	Tổ 7B, Phường Phú Lý, Ninh Bình	
915	LS-4943	Nguyễn Thị Tường Vi	Nam	21/11/1983	TDP Vĩnh thịnh phường vĩnh phúc tỉnh phú tho	
916	LS-4944	Bùi Thị Vi	Nam	23/07/1994	An Khánh, Hải Phòng	
917	LS-4945	Nguyễn Quang Vĩ	Nam	30/04/1993	Đội 1, Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	
918	LS-4946	Đỗ Xuân Việt	Nam	28/10/1978	Tổ 24, Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	
919	LS-4947	Lưu Đức Việt	Nam	21/11/1990	TDP số 4 Miêu Nha, phường Xuân Phương, thành	
920	LS-4948	Phạm Quốc Việt	Nam	15/12/1990	Lê Chân, Hải Phòng	
921	LS-4949	Trương Hữu Việt	Nam	02/08/1988	Lô CT3, Tây Nam Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt,	
922	LS-4950	Đặng Đình Việt	Nam	16/11/1999	Số 46 Trảng Cát, Hải An, Hải Phòng	
923	LS-4951	Nguyễn Đình Việt	Nam	16/04/1998	TDP Đồng Ngur, Phường Song Liễu, Tỉnh Bắc Ninh	
924	LS-4952	Nguyễn Quốc Việt	Nam	08/11/2003	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	
925	LS-4953	Nguyễn Thị Vinh	Nữ	10/04/1977	Khu Hồng Hà, Phường Móng Cái 2, Tỉnh Quảng	
926	LS-4954	Nguyễn Anh Vinh	Nam	18/02/1989	Tổ 3 Khu Trới 2, Phường Hoàng Bồ, Quảng Ninh	
927	LS-4955	Ngô Thị Vinh	Nữ	25/04/1984	Tổ 5, Khu 7, Việt Hưng, Quảng Ninh	
928	LS-4956	Đỗ Thị Vinh	Nữ	27/08/1993	Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh	
929	LS-4957	Dương Văn Vinh	Nam	12/11/1987	TDP Hồng Hồ Xã Xuân Lãng Tỉnh Phú Thọ	
930	LS-4958	Nguyễn Lê Anh Tuấn Vũ	Nam	28/06/1995	Hà Khánh, Hạ Long, Quảng Ninh	
931	LS-4959	Nguyễn Hoàng Vũ	Nam	18/05/1983	An Biên, Lê Chân, Hải Phòng	
932	LS-4960	Đặng Anh Vũ	Nam	12/07/1997	Lạch Chay, Lê Chân, Hải Phòng	
933	LS-4961	Đinh Thị Vui	Nữ	10/08/1998	Thôn Thành Nam, Xã Thanh Sơn, Tỉnh Ninh Bình	
934	LS-4962	Nguyễn Thị Vui	Nữ	25/05/1980	Thôn Hoàng Xá, Hoàng Kim, Mê Linh, Hà Nội	
935	LS-4963	Nguyễn Hồng Vương	Nữ	20/10/1985	Xã Gia Vân, Tỉnh Ninh Bình	
936	LS-4964	Vũ Văn Vương	Nam	02/01/2002	Thôn Lập Trí, xã Kim Anh,TP. Hà Nội	
937	LS-4965	Nguyễn Thị Vy	Nữ	09/10/1988	Thôn Đạo Sứ - thị trấn Thừa - Lương Tài - Bắc	
938	LS-4966	Mai Thị Xuân	Nữ	13/01/1985	Bắc Từ Liêm, Hà Nội	
939	LS-4967	Nguyễn Văn Xuân	Nam	02/01/1996	TDP Phố Sắn, Xã Thạch Thất, TP Hà Nội	
940	LS-4968	Vũ Thị Xuân	Nữ	20/07/1992	Thôn Mạc, Xã Tân Kỳ, Hải Phòng	
941	LS-4969	Trần Thị Yên	Nữ	5/12/1982	Yên Lũng, An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	
942	LS-4970	Lê Nguyễn Thái Yên	Nữ	30/10/2003	Tỉnh Hưng Yên	
943	LS-4971	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	05/02/1992	Số 4 ngõ 23 Bạch Đằng, Phường Hồng Hà, Hà Nội	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
944	LS-4972	Nguyễn Thị Ngọc Yến	Nữ	08/07/1989	Số 5, Ngách 10, Ngõ 14, Phố Bích Nhôi, Khu Bích	
945	LS-4973	Phạm Thị Yến	Nữ	10/12/1991	Tổ 6, Khu Quang Trung, Phường Mạo Khê, Tỉnh	
946	LS-4974	Trần Thị Hải Yến	Nữ	28/12/1980	Đặc khu Cát Hải, TP. Hải Phòng	
947	LS-4975	Phạm Thị Ngọc Yến	Nữ	06/10/1992	48/3/213 Thiên Lôì, An Biên, Hải Phòng	
948	LS-4976	Nguyễn Nhân Ân	Nam	03/10/1969	500 Tổ 19, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	
949	LS-4977	Trần Thị Lan Anh	Nữ	05/01/1992	Số 8, Tổ 8, Phường Việt Hưng, Hà Nội	
950	LS-4978	Trần Gia Bảo	Nam	16/02/2000	Số 149 Lê Lợi, khối 10, P. Đông Kinh, tỉnh Lạng	
951	LS-4979	Vũ Văn Chiến	Nam	08/02/1983	Thôn 3, xã Yên Xuân, Hà Nội	
952	LS-4980	Nguyễn Thế Cường	Nam	18/7/1984	Số 98, Hồ Tùng Mậu, P. Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn	
953	LS-4981	Nguyễn Thị Dinh	Nữ	18/04/1976	TDP Chúc, khu Phố Dương Sơn, Phường Tam	
954	LS-4982	Nguyễn Văn Đồi	Nam	21/6/1964	78A/553/108 Giải Phóng, Tương Mai, Hà Nội	
955	LS-4983	Đặng Thị Thu Hà	Nữ	02/10/1984	Tổ 29, cụm Ngọc Thụy, Bồ Đề, Hà Nội	
956	LS-4984	Nguyễn Trọng Hạnh	Nam	10/07/1978	Xóm Đường Thôn, Khê Nữ, Phúc Thịnh, Hà Nội	
957	LS-4985	Nguyễn Vinh Hạnh	Nam	18/06/1981	Đội 2, Thôn Cổ Đô, xã Cổ Đô, Hà Nội	
958	LS-4986	Bùi Thị Hạnh	Nữ	05/10/1990	Đô Tân, Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	
959	LS-4987	Trần Thị Hiền	Nữ	14/02/1982	CC 212 nhà K2 TT Nghĩa Tân (Viện KHXD) -	
960	LS-4988	Đàm Thị Mai Hoa	Nữ	03/05/1982	78 Lê Duẩn, Phường Văn Miếu Quốc Tử Giám, Hà	
961	LS-4989	Vũ Minh Hoà	Nam	18/12/1981	TDP Nghĩa Am, Cam Ranh, Khánh Hoà	
962	LS-4990	Phạm Thị Hương	Nữ	19/05/1985	24A3 TT Nghĩa Dũng, Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	
963	LS-4991	Nguyễn Thị Hương	Nữ	06/07/1993	Số 1 Trần Nhật Duật, tổ 9 Bồ Xuyên, Phường Thái	
964	LS-4992	Nguyễn Thị Liên	Nữ	17/07/1981	Tập thể Cty XDCT120, xã Phù Đồng, Hà Nội	
965	LS-4993	Lê Thị Lụa	Nữ	10/12/1981	Tổ 3 Bằng A, Hoàng Liệt, Hà Nội	
966	LS-4994	Hoàng Nam	Nam	02/10/1981	P1211, Tòa B, chung cư 4F, 102 Phố Vũ Phạm	
967	LS-4995	Nguyễn Tuấn Nam	Nam	19/11/1993	TDP 17 Phường Đại Mỗ, Hà Nội	
968	LS-4996	Nguyễn Hoàng Nguyên	Nam	08/07/1982	Tổ 7, Phường Lĩnh Nam, Hà Nội	
969	LS-4997	Lê Vũ Xuân Phương	Nam	28/2/1997	Tổ 1, Tân Mai, phường Hoàng Mai, Hà Nội	
970	LS-4998	Đặng Thị Hồng Thuý	Nữ	11/03/1981	Tổ 29, cụm Ngọc Thụy, Bồ Đề, Hà Nội	
971	LS-4999	Đoàn Thị Thu Thủy	Nữ	05/06/1978	Số 10, đường Trần Vỹ, Phường Phú Diễn, thành	
972	LS-5000	Bùi Huyền Trang	Nữ	02/02/2006	Thôn Giang Soi, xã Vân Đình, Hà Nội	
973	LS-5001	Nguyễn Xuân Tú	Nam	15/10/1985	Tổ 10, Phường Yên Hoà, Hà Nội	
974	LS-5002	Nguyễn Thị Tươi	Nữ	17/07/1988	67 Trần Hưng Đạo, Cửa Nam, Hà Nội	
975	LS-5003	Lương Thị Tuyên	Nữ	30/05/1984	Tổ 6, Lĩnh Nam, Hà Nội	
976	LS-5004	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	12/04/1989	Tòa nhà Gemek 2, Lê Trọng Tấn, An Khánh, Hà	
977	LS-5005	Trần Lâm Uý	Nam	01/07/1981	P12CT2 Tổ 19 Yên Sở Hoàng Mai, Hà Nội	
978	LS-5006	Nghiêm Thị Ái	Nữ	04/03/1997	Thôn Hương, xã Phúc Hòa, tỉnh Bắc Ninh	
979	LS-5007	Lê Thái An	Nam	15/11/2004	phường Tương Mai, TP Hà Nội	
980	LS-5008	Trần Đình An	Nam	19/07/1994	Thôn Hương Hóa, X.Thượng Đức, T.Hà Tĩnh	
981	LS-5009	Nguyễn Thùy An	Nữ	12/05/2001	Tổ 5, Tam Chúc, Ninh Bình	
982	LS-5010	Phạm Tiến An	Nam	11/01/1993	Thôn 3 Du Lễ xã Nghi Dương - TP Hải Phòng	
983	LS-5011	Nguyễn Thị An	Nữ	11/08/1989	Phường Tích Lương, Tỉnh Thái Nguyên	
984	LS-5012	Nguyễn Thị Ngọc An	Nữ	21/11/2003	Thôn Hoà Sứ Pán 1 - xã Tả Van - tỉnh Lào Cai	
985	LS-5013	Trần Tuấn Anh	Nam	28/09/1982	4/53/169 Đông Khê, Gia Viên, Hải Phòng	
986	LS-5014	Lê Công Tuấn Anh	Nam	22/07/2004	Đương Thắng, Kiến Hưng, Kiến Thụy, Hải Phòng	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
987	LS-5015	Trương Tuấn Anh	Nam	17/12/1994	TDP Phố Nối, Phường Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên	
988	LS-5016	Nguyễn Hồng Anh	Nam	01/01/1993	Thôn Nam Hải , Kiến Hà, Kiến Thụy , Hải Phòng	
989	LS-5017	Lê Thị Vân Anh	Nữ	20/09/1985	Khu phố Yên Lã , Phường Từ Sơn ,Tỉnh Bắc Ninh	
990	LS-5018	Nguyễn Thế Anh	Nam	26/08/1993	An Lai- Mao Điền- Hải Phòng	
991	LS-5019	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	05/11/1993	Thôn Rót , xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình	
992	LS-5020	Trần Hữu Hải Anh	Nam	04/04/2007	Tổ dân phố Hạnh Phúc phường phù liên Hải Phòng	
993	LS-5021	Phạm Công Anh	Nam	27/04/1989	Tổ 55 phường Định Công, TP Hà Nội	
994	LS-5022	Trần Thị Tâm Anh	Nữ	08/03/1992	Tổ 55,Phường Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	
995	LS-5023	Đặng Hoàng Anh	Nam	07/02/1999	TDP Chàng phường Tự Lạn Tỉnh Bắc Ninh	
996	LS-5024	Lê Thị Việt Anh	Nữ	02/09/1995	Đại Long, Hoàng Thanh, Thanh Hóa	
997	LS-5025	Tô Thị Kim Anh	Nữ	21/10/1993	Số 49 ngõ 41 Đông Tác, Tổ 81B, Phường Kim	
998	LS-5026	Lương Tuấn Anh	Nam	06/09/1985	Xóm Tam Thái, Xã Đồng Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên	
999	LS-5027	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	22/05/1983	Khu 7, Xã Tam Nông, Phú Thọ	
1000	LS-5028	Trần Tuấn Anh	Nam	23/01/1994	TDP Số 3 Mễ Trì Thượng, Phường Từ Liêm, Hà	
1001	LS-5029	Vũ Thị Vân Anh	Nữ	26/03/1985	Hà Đông, Hà Nội	
1002	LS-5030	Lương Tuấn Anh	Nam	30/10/1991	Tổ 19, Vĩnh Hưng, Hà Nội	
1003	LS-5031	Nguyễn Phương Anh	Nữ	18/09/2004	thôn 4, xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên	
1004	LS-5032	Nguyễn Ngọc Hà Anh	Nữ	02/10/2004	thôn Giới Tế, Tiên Du, Bắc Ninh	
1005	LS-5033	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	16/06/1995	Tổ 1A-Phường Hưng Đạo-Thành phố Hải Phòng	
1006	LS-5034	Hoàng Đình Anh	Nam	11/07/1988	tổ dân phố Đông Hải phường Nam Đồ Sơn	
1007	LS-5035	Vũ Thị Vân Anh	Nữ	02/01/1980	458 Minh Khai,Phường Vĩnh Tuy, TP Hà Nội	
1008	LS-5036	Nguyễn Việt Anh	Nam	27/12/1996	Thôn Yên Kiện, Vĩnh Khang, Ngọc Hồi, Hà Nội	
1009	LS-5037	Bùi Thị Anh	Nữ	17/07/1988	Thôn Ngoại Thôn, Xã Thạch Thất, TP Hà Nội	
1010	LS-5038	Nguyễn Phương Anh	Nữ	23/05/1987	Tổ 3, phường Long Biên, tp Hà Nội	
1011	LS-5039	Đặng Hoàng Anh	Nữ	25/11/1987	Tổ 6, Chùa Hang, Thái Nguyên	
1012	LS-5040	Đào Thị Vân Anh	Nữ	01/06/1981	Thôn Tứ Cường,Xã Bắc Thụy Anh,Tỉnh Hưng Yên	
1013	LS-5041	Hà Thị Lan Anh	Nữ	16/04/1998	Yên Sơn, Yên Thọ, TX Đông Triều, Quảng Ninh	
1014	LS-5042	Bùi Thị Hà Anh	Nữ	15/11/1988	Thôn Đoàn Kết, Đoài Phương, Hà Nội	
1015	LS-5043	Nguyễn Minh Anh	Nam	11/05/2000	Đội 10, thôn Hậu Dưỡng, xã Thiên Lộc, Hà Nội	
1016	LS-5044	Hoàng Thị Kim Anh	Nữ	31/10/1982	31 Ngách 61/4 Lạc Trung, Vĩnh Tuy, Hà Nội	
1017	LS-5045	Phạm Thị Hải Ánh	Nữ	09/11/1993	Tổ 1, KP Hà Lâm 3, Hà Lâm, Quảng Ninh	
1018	LS-5046	Đỗ Thị Hồng Ánh	Nữ	18/11/1997	tòa S202, Vinhomes Smart City, P. Tây Mỗ, Tp.	
1019	LS-5047	Trần Ngọc Ánh	Nữ	20/03/2002	Thôn Trung Thành - xã Hưng Phú - tỉnh Hưng Yên	
1020	LS-5048	Bùi Ngọc Ánh	Nữ	07/02/1988	TDP Đặng Hải 9, phường Hải An, Thành phố Hải	
1021	LS-5049	Hoàng Minh Ánh	Nữ	12/05/2002	Số 52 ngõ 2 Lê Lợi, khối 2, phường Đông Kinh,	
1022	LS-5050	Dương Thị Nguyệt Ánh	Nữ	24/01/2005	Thôn Tiên Cầu, Xã Quỳnh An, Tỉnh Hưng Yên	
1023	LS-5051	Nguyễn Ngọc Ánh	Nam	08/05/1988	Việt Yên, Việt Mỹ, Hưng Yên	
1024	LS-5052	Nguyễn Hữu Bắc	Nam	10/08/1991	Thôn 5, Xã Hồng Quang, Tỉnh Hưng Yên	
1025	LS-5053	Ma Xuân Bách	Nam	01/01/1995	Số 4 tổ 84 phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	
1026	LS-5054	Nguyễn Khương Bằng	Nam	01/08/1994	Xóm Tân Bình 2, xã Vô Tranh, tỉnh Thái Nguyên	
1027	LS-5055	Hoàng Thị Ngọc Bích	Nữ	13/06/1989	Lạng Giang, Bắc Ninh	
1028	LS-5056	Vũ Văn Biên	Nam	15/04/1985	CHCC 504, NO4, khu 5,03 Ha, Dịch Vọng, Hà Nội	
1029	LS-5057	Đỗ Minh Biển	Nam	10/06/1993	Thôn 6 Xã Nguyễn Bình Khiêm TP Hải Phòng	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1030	LS-5058	Trần Văn Biện	Nam	16/09/1983	Phúc Lộc 1, phường Hưng Đạo, thành phố Hải	
1031	LS-5059	Ngô Quang Bình	Nam	28/12/1985	Thôn Đồng Than, xã Mỹ Thái, tỉnh Bắc Ninh	
1032	LS-5060	Nguyễn Thanh Bình	Nam	05/01/1980	thôn Làng Móng, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh	
1033	LS-5061	Nguyễn Thanh Bình	Nam	05/07/1981	Tổ 5, Phú Lương, Hà Nội	
1034	LS-5062	Nguyễn Thị Bình	Nữ	02/02/1983	158 Lương Thế Vinh, Vụ Bản, Ninh Bình	
1035	LS-5063	Đào Phú Bình	Nam	12/02/1980	304 Nguyễn Lương Bằng, Phù Liễn, Hải Phòng	
1036	LS-5064	Lê Tuấn Bình	Nam	06/05/1980	Mai Hạ, Xuân Cầm, Bắc Ninh	
1037	LS-5065	Đỗ Viết Bộ	Nam	14/09/2001	Thôn Giữa,Xã Quảng Bị,TP Hà Nội	
1038	LS-5066	Nguyễn Văn Bộ	Nam	25/06/1994	tòa GS3, KĐT Vinhomes Park, Tây Mỗ, Hà Nội	
1039	LS-5067	Nguyễn Duy Cảnh	Nam	09/02/1993	Thôn Đài Làng,Đặc Khu Vân Đồn,Tỉnh Quảng	
1040	LS-5068	Nguyễn Văn Cảnh	Nam	12/08/1977	Xã Giao Thủy, tỉnh Ninh Bình	
1041	LS-5069	Nguyễn Thị Châm	Nữ	06/01/1984	19 ngõ 3 Lương Văn Can, Quang Trung, Hà Đông,	
1042	LS-5070	Nguyễn Quỳnh Châu	Nữ	28/06/1982	Số nhà 5, tổ 7, thôn Tân Bình , Xã Xuân Mai, Hà	
1043	LS-5071	Phạm Minh Châu	Nữ	19/07/1997	Tổ 12,phường vĩnh tuy,thành phố Hà Nội	
1044	LS-5072	Lê Ngọc Chi	Nữ	29/12/1983	Thôn Khê Hôi, Xã Hồng Vân, TP Hà Nội	
1045	LS-5073	Lê Đình Chi	Nam	06/10/1981	Tdp thủy sơn 1 phường Thủy Nguyên Hải Phòng	
1046	LS-5074	Nguyễn Anh Chi	Nữ	05/09/2003	Khu 7, Xã Tam Nông, Phú Thọ	
1047	LS-5075	Chu Diệp Chi	Nữ	05/06/1985	Thôn Du Trảng, xã Nghĩa Trụ, Hưng Yên	
1048	LS-5076	Nguyễn Kim Chi	Nữ	20/02/1996	Vĩnh An, Phú Thọ	
1049	LS-5077	Đoàn Ngọc Chiến	Nam	11/12/1995	TDP Quảng Thanh 7 phường Lê Ích Mộc TP Hải	
1050	LS-5078	Bùi Văn Chiến	Nam	04/09/1986	Xóm Trang,Xã Lạc Sơn,Tỉnh Phú Thọ	
1051	LS-5079	Trần Đình Chiến	Nam	28/06/1986	Trạm, Long Biên, Hà Nội	
1052	LS-5080	Nguyễn Quang Chiến	Nam	09/05/1993	Tổ 17 phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên	
1053	LS-5081	Ngô Văn Chiến	Nam	24/06/1990	Cầm Trang, xã Hợp Thịnh, Bắc Ninh	
1054	LS-5082	Bùi Duy Chiến	Nam	03/12/2001	Thôn Làng Chẹo, xã Mậu A, tỉnh Lào Cai	
1055	LS-5083	Vương Quang Chiến	Nam	24/04/1982	Phùng Hưng, Khoái Châu, Hưng Yên	
1056	LS-5084	Hà Đức Thìn Chiêu	Nam	11/07/2000	Lạng Côn Hải, xã Kiến Minh, Hải Phòng	
1057	LS-5085	Chu Thị Việt Chinh	Nữ	07/09/2000	Thái Sơn, Tuyên Quang	
1058	LS-5086	Chu Văn Chinh	Nam	08/11/1995	CH 1104- N02 - Ecohome 3 - Phường Đông Ngạc -	
1059	LS-5087	Hoàng Văn Chính	Nam	12/06/1999	Thông cầu cóc , xã phúc khánh , tỉnh Lào Cai	
1060	LS-5088	Bùi Thị Chinh	Nữ	18/01/1991	Xóm 3, Kinh Đào, An Mỹ, Mỹ Đức, Hà Nội	
1061	LS-5089	Lê Văn Chung	Nam	10/05/1996	Thôn Ngòi, xã Xuân Bình, tỉnh Thanh Hoá	
1062	LS-5090	Bùi Văn Chung	Nam	24/11/1992	Thôn Bơ Môi,Xã Mỹ Đức,TP Hà Nội	
1063	LS-5091	Trần Bảo Chung	Nam	28/06/1990	La Bằng, Đại Từ, Thái Nguyên	
1064	LS-5092	Nguyễn Minh Chung	Nam	18/10/1992	Thôn Tích Giang, xã Phúc Thọ, Hà Nội	
1065	LS-5093	Phạm Văn Chung	Nam	09/05/1999	Thôn Thành Xuân, xã Hoằng Tiến, Thanh Hóa	
1066	LS-5094	Phạm Văn Chung	Nam	11/01/1998	Chung Nghĩa, Phường Việt Yên, Bắc Ninh	
1067	LS-5095	Nghiêm Văn Chung	Nam	20/07/1984	Thôn Du Đồng,Xã Ứng Hòa,TP Hà Nội	
1068	LS-5096	Bùi Đình Chung	Nam	02/04/1988	Thôn Vân An, xã Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Ninh	
1069	LS-5097	Tạ Tiến Chung	Nam	24/11/1985	Số 16/38 Tổ dân phố 8, phường Dương Nội, Thành	
1070	LS-5098	Nguyễn Khắc Chung	Nam	26/09/1990	tdp đại phong- phường nam đồ sơn -tp hải phòng	
1071	LS-5099	Ngô Quang Chung	Nam	16/01/1990	Thôn Cao Lan, Quốc Khánh, Lạng Sơn	
1072	LS-5100	Nguyễn Công Chung	Nam	23/10/1991	Đội 8, Linh Thượng, xã An Khánh, Hà Nội	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1073	LS-5101	Phan Đình Chung	Nam	26/03/1990	TDP Thần Nữ, Phường Đồng Văn, Tỉnh Ninh Bình	
1074	LS-5102	Trần Thị Chung	Nữ	03/05/1986	TDP Tân Hà 4, Phường Minh Xuân, Tỉnh Tuyên	
1075	LS-5103	Phan Đức Chung	Nam	04/01/1991	Ch E3.20.3, The Emerald, Ct8 Kdtm Mỹ Đình -	
1076	LS-5104	Ngô Văn Chương	Nam	14/06/1978	12a11 - Rainbow Linh đàm, Phường Hoàng liệt,	
1077	LS-5105	Đinh Duy Công	Nam	02/01/1989	2/34 Nam pháp 1, Phường Gia viên, Thành phố	
1078	LS-5106	Phạm Văn Công	Nam	24/12/1994	252 Đại Mỗ, Đại Mỗ, Hà Nội	
1079	LS-5107	Tô Quốc Công	Nam	30/03/1987	Tổ 20 phường Bồ Đề, Hà Nội	
1080	LS-5108	Vũ Thị Cúc	Nữ	08/07/1990	Phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên	
1081	LS-5109	Nguyễn Thị Cúc	Nữ	22/10/1989	Thôn Văn Lập, Xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang	
1082	LS-5110	Tạ Thị Kim Cúc	Nữ	04/08/1986	Thái lai - kim anh - hà nội	
1083	LS-5111	Tạ Văn Cương	Nam	04/03/1988	Thôn Xuân Quan, Thiệu Hoá, Thanh Hoá	
1084	LS-5112	Phạm Đức Cường	Nam	20/05/1994	Tổ 1C, phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng	
1085	LS-5113	Đoàn Mạnh Cường	Nam	06/04/1992	Thôn Công Đăng, Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	
1086	LS-5114	Trần Đức Cường	Nam	04/01/1983	Số 12, Ngõ 395 Đường Xuân Phương, TDP Số 6,	
1087	LS-5115	Trần Văn Cường	Nam	08/02/1985	Khu Phố, Xã Thanh Thủy, Tỉnh Phú Thọ	
1088	LS-5116	Nguyễn Cao Cường	Nam	26/07/1980	Thôn Trại Giáo, Bãi Sậy, Ân Thi, Hưng Yên	
1089	LS-5117	Nguyễn Duy Cường	Nam	31/03/1994	Tổ 12, Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	
1090	LS-5118	Lê Tuấn Cường	Nam	03/04/1987	Ngọc Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	
1091	LS-5119	Đinh Mạnh Cường	Nam	20/10/1981	Sông Công, Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	
1092	LS-5120	Ngô Mạnh Cường	Nam	28/12/1985	Phường Phương Liệt, Hà Nội	
1093	LS-5121	Nguyễn Văn Cường	Nam	01/01/1987	Khu 7 , vị nhuế, xã quảng oai, hà nội	
1094	LS-5122	Lê Xuân Cường	Nam	22/12/1989	Phú ninh- kim anh- hà nội	
1095	LS-5123	Hoàng Văn Đại	Nam	25/02/1984	phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh	
1096	LS-5124	Trần Đức Đại	Nam	11/04/1996	Lương Nỗ - Phúc Thịnh- Hà Nội	
1097	LS-5125	Nguyễn Thanh Đại	Nam	04/11/1995	Xóm Hợp Phong - Xã Liên Sơn - tỉnh Phú Thọ	
1098	LS-5126	Lê Văn Đàm	Nam	20/08/1994	Thôn Tiên Do, xã Bảo Đài, Tỉnh Bắc Ninh	
1099	LS-5127	Phạm Thị Dân	Nữ	10/12/1977	23C, Ngõ 109, Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà	
1100	LS-5128	Lưu Việt Dân	Nam	16/10/1980	Xóm Na Long, xã Đồng Hỷ, Thái Nguyên	
1101	LS-5129	Vũ Minh Đăng	Nam	15/08/2004	Đội 8, Ấng Hạ, Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	
1102	LS-5130	Ma Thị Đào	Nữ	12/07/1983	Thôn Từ Lâm 1 xã Vĩnh Hải Hải Phòng	
1103	LS-5131	Nguyễn Thị Đào	Nữ	12/03/1978	phường Đa Mai, Tỉnh bắc Ninh	
1104	LS-5132	Tô Hữu Đạo	Nam	10/05/1983	74/211 Tôn Đức Thắng, Phường An Biên, Thành	
1105	LS-5133	Nguyễn Văn Đạo	Nam	06/03/1986	Xuân Lai, Gia Bình, Bắc Ninh	
1106	LS-5134	Bùi Thành Đạt	Nam	14/03/1993	Sa Đồng - Quyết Thắng - Hải Phòng	
1107	LS-5135	Vũ Thành Đạt	Nam	08/01/1997	Chi Mai - Mao Điền - Hải Phòng	
1108	LS-5136	Phạm Thanh Đạt	Nam	24/12/1998	Liên Xuân Trung Giã Hà Nội	
1109	LS-5137	Triệu Đình Đề	Nam	04/05/1995	Thôn Tổng Táng, xã Mường Lai, tỉnh Lào Cai	
1110	LS-5138	Nguyễn Thị Diễm	Nữ	15/08/1986	Thanh Chương, Nghệ An	
1111	LS-5139	Nguyễn Văn Diễn	Nam	02/04/1985	Thôn quảng tái ; xã Ứng hoà, TP Hà Nội	
1112	LS-5140	Phạm Bá Diện	Nam	22/10/1991	Thôn Bắc, Xã Đông Hưng, Tỉnh Hưng Yên	
1113	LS-5141	Nguyễn Hữu Điền	Nam	11/10/1985	Thôn Lê Cao, Nghĩa Trụ, Hưng Yên	
1114	LS-5142	Liều Bích Diệp	Nữ	08/05/1992	TDP Cẩm Quan, phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	
1115	LS-5143	Nguyễn Duy Diệp	Nam	01/09/1993	XÓM KỶ LINH, xã Vạn Phú, tỉnh Thái Nguyên	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1116	LS-5144	Đỗ Trung Đình	Nam	19/07/1986	Số 8, ngõ 7, tổ 80, Phường Phương Liệt, Hà Nội	
1117	LS-5145	Dương Văn Đô	Nam	01/11/1980	Xã Phù Đồng, Hà Nội	
1118	LS-5146	Nguyễn Đức Độ	Nam	29/07/1995	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	
1119	LS-5147	Nguyễn Thị Doan	Nữ	18/06/1997	Số 4 ngõ 195 Hồng Hà, Phường Hồng Hà, Hà Nội	
1120	LS-5148	Hoàng Quốc Đoàn	Nam	15/06/1992	Xóm giếng xạ_ xã liên sơn _ tỉnh phú thọ	
1121	LS-5149	Nguyễn Văn Đoàn	Nam	27/02/1987	Thôn vụ Bản xã Kim Anh Tp Hà Nội	
1122	LS-5150	Trần Văn Doanh	Nam	26/12/1986	TDP Đồng Tráng, phường Phương Sơn, Tỉnh Bắc	
1123	LS-5151	Nguyễn Văn Doanh	Nam	29/08/1985	Cụm 2 xã Ô Diên, Hà Nội	
1124	LS-5152	Nguyễn Đình Đông	Nam	01/03/1990	Thôn Kiệu Đông, Xã Cẩm Lý, Tỉnh Bắc Ninh	
1125	LS-5153	Nguyễn Hoàng Đông	Nam	20/06/1993	Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên	
1126	LS-5154	Nguyễn Văn Dũ	Nam	22/06/1993	Thôn Làng Đông, xã Lộc An, Tp Huế	
1127	LS-5155	Lưu Văn Duẩn	Nam	22/08/1994	Thôn Phú Hiến,Mỹ Đức,Hà Nội	
1128	LS-5156	Trần Minh Đức	Nam	23/02/1997	Tổ 1, phường Linh Sơn, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái	
1129	LS-5157	Lê Hữu Đức	Nam	08/08/2002	SN 647, đường Trần Phú, tổ 2, khu phố 8, phường	
1130	LS-5158	Nguyễn Văn Đức	Nam	23/05/1987	TDP Chùa Thượng, phường Thành Đông, TP Hải	
1131	LS-5159	Đào Văn Đức	Nam	21/07/1999	Tổ 1B, Hưng Đạo , Hải Phòng	
1132	LS-5160	Hoàng Lý Đức	Nam	22/01/2002	Thôn Xuân Sơn, X.Cổ Đàm, T.Hà Tĩnh	
1133	LS-5161	Lại Tuấn Đức	Nam	04/12/1993	Khu 9, xã Tam Nông, Phú Thọ	
1134	LS-5162	Vũ Anh Đức	Nam	19/12/1997	Số 4 Kim Đồng, Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	
1135	LS-5163	Phùng Trung Đức	Nam	13/10/1997	Khu Cự Minh, Điều Lương, Cẩm Khê, Phú Thọ	
1136	LS-5164	Trần Văn Đức	Nam	30/12/1980	3236 HH4B BD Linh Đàm - Phường Hoàng liệt -	
1137	LS-5165	Phạm Gia Anh Đức	Nam	19/08/2005	458 Minh Khai,Phường Vĩnh Tuy,TP Hà Nội	
1138	LS-5166	Nguyễn Anh Đức	Nam	11/01/1981	Khu Phố 4 Cẩm Giang, Phường Đồng Nguyên,	
1139	LS-5167	Nguyễn Trung Đức	Nam	24/11/1994	Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên	
1140	LS-5168	Bùi Minh Đức	Nam	15/10/1985	Khu 3 Lương Lỗ, Xã Liên Minh, Tỉnh Phú Thọ	
1141	LS-5169	Vũ Minh Đức	Nam	23/08/2006	Hồng Thắng, Yên Mạc, Yên Mô, Ninh Bình	
1142	LS-5170	Lê Thị Thu Dung	Nữ	27/03/1985	Đại Đồng - Xã Thiên Lộc- Thành Phố Hà Nội	
1143	LS-5171	Nguyễn Thị Dung	Nữ	17/01/1986	Tổ dân phố cấp tiến 1,Phù liên, Hải Phòng	
1144	LS-5172	Nguyễn Thị Dung	Nữ	21/01/1987	Đồng Hương,phù Khê, Bắc ninh	
1145	LS-5173	Nguyễn Thị Uyển Dung	Nữ	08/02/1998	Lạng Giang, Bắc Ninh	
1146	LS-5174	Nguyễn Thị Dung	Nữ	21/09/1974	Đội 6 xã Chương Dương, Hà Nội	
1147	LS-5175	Nguyễn Thùy Dung	Nữ	06/06/1996	Thôn 5, Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	
1148	LS-5176	Nguyễn Thị Dung	Nữ	27/01/1989	Xóm Chùa, Trần Triều, Thanh Liệt, Hà Nội	
1149	LS-5177	Nguyễn Thị Kim Dung	Nữ	18/02/2002	Khu 7, Phù Ninh, Phú Thọ	
1150	LS-5178	Lê Phương Dung	Nữ	14/02/2005	Thôn 9. X.Phụng Công, T.Hưng Yên	
1151	LS-5179	Hoàng Thị Dung	Nữ	11/11/1990	Phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên	
1152	LS-5180	Nguyễn Thị Dung	Nữ	04/05/1986	Cụm 3, đan phượng, hà nội	
1153	LS-5181	Nguyễn Văn Dũng	Nam	28/03/1990	Ngọc Động, Phường Duy Hà, Tỉnh Ninh Bình	
1154	LS-5182	Ngo Xuân Dũng	Nam	09/10/1984	Hương Sơn-hợp thịnh-Bắc Ninh	
1155	LS-5183	Đào Xuân Dũng	Nam	06/09/1992	Tổ dân phố Đền, Phường Thiên Hương, Hải Phòng	
1156	LS-5184	Nguyễn Thái Dũng	Nam	24/09/1992	Lạng Giang, tỉnh Bắc Ninh	
1157	LS-5185	Lê Tiến Dũng	Nam	01/03/1992	66B Xóm Tân Tiến, Vĩnh Tuy, Hà Nội	
1158	LS-5186	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	10/07/1978	Số nhà 194 thôn số 1 xã hiệp hòa tỉnh Bắc Ninh	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1159	LS-5187	Nguyễn Huy Dũng	Nam	07/04/1986	2A/94 Phố Thống Nhất, Phường Lê Thanh Nghị, TP	
1160	LS-5188	Lương Tiến Dũng	Nam	26/08/1984	Thôn Lý 2, X. Tân Yên, Bắc Ninh	
1161	LS-5189	Đỗ Hoàng Dũng	Nam	30/07/1986	TDP Xuân Nhang, Xuân Đình, Hà Nội	
1162	LS-5190	Lê Anh Dũng	Nam	05/11/1982	Số 8 thách 565/34 lạc Long quân, Xuân la, Tây hồ,	
1163	LS-5191	Nguyễn Việt Dũng	Nam	29/07/1984	Khu 2 xã Than Uyên Tỉnh Lai Châu	
1164	LS-5192	Đỗ Tiến Dũng	Nam	10/02/1986	Lã Côi, xã Phù Đổng, TP Hà Nội	
1165	LS-5193	Vũ Thị Dương	Nữ	14/06/1996	Xóm 8, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình	
1166	LS-5194	Phạm Thị Dương	Nữ	27/03/1993	Đội 3, khu Phố Cao Xá, Phường Sơn Nam, Hưng	
1167	LS-5195	Đỗ Thuý Dương	Nữ	26/06/1993	Phường Ngô Quyền, Hải Phòng	
1168	LS-5196	Bùi Huy Dương	Nam	20/09/1984	Tổ 20, Phú Lương, Thành Phố Hà Nội	
1169	LS-5197	Phùng Chu Thuý Dương	Nữ	20/07/1972	37 Lãn Ông, Hoàn Kiếm, Hà Nội	
1170	LS-5198	Đỗ Tùng Dương	Nam	14/07/2003	Hồng Bàng, Hải Phòng	
1171	LS-5199	Vũ Đức Duy	Nam	26/10/1986	TDP Đông Ngạc 4, Phường Đông Ngạc, Thành	
1172	LS-5200	Đỗ Đức Duy	Nam	23/03/1995	Thôn 4 - Xã Kiến Hải - Thành Phố Hải Phòng	
1173	LS-5201	Nguyễn Xuân Duy	Nam	15/12/1991	Hà Tri 2, Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	
1174	LS-5202	Nguyễn Vĩnh Duy	Nam	21/11/1986	93 Quang Trung, P Bắc Giang, Bắc Ninh	
1175	LS-5203	Nguyễn Huy Duy	Nam	28/10/1993	Tổ dân phố Thiên Hương 6, phường Thiên Hương,	
1176	LS-5204	Chu Thị Duyên	Nữ	26/01/1993	Song Khê 2, Tiền Phong, Bắc Ninh	
1177	LS-5205	Bùi Thị Giang	Nữ	02/08/1985	Tổ 32 Khương Trung, Khương Đình, Hà Nội	
1178	LS-5206	Nguyễn Thùy Giang	Nữ	21/02/1980	Pường Hồng Hà, TP Hà Nội	
1179	LS-5207	Nguyễn Minh Giang	Nam	26/5/1999	Dĩnh Kế, P Bắc Giang, Bắc Ninh	
1180	LS-5208	Bùi Đức Giang	Nam	01/08/1995	CH1615A, tòa S1.01, TDP số 7, Tây Mỗ, Hà Nội	
1181	LS-5209	Nguyễn Đức Giang	Nam	15/07/1980	Tô Khê, Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	
1182	LS-5210	Nguyễn Trường Giang	Nam	20/02/1982	Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên	
1183	LS-5211	Trần Thị Thu Hà	Nữ	31/08/1980	5A/29/71 phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng	
1184	LS-5212	Ngô Thị Hà	Nữ	05/08/1987	Đội 5- Thôn Bình Dân - Xã Triệu Việt Vương -	
1185	LS-5213	Lê Thị Thu Hà	Nữ	08/09/1991	Phúc Lộc , Hà Nội	
1186	LS-5214	Vũ Mạnh Hà	Nam	24/05/1987	Thôn Cao Mỗ Đông, xã Đông Tiên Hưng, Hưng	
1187	LS-5215	Phạm Thị Thu Hà	Nữ	03/08/1994	Tổ 10, Khu Hồng Hải 3, Hạ Long, Quảng Ninh	
1188	LS-5216	Nguyễn Thu Hà	Nữ	19/05/1995	Tổ 55, Khu 5 Hà Trung, Hạ Long, Quảng Ninh	
1189	LS-5217	Nguyễn Hải Hà	Nam	25/05/2001	Xuân Sơn, Đông Triều, Quảng Ninh	
1190	LS-5218	Yên Thu Hà	Nữ	12/05/1991	Khu Phố, Xã Thanh Thủy, Tỉnh Phú Thọ	
1191	LS-5219	Lương Thị Hà	Nữ	05/07/1992	Tổ 1, Cầu Trắng, Đại yên, Hạ Long, Quảng Ninh	
1192	LS-5220	Vũ Hồng Hà	Nam	15/10/1984	TDP Nam Giang, P Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh	
1193	LS-5221	Đặng Thị Hà	Nữ	25/07/1995	Thanh Oai, Hà Nội	
1194	LS-5222	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	25/11/1985	Khu 9 xã Vạn Xuân tỉnh Phú Thọ	
1195	LS-5223	Nguyễn Thị Hồng Hà	Nữ	08/04/1986	TỔ 10, PHÁP VÂN, HOÀNG MAI, HÀ NỘI	
1196	LS-5224	Phó Thị Hà	Nữ	21/08/1988	Kim anh - Hà Nội	
1197	LS-5225	Tạ Thị Hà	Nữ	19/09/2000	Xóm 2 thôn Yên Thái, Sơn Đồng, Hà Nội	
1198	LS-5226	Nguyễn Thị Hà	Nữ	09/06/1992	Văn Đức, Chí Linh, Hải Phòng	
1199	LS-5227	Đinh Văn Hải	Nam	17/02/1994	Đội 2, xã Đại Thanh, thành phố Hà Nội	
1200	LS-5228	Lương Bé Hồng Hải	Nữ	19/06/2004	Thôn Nà Noọng, Xã Trảng Định, Tỉnh Lạng Sơn	
1201	LS-5229	Hoàng Mạnh Hải	Nam	13/09/1981	Tổ Giáp Hải, Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1202	LS-5230	Nguyễn Bá Hải	Nam	22/02/1993	Thôn cầu rồng xã kim tân tỉnh thanh hóa	
1203	LS-5231	Nguyễn Xuân Hải	Nam	04/05/2002	Thôn Ngự Cầu, xã An Khánh, Hà Nội	
1204	LS-5232	Nguyễn Văn Hải	Nam	20/04/1994	S1.03 Vinhomes Smart City, Tây Mỗ, Hà Nội	
1205	LS-5233	Nguyễn Văn Hải	Nam	02/01/1988	Lang Thượng, An Khánh, Hải Phòng	
1206	LS-5234	Tô Thị Hải	Nữ	07/08/1989	TDP Hạ, Từ Sơn, Bắc Ninh	
1207	LS-5235	Bùi Ngọc Hải	Nam	28/11/1990	Thôn 1, Lại Xuân, Thuỷ Nguyên, Hải Phòng	
1208	LS-5236	Nguyễn Mạnh Hải	Nam	09/07/1986	Kim Văn,Kim Lũ,Định Công,Hà Nội	
1209	LS-5237	Đoàn Thanh Hải	Nam	18/07/1981	Tổ DP số 2, Phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh	
1210	LS-5238	Lê Văn Hải	Nam	16/06/1985	Phượng Nghĩa, phường Chương Mỹ, Hà Nội	
1211	LS-5239	Phạm Như Hải	Nam	04/11/1989	Xóm Quan Đồng, Ninh Mỹ, Hoa Lư, Ninh Bình	
1212	LS-5240	Nguyễn Mạnh Hải	Nam	20/08/1986	TDP Tân Bình, Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	
1213	LS-5241	Đoàn Văn Hân	Nam	09/07/1989	Do Thượng, xã Mê Linh, Hà Nội	
1214	LS-5242	Lý Thu Hằng	Nữ	15/07/1993	Thôn Nậm Rúp, xã Mường Khương, tỉnh Lào Cai	
1215	LS-5243	Nguyễn Thuý Hằng	Nữ	23/11/1984	Thôn Hội, xã Phượng Dực, Thành phố Hà Nội	
1216	LS-5244	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	16/09/1997	Cầu Giữa - Văn Môn - Bắc Ninh	
1217	LS-5245	Trần Thị Hằng	Nữ	14/02/1983	Thôn Chân Sơn - Xã Bình xuyên - Tỉnh Phú Thọ	
1218	LS-5246	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Nữ	02/04/1985	Xóm 10 Kim Hoàng,Vân Canh,Sơn Đồng,Hà Nội	
1219	LS-5247	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	03/07/1993	TDP Đức Cung,Phường Xuân Hòa,Tỉnh Phú Thọ	
1220	LS-5248	Đỗ Thị Thu Hằng	Nữ	30/06/2006	Đô Tân, Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	
1221	LS-5249	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	08/08/1992	Khu Thanh Sơn, P. Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh	
1222	LS-5250	Linh Thị Hằng	Nữ	02/11/1995	Xóm Hanh, Phổ Yên, Thái Nguyên	
1223	LS-5251	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	02/08/1998	Đội 5 - Mai Trai, xã Cổ Đô, thành phố Hà Nội	
1224	LS-5252	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	07/02/1986	Tổ 4, phường Linh Sơn tỉnh Thái Nguyên	
1225	LS-5253	Phạm Thị Thanh Hằng	Nữ	27/08/2007	Thôn Phú Linh, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình	
1226	LS-5254	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	19/09/1992	Cụm 6, Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	
1227	LS-5255	Ngô Thị Bích Hạnh	Nữ	11/11/1997	TDP Thượng Cát 2 Phường Thượng Cát Thành	
1228	LS-5256	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	04/08/1993	Xóm 3,thôn An Trai,xã Sơn Đồng,Thành Phố Hà	
1229	LS-5257	Triệu Thị Hạnh	Nữ	02/05/1994	Hà Đông, Hà Nội	
1230	LS-5258	Hoàng Thị Hồng Hạnh	Nữ	13/01/1997	Tổ 6, Trần Hưng Đạo, Cẩm Phả, Quảng Ninh	
1231	LS-5259	Lê Thị Hạnh	Nữ	16/08/1993	Chiều Thượng, Phường Đông Quang, Thanh Hoá	
1232	LS-5260	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nữ	29/11/1998	Tổ dân phố Gia Bẩy, phường Linh Sơn, tỉnh Thái	
1233	LS-5261	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	24/02/1995	Bình Mỹ, Ninh Bình	
1234	LS-5262	Hoàng Quang Hào	Nam	03/11/2002	Tổ 24, khu Kim Sen, phường Mạo Khê, tỉnh	
1235	LS-5263	Nguyễn Giang Hào	Nam	04/10/2002	Xóm suối yên xã liên sơn tỉnh phú thọ	
1236	LS-5264	Đặng Thị Hào	Nữ	06/02/1984	Đường Trường Chinh,Thôn 3,Xã Hiệp Hòa,Bắc	
1237	LS-5265	Ngô Thị Bích Hào	Nữ	27/09/1989	Tổ 6, phường Hồng Hà, Hà Nội	
1238	LS-5266	Bùi Đức Hậu	Nam	07/11/1991	Thôn Ngọc Nha, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	
1239	LS-5267	Cần Văn Hậu	Nam	18/05/1985	Thạch Thát, Hà Nội	
1240	LS-5268	Lưu Thị Hậu	Nữ	16/06/1998	Thôn Nhân Hòa, Xã Hòa Xá, TP Hà Nội	
1241	LS-5269	Lưu Thị Hiền	Nữ	10/05/1985	số nhà 71, tổ dân phố Hoàng Lâu 2, phường An	
1242	LS-5270	Ngô Thị Hiền	Nữ	13/02/1980	Ngọ Xá, Xuân Cẩm, Bắc Ninh	
1243	LS-5271	Tạ Thị Hiền	Nữ	26/04/1991	Thôn 9, Tú Sơn, Kiến Thụy , Hải Phòng	
1244	LS-5272	Nguyễn Thu Hiền	Nữ	21/12/1989	193B Bà Triệu, Phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1245	LS-5273	Nguyễn Đức Hiền	Nam	26/12/1998	Số 20, ngõ 23 Bồ Đề, tổ 5, Phường Bồ Đề, Hà Nội	
1246	LS-5274	Trương Thị Thu Hiền	Nữ	09/07/1997	Tổ 4A, khu 5A, Phường Bãi Cháy, Quảng Ninh	
1247	LS-5275	Nguy Thị Hiền	Nữ	29/08/1995	HH1C Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hà Nội	
1248	LS-5276	Lưu Thị Hiền	Nữ	24/09/1979	Lương đường - phường hoà bình -hải phòng	
1249	LS-5277	Nông Thế Hiền	Nam	23/08/1990	Thôn Nà Phiêng, xã Thượng Minh, Tỉnh Thái	
1250	LS-5278	Nguyễn Hiền	Nam	15/08/1981	19 tổ 8 cụm 2 Phường Khương Đình, Tp Hà Nội	
1251	LS-5279	Đỗ Hồng Hiền	Nam	04/11/1998	Thôn Thiết Úng-xã Thư Lâm- Hà Nội	
1252	LS-5280	Đoàn Văn Hiệp	Nam	22/08/1995	Phường Bắc Giang, bắc Ninh	
1253	LS-5281	Nguyễn Thái Hiệp	Nam	20/07/1994	TDP Tiểu Bàng 2, Phường Nam Đồ Sơn, Thành	
1254	LS-5282	Nguyễn Hồng Hiệp	Nam	20/09/1985	Phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên	
1255	LS-5283	Nguyễn Minh Hiệp	Nam	26/10/1997	TDP Nhuận Trạch , Phường Mỹ Hào, Tỉnh Hưng	
1256	LS-5284	Lương Minh Hiếu	Nam	09/01/1998	Xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên	
1257	LS-5285	Đào Tô Hiếu	Nam	14/12/1984	134 Lê Chân, phường Lê Thanh Nghi, TP Hải	
1258	LS-5286	Nguyễn Văn Hiếu	Nam	10/08/1984	TDP Cửu Việt,Trâu Quỳ,Gia Lâm,Hà Nội	
1259	LS-5287	Nguyễn Ngọc Hiếu	Nam	03/10/1987	TDP số 5 , Phường Hoà Bình, Tỉnh Phú Thọ	
1260	LS-5288	Phạm Văn Hiếu	Nam	08/10/1973	TDP liên cơ xã gia lâm thành phố hà nội	
1261	LS-5289	Nguyễn Quang Hiếu	Nam	04/07/1986	Phố Nỹ, Trung Giã, Hà Nội	
1262	LS-5290	Nguyễn Ngọc Hiếu	Nam	28/09/1993	Tổ 18 phường Hòa Bình, Phú Thọ	
1263	LS-5291	Lê Trung Hiếu	Nam	15/08/1995	Xã An Khánh, tỉnh Thái Nguyên	
1264	LS-5292	Nguyễn Trọng Hiếu	Nam	20/7/1984	Ngõ 914, Hoàng Hoa Thám, TDP Phúc Hạ, Đa	
1265	LS-5293	Trần Thị Hiếu	Nữ	29/05/1979	Văn Trảng 2, Xã An Lão, Thành phố Hải Phòng	
1266	LS-5294	Nguyễn Văn Hiếu	Nam	09/11/1973	Kỳ Lừa, Lạng Sơn	
1267	LS-5295	Ngô Minh Hiếu	Nam	03/04/2001	Số 82 Đường Nam Hải, Tổ dân phố 2, Phường	
1268	LS-5296	Hà Hồng Hiếu	Nam	19/04/1993	xã Đông Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên	
1269	LS-5297	Đỗ Trung Hiếu	Nam	05/11/2003	Dĩnh Trì phường Bắc Giang tỉnh Bắc Ninh	
1270	LS-5298	Hoàng Thị Hiệ	Nữ	11/07/1991	Lạc Đạo, Hưng Yên	
1271	LS-5299	Trần Văn Hiệ	Nam	20/09/1979	Phường Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên	
1272	LS-5300	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	08/11/1982	Số nhà 39, tổ 17, xã Thư Lâm, thành phố Hà Nội	
1273	LS-5301	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Nữ	29/04/1994	Thôn Mục Uyên 1, xã Hạ Bằng, tp Hà Nội	
1274	LS-5302	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	Nữ	20/05/2002	Thôn Chung, xã Nhã Nam, Bắc Ninh	
1275	LS-5303	Bùi Thị Kim Hoa	Nữ	22/09/1993	Thôn Minh Khai, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên	
1276	LS-5304	Trần Thị Thục Hoa	Nữ	12/03/1976	Kỳ Lừa, Lạng Sơn	
1277	LS-5305	Vũ Thị Hoa	Nữ	23/12/1976	Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	
1278	LS-5306	Trần Thị Hoa	Nữ	18/11/1994	Đình thôn,phường từ liêm,Hà Nội	
1279	LS-5307	Trần Thị Hoa	Nữ	21/07/1979	Cụm 4, Đan Phượng, Hà Nội	
1280	LS-5308	Trần Thị Hoà	Nữ	11/11/1983	Khu Hoà Đình , Phường Võ Cường , Tp Bắc Ninh	
1281	LS-5309	Nguyễn Trần Hoà	Nam	10/02/1993	Khu 6 Giếng Đáy, Hạ Long, Quảng Ninh	
1282	LS-5310	Phạm Huy Hoà	Nam	13/06/1990	An Mỹ - xã Trung Kênh - tỉnh Bắc Ninh	
1283	LS-5311	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	24/05/1988	Trung sơn - hợp thịnh - Bắc Ninh	
1284	LS-5312	Lê Trọng Hoà	Nam	17/06/1993	Xã Phiêng Pần, tỉnh Sơn La	
1285	LS-5313	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	01/02/1986	Xóm 3 thôn ngọc chi xã vĩnh thanh -hà nội	
1286	LS-5314	Nguyễn Thị Thu Hòa	Nữ	20/10/1988	Đội 1, thôn Nghĩa Chế, xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh	
1287	LS-5315	Phạm Đăng Hòa	Nam	06/07/1987	Tổ 28, Phường Long Biên, Hà Nội	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1288	LS-5316	Nguyễn Thị Hòa	Nữ	02/09/1984	Thôn số 1 xã Hiệp Hòa tỉnh Bắc Ninh	
1289	LS-5317	Lê Văn Hòa	Nam	10/10/1988	Khu1 - Thái Lai - Tiến Thắng - Hà Nội	
1290	LS-5318	Nguyễn Thị Hòa	Nữ	16/01/1984	TDP 6P,Phường Kiến Hưng,Hà Nội	
1291	LS-5319	Vũ Văn Hòa	Nam	26/05/1991	Cảnh Thụy, Yên Dũng, Bắc Ninh	
1292	LS-5320	Nguyễn Thị Hoài	Nữ	28/11/1982	Dục Nội, xã Đông Anh, TP Hà Nội	
1293	LS-5321	Nguyễn Thị Hoài	Nữ	20/01/1994	Thôn Yên Phú, Đa Phúc, Hà Nội	
1294	LS-5322	Phạm Thị Hoài	Nữ	19/12/1983	6/11 đường đất đỏ trường chinh 1 kiến an Hải	
1295	LS-5323	Đào Thị Thu Hoài	Nữ	24/09/2004	Tổ 5 Nhân Huệ, Phường Yên Nghĩa, Thành phố	
1296	LS-5324	Lê Thế Hoan	Nam	23/04/1999	371(NO11- LK03) KHU VĂN PHÚ, Phường	
1297	LS-5325	Đặng Văn Hoan	Nam	18/09/1988	Thôn Thọ Vực,Xã Hòa Xá,Thành Phố Hà Nội	
1298	LS-5326	Lê Công Hoàn	Nam	09/09/1996	Thôn đội 5, Hưng Công, Bình Lục, Hà Nam	
1299	LS-5327	Đỗ Văn Hoàn	Nam	20/01/1983	Tổ 3, Phường Nghĩa Đô, TP Hà Nội	
1300	LS-5328	Bùi Văn Hoàn	Nam	07/10/1979	Số 95, đường Phạm Văn Đồng, phường Lê Thanh	
1301	LS-5329	Triệu Văn Hoàng	Nam	17/02/1985	Tổ 60 phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	
1302	LS-5330	Lưu Văn Hoàng	Nam	01/05/1993	Thôn Tân Hoa, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	
1303	LS-5331	Lê Huy Hoàng	Nam	19/03/1992	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	
1304	LS-5332	Phạm Thành Hoàng	Nam	21/05/1997	Thôn Đồng Thái, xã Yên Cường, tỉnh Nam Định	
1305	LS-5333	Phạm Văn Hoàng	Nam	17/06/1991	Tổ 34, phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội	
1306	LS-5334	Hàn Văn Hoàng	Nam	02/02/1999	Thôn Chí Cường 2, xã Thiệu Quang, Thanh Hóa	
1307	LS-5335	Vũ Thị Hoè	Nữ	10/10/1970	Tổ 10,Phường Long Biên,Hà Nội	
1308	LS-5336	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	06/01/1984	Thôn Mẫn Xá, xã Văn Môn, Bắc Ninh	
1309	LS-5337	Nguyễn Thị Thu Hồng	Nữ	12/10/1994	Thôn Phù Liễn, xã Phúc Thịnh, Hà Nội	
1310	LS-5338	Lê Thị Hồng	Nữ	25/11/1993	TDP Phan Bội, Phường Đường Hào, Hưng Yên	
1311	LS-5339	Nguyễn Thị Thuý Hồng	Nữ	02/11/1988	42 ngõ Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội	
1312	LS-5340	Lê Thị Hồng	Nữ	04/09/1992	Giang Khẩu, xã Quyết Thắng, thành phố Hải Phòng	
1313	LS-5341	Phan Thị Hồng	Nữ	16/04/1978	Thôn Lê Xá - xã Đông Anh - TP Hà Nội	
1314	LS-5342	Nguyễn Thị Thuý Hồng	Nữ	28/05/1985	An Khánh Hải Phòng	
1315	LS-5343	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	21/09/1999	Sơn Đồng, Hà Nội	
1316	LS-5344	Nguyễn Thị Ánh Hồng	Nữ	23/11/2003	Khu 6B Cẩm Trung, Phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng	
1317	LS-5345	Nguyễn Thị Bích Hồng	Nữ	25/09/1979	Thôn Trung Đông, Xã Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Ninh	
1318	LS-5346	Đinh Văn Hợp	Nam	24/08/1981	Số 66 gácch 61/17 Phùng Chí Kiên, tổ 23, phường	
1319	LS-5347	Lê Xuân Hợp	Nam	20/07/2006	Khu Phú Xuân - xã Hùng Việt - tỉnh Phú Thọ	
1320	LS-5348	Nguyễn Huy Huân	Nam	08/09/1987	Thôn Như Lân - xã Nghĩa Trụ - tỉnh Hưng Yên	
1321	LS-5349	Vì Quang Huân	Nam	20/05/1992	Trại Nấm, Xuân Lương, Bắc Ninh	
1322	LS-5350	Nguyễn Thị Huế	Nữ	02/08/1984	Tổ dân phố cảm du. Xã tân thanh. Tỉnh Ninh Bình	
1323	LS-5351	Nguyễn Thị Huế	Nữ	15/12/1989	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	
1324	LS-5352	Nguyễn Thị Huế	Nữ	20/10/1982	19 An Trạch, Quốc Tử Giám, Hà Nội	
1325	LS-5353	Dương Thị Huế	Nữ	29/09/1984	Thanh Trí, Kim Anh, Hà Nội	
1326	LS-5354	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	09/09/1983	Thôn Châu Xá, Việt Yên, Hưng Yên	
1327	LS-5355	Bạch Thị Kim Huệ	Nữ	01/05/1984	Số 10b4, ngõ 8, đường ngô quyền, hà đông, hà nội	
1328	LS-5356	Nguyễn Thị Thanh Huệ	Nữ	06/05/1982	Thôn Hưng Thịnh Xã Hiệp Hòa,Tỉnh Bắc Ninh	
1329	LS-5357	Phạm Thị Huệ	Nữ	08/05/1989	Cầm Trang, Hợp Thịnh, Bắc Ninh	
1330	LS-5358	Đinh Thị Huệ	Nữ	02/09/2002	Thôn 8 Cống Hiền, Vĩnh Hải, Hải Phòng	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1331	LS-5359	Đinh Thị Huệ	Nữ	30/06/1993	Trung Tâm- Hoàng Vân- Bắc Ninh	
1332	LS-5360	Trần Thị Thanh Huệ	Nữ	26/07/1989	phường Tam Thanh, Lạng Sơn	
1333	LS-5361	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	13/07/1983	Thanh Lương, Hải Bà Trưng, Hà Nội	
1334	LS-5362	Trần Thị Huệ	Nữ	19/06/1992	Nghĩa Trai- Như Quỳnh - Hưng Yên	
1335	LS-5363	Nguyễn Xuân Hùng	Nam	24/09/1989	Tổ dân phố số 6 Phú Mỹ, phường Từ Liêm, thành	
1336	LS-5364	Ngô Việt Hùng	Nam	01/09/1979	Số 188 ngõ 438 Tây Sơn, tổ 14A, Phường Đồng	
1337	LS-5365	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	19/08/1999	Thôn Quàn, Xã Tứ Kỳ, Thành Phố Hải Phòng	
1338	LS-5366	Diệp Văn Hùng	Nam	02/05/1987	Tổ Nam Giang, Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	
1339	LS-5367	Nguyễn Duy Hùng	Nam	26/11/1991	TDP Hướng, Bắc Giang, Bắc Ninh	
1340	LS-5368	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	06/07/1999	Thôn Cao Mỗ Nam, X.Đông Tiên, Hưng Yên	
1341	LS-5369	Trương Duy Hùng	Nam	12/10/1993	Tổ 73, phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	
1342	LS-5370	Ngụy Đình Hùng	Nam	08/08/1979	phường Cảnh Thụy, Bắc Ninh	
1343	LS-5371	Phạm Văn Hùng	Nam	19/06/2001	TDP 6 Vạn Hương, Đồ Sơn, Hải Phòng	
1344	LS-5372	Lưu Đình Hùng	Nam	08/10/1994	Thôn Phú Lâm xã Tiên Du tỉnh Bắc Ninh	
1345	LS-5373	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	22/06/1977	Tổ 5, Phú Lương, Hà Nội	
1346	LS-5374	Nguyễn Đức Hùng	Nam	22/12/1996	Số 7 Ngõ 11 Cầu Đor 5, phường Hà Đông, thành	
1347	LS-5375	Nguyễn Hữu Hùng	Nam	13/03/1993	TDP Số 1 Thanh Hà,Xã Bình Minh,TP Hà Nội	
1348	LS-5376	Hà Mạnh Hùng	Nam	30/05/1984	Kim Liên,Đống Đa,Hà Nội	
1349	LS-5377	Lâm Văn Hùng	Nam	24/11/1994	Minh Khai, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	
1350	LS-5378	Trần Tuấn Hùng	Nam	03/01/2003	Tổ dân phố Thụy Xuyên phường Kim Bảng tỉnh	
1351	LS-5379	Nguyễn Nam Hưng	Nam	03/06/1984	Mỹ Hào, Hưng Yên	
1352	LS-5380	Nguyễn Bá Hưng	Nam	24/06/1992	Thôn Lai Tảo,Xã Phúc Sơn,HÀ NỘI	
1353	LS-5381	Khổng Văn Hưng	Nam	07/08/1996	TDP Đồng Quan, phường Tiền Phong, tỉnh Bắc	
1354	LS-5382	La Văn Hưng	Nam	26/08/2000	Thôn Pàn Đào, xã Tân Tiến, Lạng Sơn	
1355	LS-5383	Nguyễn Minh Hưng	Nam	01/07/1991	TDP Phan Bôi, Phường Đường Hào, Hưng Yên	
1356	LS-5384	Lê Đình Hưng	Nam	04/11/2005	Khu Phú Nội, xã Thanh Miện, Hải Phòng	
1357	LS-5385	Nguyễn Văn Hưng	Nam	02/09/1984	Khê Ngoại 4,Mê Linh,Hà Nội	
1358	LS-5386	Trương Tuấn Hưng	Nam	18/10/1991	Tổ 15 Khu 5B Quang Trung, TP. Uông Bí, Quảng	
1359	LS-5387	Vũ Thị Lan Hương	Nữ	23/10/1992	Thôn An Cặp, xã Hoàng Vân, Tỉnh Bắc Ninh	
1360	LS-5388	Ngô Thị Hương	Nữ	12/04//1983	Thuận Thượng - Đan phượng- Hà nội	
1361	LS-5389	Đỗ Thị Hương	Nữ	22/02/1988	Thôn mục uyên 2 hạ bằng hà nội	
1362	LS-5390	Nguyễn Thị Hương	Nữ	08/11/1989	TDP 1, Mễ Trì Thượng, Từ Liêm, Hà Nội	
1363	LS-5391	Lê Thị Hương	Nữ	10/09/1990	Thôn Đào Viên, Việt Tiến, Hưng Yên	
1364	LS-5392	Dương Thu Hương	Nữ	23/07/1987	TDP Đề Thám 10, Phường Thực Phán, Cao Bằng	
1365	LS-5393	Đoàn Thị Hương	Nữ	29/02/1996	Phú Khê, Đa Mai, Bắc Ninh	
1366	LS-5394	Hoàng Thị Thu Hương	Nữ	01/08/1987	Đường Hào, Hưng Yên	
1367	LS-5395	Vương Diễm Hương	Nữ	09/12/1991	Tổ 50, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	
1368	LS-5396	Phạm Thị Hương	Nữ	21/08/1981	7a/5a thanh long lệ tảo 1 phủ liễn hải phòng	
1369	LS-5397	Nguyễn Thị Hương	Nữ	14/09/1977	Thôn An Từ xã Tiên Lãng	
1370	LS-5398	Bùi Thị Hương	Nữ	15/02/1989	Tdp Tân Lập Phường Nam Triệu Thành phố Hải	
1371	LS-5399	Nguyễn Thị Hương	Nữ	19/11/1993	Đội 8, Linh Thượng, xã An Khánh, Hà Nội	
1372	LS-5400	Phạm Thị Thanh Hương	Nữ	30/06/1999	Số 06/204 Phương Lưu, TDP Phương Lưu 3,	
1373	LS-5401	Nguyễn Thị Hương	Nữ	10/11/1988	Xóm 5 , Thụy Khuê , Quốc Oai , Hà Nội	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1374	LS-5402	Nguyễn Thị Ngọc Hương	Nữ	23/12/1993	Quang Minh, Tam Đảo, Phú Thọ	
1375	LS-5403	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	11/11/1975	Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	
1376	LS-5404	Nguyễn Quý Hường	Nam	08/11/1991	Xã Vĩnh Hoà Thành Phố Hải Phòng	
1377	LS-5405	Hoàng Thị Hường	Nữ	14/12/1990	Căn 705 tòa B housinco, tổ dân phố 10, phường	
1378	LS-5406	Phạm Thị Hường	Nữ	29/02/1984	Thôn Đức Thịnh, Xã Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Ninh	
1379	LS-5407	Hoàng Thị Hường	Nữ	24/09/1993	TDP Tiên Phong, Hải Bình, Thị xã Nghi Sơn,	
1380	LS-5408	Nguyễn Thị Hường	Nữ	22/07/1985	Đa Phúc, Quốc Oai, Hà Nội	
1381	LS-5409	Lê Thị Hường	Nữ	10/04/1992	Thôn Yên Lão, Nghĩa Hiệp, Yên Mỹ, Hưng Yên	
1382	LS-5410	Trần Huy Hường	Nam	18/04/2001	Đội 10, thôn Ngọc Nha Hạ, xã Khoái Châu, tỉnh	
1383	LS-5411	Nguyễn Thị Hường	Nữ	15/08/1985	Đội 2 thôn Phú hữu /xã phúc Sơn /TP HN	
1384	LS-5412	Trần Quang Huy	Nam	15/04/1994	210 Tổ 30 Phường Kim Liên Thành phố Hà Nội	
1385	LS-5413	Vũ Khắc Huy	Nam	22/04/1984	Tổ dân phố Hoà Bình, phường An Hải, thành phố	
1386	LS-5414	Đỗ Việt Huy	Nam	15/09/1982	Tổ 17 phường Cầu Giấy Hà Nội	
1387	LS-5415	Lê Văn Huy	Nam	29/03/1992	70/161 Chùa Hàng/Lê Chân/Hải Phòng	
1388	LS-5416	Từ Đức Huy	Nam	01/08/2001	P3 H1 Tập thể Nguyễn Công Trứ, Phường Hai Bà	
1389	LS-5417	Đỗ Thế Huy	Nam	19/04/1986	Thôn Thanh Giã 1, xã Bảo Đài Tỉnh Bắc Ninh	
1390	LS-5418	Phạm Văn Huy	Nam	17/07/1999	Tổ 9- Khu 3- Hạ Long- Quảng Ninh	
1391	LS-5419	Nguyễn Đức Huy	Nam	29/05/1985	Khu 7, Xã Thanh Thủy, Tỉnh Phú Thọ	
1392	LS-5420	Nguyễn Văn Huy	Nam	27/09/2000	Tổ 3, Phương An, Yên Tử, Quảng Ninh	
1393	LS-5421	Vũ Quang Huy	Nam	18/05/1998	Tô Hiệu,Nguyễn Trãi,Hà Đông,Hà Nội	
1394	LS-5422	Lương Quốc Huy	Nam	01/09/2002	Đội1-Thôn Nội Linh - Xã Hoàng Hoa Thám - Tỉnh	
1395	LS-5423	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	16/03/1986	Ngõ 273, Tổ 4 Hải An, Hải Phòng	
1396	LS-5424	Dương Thị Thuý Huyền	Nữ	10/10/1989	Nghĩa trung việt yên Bắc ninh	
1397	LS-5425	Cao Thị Ngọc Huyền	Nữ	29/04/1982	Căn hộ chung cư số 1801 tòa nhà 18T3-Việt Hưng	
1398	LS-5426	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	08/03/1991	SN46 Thôn Hoành Mô- Hoàng Quế- Đông Triều-	
1399	LS-5427	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	18/11/2003	34/17/93/152 Chợ Hàng, Phường Lê Chân, Thành	
1400	LS-5428	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	13/06/1986	Nghĩa Tiến, xã Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Ninh	
1401	LS-5429	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	29/01/1994	89 tổ dân phố Tự, phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh	
1402	LS-5430	Phạm Thị Huyền	Nữ	21/08/1991	SN 5, ngõ 137, tổ 1, phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh	
1403	LS-5431	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	09/12/1992	TDP Bãi Ổi, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh	
1404	LS-5432	Đỗ Thị Thương Huyền	Nữ	05/11/1985	Phố Hạ Sơn, Thanh Sơn, Phú Thọ	
1405	LS-5433	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	20/12/1989	Thôn Nà Chảo, Xã Chợ Mới, Thái Nguyên	
1406	LS-5434	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	05/08/1999	Thôn Vũ Hạ, xã Phụ Dực, Hưng Yên	
1407	LS-5435	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	12/02/1989	Trần Phú, Hoàng Mai, Hà Nội	
1408	LS-5436	Hán Thanh Huyền	Nữ	06/10/1998	Khu 7, Xã Phù Ninh, Phú Thọ	
1409	LS-5437	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	11/02/1987	Thái Thọ - Hợp Thịnh - Bắc Ninh	
1410	LS-5438	Nguyễn Khánh Huyền	Nữ	11/10/1989	Thôn 4, Xã Hoà Lạc, Thành phố Hà Nội	
1411	LS-5439	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	05/09/1984	Tổ 14, Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội	
1412	LS-5440	Phan Thanh Huyền	Nữ	23/10/1982	Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên	
1413	LS-5441	Phan Thanh Huyền	Nữ	05/08/1980	số 9 ngách 31 ngõ 67 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên,	
1414	LS-5442	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Nữ	23/09/1996	Đường Xương Giang, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc	
1415	LS-5443	Trần Văn Huynh	Nam	09/05/1984	Xóm 6, Ngọc Chi, Vĩnh Thanh, Hà Nội	
1416	LS-5444	Đình Văn Huỳnh	Nam	12/03/1993	Xóm Châm 1 xã Tân Lập - tỉnh Phú Thọ	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1417	LS-5445	Nguyễn Văn Kế	Nam	17/03/1990	Phúc xá , Kiến Hải , Hải phòng	
1418	LS-5446	Cao Văn Khanh	Nam	17/03/1990	TDP Đại Thắng, Phường Nam Đồ Sơn, TP Hải	
1419	LS-5447	Hồ Long Khánh	Nam	25/12/2004	Số 9, Ngách 1, Ngõ 7, Đường Nguyễn Tất Thành,	
1420	LS-5448	Vũ Quốc Khánh	Nam	02/09/1994	Tổ dân phố Vĩnh Khê, Phường An Hải, Thành phố	
1421	LS-5449	Phạm Thị Vân Khánh	Nữ	02/09/1983	Khu 3, xã Tam nông, Phú Thọ	
1422	LS-5450	Nguyễn Duy Khánh	Nam	08/01/2002	Đông Anh, Hà Nội	
1423	LS-5451	Phạm Bá Khánh	Nam	18/08/1991	Thôn Văn Sơn, xã Hợp Tiến, Thanh Hóa	
1424	LS-5452	Nguyễn Duy Khánh	Nam	25/05/1985	Xã Vô Tranh, tỉnh Thái Nguyên	
1425	LS-5453	Nguyễn Kim Khánh	Nam	10/04/1984	Thôn Phụng Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội	
1426	LS-5454	Nghiêm Xuân Khoa	Nam	20/02/2006	P6 B2 tập thể Yên Lãng, phường Đồng Đa, Hà Nội	
1427	LS-5455	Nguyễn Tiến Khôi	Nam	21/11/1983	Liên Nghĩa, Văn Giang, Hưng Yên	
1428	LS-5456	Đỗ Thị Khuyên	Nữ	11/01/1999	TDP Đàm, Phường Phụng Sơn, Bắc Ninh	
1429	LS-5457	Vũ Thị Khuyên	Nữ	19/10/1989	Thôn Đức Nghiêm -Xã Hoàng Văn - Tỉnh Bắc Ninh	
1430	LS-5458	Bùi Đức Kiêm	Nam	02/08/1988	Thị trấn Tô Tề Lỗ Phú Thọ	
1431	LS-5459	Nguyễn Ngọc Kiên	Nam	23/12/1993	Tổ dân phố Thượng 4, Phường Tây Tựu, Thành	
1432	LS-5460	Đặng Đình Kiên	Nam	09/01/1984	Cụm 3, Ô Diên, Hà Nội	
1433	LS-5461	Nguyễn Hoàng Kiên	Nam	15/03/1989	Phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên	
1434	LS-5462	Hà Văn Kiên	Nam	23/06/1990	Phường Quyết Thắng, tỉnh Thái Nguyên	
1435	LS-5463	Trần Văn Kiên	Nam	11/07/1995	Xóm Giai Thành, Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	
1436	LS-5464	Nguyễn Thị Kiều	Nữ	06/04/1992	Vinhomes Smart City Tây Mỗ, Đại Mỗ, Phường	
1437	LS-5465	Lê Quang Kính	Nam	20/12/1987	Khu 3, xã Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ	
1438	LS-5466	Trần Ngọc Lâm	Nam	13/06/1989	Thôn Bến, xã Sóc Sơn, TP Hà Nội	
1439	LS-5467	Đặng Tùng Lâm	Nam	08/03/1995	Đầu Phụng 3 Kiến An Hải Phòng	
1440	LS-5468	Lê Xuân Lâm	Nam	23/05/1994	Thôn Ngô Xá,Xã Ý Yên,Tỉnh Ninh Bình	
1441	LS-5469	Nguyễn Tùng Lâm	Nam	10/11/1985	No05-LK126B khu đất dịch vụ cửa phủ, Hà Đông,	
1442	LS-5470	Ngô Thành Lâm	Nam	16/09/1993	Việt Lập, Tân Yên, Bắc Giang	
1443	LS-5471	Nguyễn Hương Lan	Nữ	13/06/1988	Xóm: nai bản phường kỳ sơn tỉnh phú thọ	
1444	LS-5472	Đoàn Thị Lan	Nữ	17/01/1977	TDP Giá Sơn , Phường Văn Hà, Tỉnh Bắc Ninh	
1445	LS-5473	Nguyễn Thị Lan	Nữ	08/02/2000	Vũ Ninh	
1446	LS-5474	Bùi Thị Lan	Nữ	20/10/1996	Thôn 4,Xã Tân An, Hải Phòng	
1447	LS-5475	Nguyễn Thị Mai Lan	Nữ	25/10/1982	Đường Xuân Thành,Phố Tân Trung,Phường Hoa	
1448	LS-5476	Trịnh Thị Hương Lan	Nữ	18/10/1994	Thôn Phù Chính xã Thổ Tang Tỉnh Phú Thọ	
1449	LS-5477	Nguyễn Ngọc Lan	Nữ	06/05/1994	Thôn Đạt Tiến 2, Thắng Lợi, Thanh Hoá	
1450	LS-5478	Nguyễn Thị Lan	Nữ	10/05/1992	Tổ 2 khu 5B Phường Bãi Cháy, Quảng Ninh	
1451	LS-5479	Vũ Thị Lan	Nữ	19/05/2000	Xóm Tây Nam Phong, X.Nam Đồng, T.Ninh Bình	
1452	LS-5480	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nữ	01/04/1997	Thôn Thống Nhất, Xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá	
1453	LS-5481	Nguyễn Ngọc Lan	Nam	12/10/2003	Việt Tiến, Khoái Châu, Hưng Yên	
1454	LS-5482	Phạm Thị Ngọc Lan	Nữ	21/10/1991	Phan Đình Phùng, Quan Thánh, Hà Nội	
1455	LS-5483	Hoàng Văn Lãng	Nam	29/7/1989	TDP Xê cũ, Phường Chũ, Bắc Ninh	
1456	LS-5484	Phạm Thị Hương Lê	Nữ	25/03/1977	phường Tương Mai, TP Hà Nội	
1457	LS-5485	Cao Thị Ngọc Lê	Nữ	16/02/1986	thôn địch tràng,tuệ tỉnh,tp hải phòng	
1458	LS-5486	Bùi Thị Lệ	Nữ	27/07/1993	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	
1459	LS-5487	Hoàng Thị Liên	Nữ	21/11/1985	Tổ Dân phố Sông Hiến 1, Phường Thục phán,	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1460	LS-5488	Nguyễn Thị Liên	Nữ	28/08/1991	1/32/212 An Đà - Phường Gia Viên - Thành phố	
1461	LS-5489	Phạm Thị Liên	Nữ	16/06/1982	TDP Vân Cốc 3 - P. Nénh - Tỉnh Bắc Ninh	
1462	LS-5490	Trương Thị Liên	Nữ	12/04/1984	Đội 8, Áng Hạ, Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	
1463	LS-5491	Nguyễn Thị Liên	Nữ	26/08/1989	Khu 2 - Thái Lai - Tiến Thắng - Hà Nội	
1464	LS-5492	Nguyễn Thị Liên	Nữ	07/11/1984	Tổ 6, khu phố quang trung 2, phường uông bí,	
1465	LS-5493	Đặng Thị Hương Liễu	Nữ	17/01/1988	Đại Đồng, xã Thiên Lộc, TP Hà Nội	
1466	LS-5494	Hoàng Thị Thúy Liễu	Nữ	19/07/1982	Căn L1 2516 tòa Landmark, kdt Ecopark, xã	
1467	LS-5495	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	14/12/2003	Tổ dân phố Trù 4, phường Đông Ngạc, thành phố	
1468	LS-5496	Tô Hải Linh	Nữ	23/07/1993	Căn hộ chung cư số 1526 - Tòa U39.1(SA3), Lô	
1469	LS-5497	Đinh Thị Diệu Linh	Nữ	25/01/2001	21 Ngõ 189 Nguyễn Ngọc Vũ, Trung Hòa, Cầu	
1470	LS-5498	Nông Thị Linh	Nữ	14/08/1997	Thôn Mực Lạn, Xã Tân Quang, Tỉnh Tuyên Quang	
1471	LS-5499	Phạm Mai Linh	Nữ	04/02/2004	Thôn An Từ, xã Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng	
1472	LS-5500	Nguyễn Thị Linh	Nữ	23/08/1986	TDP Cáo Đình 2, Phường Xuân Đình, TP Hà Nội	
1473	LS-5501	Cung Thuý Linh	Nữ	24/05/1989	210 - D1 Tập thể 8/3, phường Bạch Mai, thành phố	
1474	LS-5502	Nguyễn Diệu Linh	Nữ	06/03/1998	Xóm Mòng, xã Lương Sơn, Tỉnh Phú Thọ	
1475	LS-5503	Nguyễn Vũ Thùy Linh	Nữ	03/06/1995	20 Quán Sứ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	
1476	LS-5504	Nguyễn Thị Ái Linh	Nữ	30/06/1994	Trại Chuối, Hồng Bàng, Hải Phòng	
1477	LS-5505	Vũ Khánh Linh	Nữ	19/10/1992	Tổ 1, Phúc Lợi, Hà Nội	
1478	LS-5506	Nguyễn Chính Linh	Nam	19/04/1999	thôn 2 Cẩm Giang, Hải Phòng	
1479	LS-5507	Nguyễn Thị Linh	Nữ	08/05/1970	TDP Tân Nhuệ,Đông Ngạc,Hà Nội	
1480	LS-5508	Nguyễn Tường Linh	Nam	13/08/1979	Số 151,Đường 422B Thôn Kim Hoàng,Xã Sơn	
1481	LS-5509	Nông Bảo Linh	Nữ	15/03/2001	Thục Phán, Cao Bằng	
1482	LS-5510	Phạm Ngọc Linh	Nữ	08/12/1993	số 9 đường Điện Biên, tổ 4, P. Tô Hiệu, Tỉnh Sơn	
1483	LS-5511	Nguyễn Thị Chúc Linh	Nữ	03/03/1987	Cổ Diên, Vĩnh Thanh, Hà Nội	
1484	LS-5512	Nguyễn Thị Hoài Linh	Nữ	16/06/1998	Khu phố Thanh Bình, xã Yên Thủy, tỉnh Phú Thọ	
1485	LS-5513	Đặng Ái Linh	Nam	27/08/1997	Khu 6 , Xã Hoài Đức , Thành phố Hà Nội	
1486	LS-5514	Trần Thị Ngọc Loan	Nữ	01/02/1990	Khu 17, Xã Tu Vũ, Phú Thọ	
1487	LS-5515	Nguyễn Phương Loan	Nữ	2/1/1985	Ngõ Quyền ,Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	
1488	LS-5516	Nguyễn Thị Loan	Nữ	15/08/1973	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	
1489	LS-5517	Phạm Thị Loan	Nữ	10/10/1970	Xã Thái Thụy,Tỉnh Hưng Yên	
1490	LS-5518	Triệu Xuân Lợi	Nam	12/09/1995	Thôn Thượng Yên, xã Sông Lô, tỉnh Phú Thọ	
1491	LS-5519	Trần Đức Long	Nam	12/02/1976	Thôn Cây,Xã Kép,Tỉnh Bắc Ninh	
1492	LS-5520	Nguyễn Phi Long	Nam	29/05/1993	Hiệp Hòa , Bắc Ninh	
1493	LS-5521	Bùi Anh Long	Nam	07/05/1987	Đô Tân, xã Trung Giã, Hà Nội	
1494	LS-5522	Nguyễn Văn Long	Nam	24/07/1988	Tổ 4, Phú Lương, Hà Nội	
1495	LS-5523	Hoàng Hải Long	Nam	05/08/1999	thôn Trung Vương, xã Châu Ninh, tỉnh Hưng Yên	
1496	LS-5524	Nguyễn Văn Long	Nam	26/05/1996	Liêm Hà, Ninh Bình	
1497	LS-5525	Lê Thành Long	Nam	22/04/2005	Yên Mạc, Yên Mô, Ninh Bình	
1498	LS-5526	Đỗ Phi Long	Nam	20/07/2002	Phố Bông Lau 2, Khối 7, Phường Kỳ Lừa, Tỉnh	
1499	LS-5527	Đinh Văn Lư	Nam	14/02/1983	Thái Lai, Kim Anh, Hà Nội	
1500	LS-5528	Lê Thị Lụa	Nữ	18/02/1987	TDP Trại Thượng, phường Tân An, tỉnh Bắc Ninh	
1501	LS-5529	Phạm Đình Luân	Nam	21/09/2003	TDP Minh Phượng - Phường Yên Dũng - Tỉnh Bắc	
1502	LS-5530	Đinh Đức Luận	Nam	29/07/1987	Thôn 2 Bồ Đề, Xã Bình Giang, Ninh Bình	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1503	LS-5531	Nguyễn Văn Luận	Nam	09/03/1974	Số 14, Trần Quang Khải, 5, tổ 6 P Bắc Giang, BN	
1504	LS-5532	Nông Văn Lực	Nam	10/05/1997	Xóm Khâu Giáo 2, Xã Phú Thịnh, Thái Nguyên	
1505	LS-5533	Hoàng Đức Lương	Nam	06/10/2001	Thôn Hoàng Văn Thụ, xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	
1506	LS-5534	Bùi Thị Lương	Nữ	09/01/1981	TDP Thủy Sơn 7- Phường Thủy Nguyên- Thành	
1507	LS-5535	Ninh Văn Lưu	Nam	05/11/1974	Khu 7, Xã Tam Nông, Phú Thọ	
1508	LS-5536	Lê Thị Luyến	Nữ	21/01/1977	Thôn Hồng Thái, Lạc Hồng, Văn Lâm, Hưng Yên	
1509	LS-5537	Nguyễn Thị Luyến	Nữ	28/09/1979	số 5, ngách 9/14, ngõ 160, đường Phan Trọng Tuệ,	
1510	LS-5538	La Văn Luyến	Nam	10/06/1980	Xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên	
1511	LS-5539	Nguyễn Trung Luyện	Nam	02/07/1988	Khu Suối Nai, Xã Võ Miếu, Tỉnh Phú Thọ	
1512	LS-5540	Bùi Thị Luyện	Nữ	29/09/1983	Đồng Tâm,Xã Ba Vì,Hà Nội	
1513	LS-5541	Phạm Hương Ly	Nữ	15/12/2002	17/169 cụm 1 phường gia viên hải phòng	
1514	LS-5542	Bùi Khánh Ly	Nữ	08/12/1998	Ứng Hòa, Hà Nội	
1515	LS-5543	Trịnh Thị Lưu Ly	Nữ	19/06/1994	Chi Lăng, Lạng Sơn	
1516	LS-5544	Khuất Thị Thu Lý	Nữ	29/09/1998	Cầm Bào, Thạch Thất, Hà Nội	
1517	LS-5545	Nguyễn Thị Mai	Nữ	01/11/1990	Thôn Cầm La, xã Quyết Thắng, thành phố Hải	
1518	LS-5546	Nguyễn Thị Mai	Nữ	21/01/1988	An Lư, Thủy Nguyên, Hải Phòng	
1519	LS-5547	Nguyễn Thị Mai	Nữ	27/06/1990	TDP Hoà Đình, Phường Vô Cường, Tỉnh Bắc Ninh	
1520	LS-5548	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Nữ	25/10/1987	Biều Đa - An Khánh - Hải Phòng	
1521	LS-5549	Sầm Thị Mai	Nữ	06/02/1984	TDP Đồng Quán,Xã Bồ Hạ ,Tỉnh Bắc Ninh	
1522	LS-5550	Phan Thanh Mai	Nữ	05/07/1990	Tổ 1, P.Việt Hưng, Hà Nội	
1523	LS-5551	Hà Thị Ngọc Mai	Nữ	20/03/1994	Thôn 5, xã Hồi Xuân, tỉnh Thanh Hóa	
1524	LS-5552	Nguyễn Thị Hiền Mai	Nữ	30/05/1997	KP Bắc Sơn 4, Vàng Danh, Quảng Ninh	
1525	LS-5553	Nguyễn Hiền Mai	Nữ	29/09/1990	Xã Văn Hán, tỉnh Thái Nguyên	
1526	LS-5554	Đồng Thanh Mai	Nữ	25/04/1981	Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	
1527	LS-5555	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Nữ	30/03/1992	Phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	
1528	LS-5556	Trịnh Thị Mai	Nữ	07/06/1992	Xóm Đồi Thôn Chi Nê, Xã Phú Nghĩa, Thành phố	
1529	LS-5557	Nguyễn Thị Tương Mai	Nữ	19/09/1984	16 Hàng Quạt, Hoàn Kiếm, Hà Nội	
1530	LS-5558	Trần Thị Mãi	Nữ	12/12/1983	Tdp số 14 phường Hải Dương, TP Hải Phòng	
1531	LS-5559	Lò Đức Mạnh	Nam	01/01/1983	P2508 CC Hồng Hà 89 Thịnh Liệt, Phường Hoàng	
1532	LS-5560	Triệu Đức Mạnh	Nam	20/12/1989	Xã Cai Kinh, tỉnh Lạng Sơn	
1533	LS-5561	Đinh Quang Mạnh	Nam	28/03/1984	Đào Xá, Thanh Thủy, Phú Thọ	
1534	LS-5562	Vũ Thế Mạnh	Nam	27/04/1990	Tổ 1 An Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh	
1535	LS-5563	Nguyễn Duy Mạnh	Nam	14/10/1995	Đội 6, khu 9, Bồng Mạc, Yên Lãng, Hà Nội	
1536	LS-5564	Trương Văn Mạnh	Nam	03/05/1965	Tổ 15 Khu 5B Quang Trung, TP. Uông Bí, Quảng	
1537	LS-5565	Lê Văn Mạnh	Nam	20/05/1983	Thôn áng thượng,xã hồn sơn,TP Hà Nội	
1538	LS-5566	Kiều Ngọc Mậu	Nam	20/04/1978	Khu 1, Bảo Yên, Thanh Thủy, Phú Thọ	
1539	LS-5567	Trần Thị Mến	Nữ	02/12/1978	57 tổ 7 cam lộ Hùng Vương Hồng Bàng Hải Phòng	
1540	LS-5568	Hoàng Thị Mến	Nữ	16/04/2001	Thôn Tảng Mật, Xã Tân Thành, tỉnh Lạng Sơn	
1541	LS-5569	Nguyễn Thị Mến	Nữ	11/12/1987	Thôn 5 , Xã Bất Bạt, Hà Nội	
1542	LS-5570	Đặng Thị Mến	Nữ	02/10/1976	Số 3, ngách 281/95 Trương Định, Phường Tương	
1543	LS-5571	Phùng Thị Mến	Nữ	09/07/1994	Tổ dân phố bảy-phường nển-tỉnh Bắc ninh	
1544	LS-5572	Lê Thị Mến	Nữ	04/10/1983	Nam Từ Liêm, Hà Nội	
1545	LS-5573	Hoàng Đức Minh	Nam	18/11/1975	1909 cc Bách Việt, P Dĩnh Kế, tp BG	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1546	LS-5574	Trịnh Công Minh	Nam	29/01/2003	Đội 1, Thôn Thị Đức, xã Trường Tân, Hải Phòng	
1547	LS-5575	Lại Văn Minh	Nam	01/06/1999	tổ 6 , phường Phù Vân, tỉnh Ninh Bình	
1548	LS-5576	Đặng Ngọc Minh	Nam	23/02/1987	KP 6 Cẩm Giang, Đồng Nguyên, Bắc Ninh	
1549	LS-5577	Phạm Thị Tiến Minh	Nữ	13/02/1984	Tổ 87, phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	
1550	LS-5578	Lành Đức Minh	Nam	01/04/1996	Hoàng Đồng, Lạng Sơn, Lạng Sơn	
1551	LS-5579	Phạm Thị Minh	Nữ	02/07/1991	Dân Tiến, Nam Đồ Sơn, Hải Phòng	
1552	LS-5580	Nguyễn Thị Minh	Nữ	22/08/1983	3236 hh4b BD Linh Đàm ,Hoàng Liệt ,TP Hà Nội	
1553	LS-5581	Nguyễn Thị Minh	Nữ	25/08/1985	Thôn Phúc Đức, Xã Quốc Oai, TP Hà Nội	
1554	LS-5582	Tạ Ngọc Minh	Nam	22/02/1988	Số 632/6 Tổ Dân Phố 8, Phường Dương Nội,	
1555	LS-5583	Đồng Công Minh	Nam	21/08/1995	2/35 Đặng Kim Nở , An Biên , Hải Phòng	
1556	LS-5584	Nguyễn Thị Hồng Minh	Nữ	16/11/1970	Thôn Hộ Đội 1,Xã Thái Thụy,Tỉnh Hưng Yên	
1557	LS-5585	Lê Đình Minh	Nam	10/09/1985	Căn hộ N24-11 CC The One Residence, KđtC2,	
1558	LS-5586	Bùi Vũ Tài Minh	Nam	06/05/1981	TDP 12, Phường Xuân Phương, HN	
1559	LS-5587	Lê Hữu Minh	Nam	15/05/1985	Hh1a linh đàm hoàng liệt hoàng mai Hà Nội	
1560	LS-5588	Cao Quang Minh	Nam	13/10/2001	Thôn Hồng Hà, Mậu A, Lào Cai	
1561	LS-5589	Đinh Thị Mơ	Nữ	06/07/1987	P205 nhà F1 TT C/ty Xà Phòng Hà Nội, phường	
1562	LS-5590	Nguyễn Thị Mừng	Nữ	20/11/2004	Mão Điền, Thuận Thành, Bắc Ninh	
1563	LS-5591	Phạm Trà My	Nữ	21/07/1993	14 Ngô Quyền, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	
1564	LS-5592	Chu Thị My	Nữ	08/07/1992	TDP Phố Sắn, xã Thạch Thất, Hà Nội	
1565	LS-5593	Lê Thị My	Nữ	29/02/1992	Thôn Trung Xã Hải Lựu Tỉnh Phú Thọ	
1566	LS-5594	Cao Huyền My	Nữ	30/07/1990	31 Nguyễn Sơn, Long Biên, Hà Nội	
1567	LS-5595	Vũ Trà My	Nữ	04/12/1997	Xóm Tây Nam Phong, X.Nam Đồng, T.Ninh Bình	
1568	LS-5596	Ngô Hà My	Nữ	18/05/1992	Xã Trung Giã, Hà Nội	
1569	LS-5597	Nguyễn Thị My	Nữ	24/04/1995	Khu Đồng Phong - xã Thanh Sơn - tỉnh Phú Thọ	
1570	LS-5598	Lê Thị Mỹ	Nữ	01/11/1981	Thôn Đại - Xã Phụng Công - Tỉnh Hưng Yên	
1571	LS-5599	Bùi Thị Mỹ	Nữ	23/12/1985	TDP Đặng Hải 9 , phường Hải An , TP Hải Phòng	
1572	LS-5600	Lê Hà Nam	Nam	10/09/1991	TDP Khánh thịnh , P Hồng An , TP Hải Phòng	
1573	LS-5601	Nguyễn Văn Nam	Nam	30/04/1999	Thôn Đô Tân, xã Trung Giã, Hà Nội	
1574	LS-5602	Đỗ Văn Nam	Nam	04/02/1988	Hải An, Hải Phòng	
1575	LS-5603	Vũ Thanh Nam	Nam	04/12/1995	Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên	
1576	LS-5604	Nguyễn Nhật Nam	Nam	06/10/1989	TDP SỐ 1, XUÂN PHƯƠNG, NAM TỪ LIÊM,	
1577	LS-5605	Phạm Văn Nam	Nam	07/11/2002	CH03 N4 Ttqđ Bđ 11 Phường Khương Đình	
1578	LS-5606	Luyện Giang Nam	Nam	26/06/1996	phường Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh	
1579	LS-5607	Châu Quốc Nam	Nam	03/04/1991	TDP số 2, Mễ Trì Thượng, Từ Liêm, Hà Nội	
1580	LS-5608	Nguyễn Thị Năm	Nữ	15/09/1993	Thôn Sơn Đình 1, xã Bảo Đài, tỉnh Bắc Ninh	
1581	LS-5609	Nguyễn Minh Nàn	Nữ	28/12/1987	15/100 Tiên Phong phường Hải An thành phố hải	
1582	LS-5610	Phạm Thị Nga	Nữ	19/07/1999	Thôn Làng Trù, Xã Nông Cống, Tỉnh Thanh Hoá	
1583	LS-5611	Nguyễn Quỳnh Nga	Nữ	05/07/1991	Số 18 ngõ 4 Đồng Xa, Phú Diễn, Hà Nội	
1584	LS-5612	Nguyễn Thị Nga	Nữ	28/10/1986	Tổ 1A, Hưng Đạo, Hải Phòng	
1585	LS-5613	Nguyễn Thị Bích Nga	Nữ	13/08/1993	Xóm 4 thôn An Từ, Xã Tiên Lãng, TP Hải Phòng	
1586	LS-5614	Đỗ Thị Nga	Nữ	10/10/1994	Thôn Đạt Tiến 2, Thắng Lợi, Thanh Hoá	
1587	LS-5615	Trịnh Thị Thanh Nga	Nữ	16/01/1985	Khâm Thiên, Văn Miếu- Quốc Tử Giám, Hà Nội	
1588	LS-5616	Nguyễn Thị Nga	Nữ	10/09/1986	5H/19, ngõ 110 Thanh Bình, Tổ 9 Mộ Lao, Hà	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1589	LS-5617	Đinh Thị Nga	Nữ	06/02/1990	Thôn 4, Lý Thường Kiệt, Ninh Bình	
1590	LS-5618	Nguyễn Thị Nga	Nữ	27/11/1988	TDP Văn Giang, Thị Trấn Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà	
1591	LS-5619	Đinh Thị Nga	Nữ	26/05/1983	TDP Tân Lập , Phường Nam Triệu ,Thành Phố Hải	
1592	LS-5620	Nguyễn Văn Ngà	Nam	02/06/1987	Lục Nam, Bắc Ninh	
1593	LS-5621	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	25/12/1981	Tổ 4 Linh Sơn, Thái Nguyên	
1594	LS-5622	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	08/01/1992	Tiểu khu 3, Phù Yên, Sơn La	
1595	LS-5623	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	14/11/1982	Số 1 ngách 1 ngõ 81 Điện Biên Phủ, phường Hồng	
1596	LS-5624	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	10/10/2003	Trung Tâm, Bản Lầu, Lào Cai	
1597	LS-5625	Hoàng Thị Ngân	Nữ	09/10/2003	Thường Tín, Hà Nội	
1598	LS-5626	Nguyễn Thị Ngát	Nữ	14/12/1988	Thôn Mục Uyên 2 -Hạ Bằng - Hà Nội	
1599	LS-5627	Nguyễn Thị Ngát	Nữ	08/06/1978	52B Trung Hành, Trung Hành 5, Phường Hải An,	
1600	LS-5628	Hoàng Thị Ngát	Nữ	24/12/1994	Xã Tuấn Đạo, tỉnh Bắc Ninh	
1601	LS-5629	Âu Văn Nghị	Nam	25/09/1976	Xóm La Giang, xã Quang Sơn, tỉnh Thái Nguyên	
1602	LS-5630	Đỗ Phan Nghĩa	Nam	24/06/1984	94E Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, thành phố	
1603	LS-5631	Hà Trọng Nghĩa	Nam	12/12/1990	Đoài Phương, Hà Nội	
1604	LS-5632	Dương Văn Nghiệp	Nam	11/01/1988	Xã Phú Bình, Thái Nguyên	
1605	LS-5633	Phùng Thị Ngoan	Nữ	20/06/1988	Đoan Xá 3, xã Kiến Hải, Hải Phòng	
1606	LS-5634	Nguyễn Thị Hồng Ngoan	Nữ	20/12/1990	Thôn Năng Tĩnh, Nam Cường, Thanh Hoá	
1607	LS-5635	Bùi Thị Ngoan	Nữ	08/10/1987	Lập lễ Thuỷ nguyên Hải Phòng	
1608	LS-5636	Lương Đình Ngọc	Nam	20/08/1993	Thôn Phúc A xã Mao Điền Tp Hải Phòng	
1609	LS-5637	Phạm Thị Minh Ngọc	Nữ	19/09/1984	Sở Thượng, tổ 26, Phường Yên Sở , Thành phố Hà	
1610	LS-5638	Đào Thị Bích Ngọc	Nữ	27/06/1991	Phù Long 2,Long Xuyên,Phúc Thọ,Hà Nội	
1611	LS-5639	Vũ Văn Ngọc	Nam	02/11/1980	Thôn Sỏi Cầu,Xã Đường An,TP Hải Phòng	
1612	LS-5640	Lê Minh Ngọc	Nam	11/09/1995	Thôn Tây Trại Xã Xuân Lãng Tỉnh Phú Thọ	
1613	LS-5641	Nguyễn Thị Như Ngọc	Nữ	26/02/1992	Thôn Đát Tiến 2, Thắng Lợi, Thanh Hoá	
1614	LS-5642	Phạm Bá Ngọc	Nam	30/12/1987	Khu Phố, Xã Thanh Thủy, Tỉnh Phú Thọ	
1615	LS-5643	Nguyễn Viết Ngọc	Nam	23/09/1987	Khu 6, xã Thanh Thủy, Phú Thọ	
1616	LS-5644	Nguyễn Bá Ngọc	Nam	27/12/1989	Toà S203 Vinhomes Smart City Tây Mỗ- Nam từ	
1617	LS-5645	Nguyễn Minh Ngọc	Nữ	10/11/1992	Tdp 3 Tiên, Xã Yên Lạc, Tỉnh Phú Thọ	
1618	LS-5646	Phạm Bá Ngọc	Nam	28/08/1987	TDP Tân Nhượng, Phường Đông Ngạc, TP Hà Nội	
1619	LS-5647	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	19/01/1990	thôn 7 xã suối hai thành phố Hà Nội	
1620	LS-5648	Lê Như Ngọc	Nữ	07/12/1985	209 Bạch Mai phường Bạch Mai Hà Nội	
1621	LS-5649	Phạm Văn Ngọc	Nam	27/07/1991	Đội 6 thôn Phong Cầu 2, xã Kiến Minh, Hải Phòng	
1622	LS-5650	Lê Thị Bích Ngọc	Nữ	04/05/1980	Cụm 4 đồng kê đan phượng hà nội	
1623	LS-5651	Phạm Bích Ngọc	Nam	15/03/1991	CH 2705 S2 Sunshine City KĐT Ciputra	
1624	LS-5652	Nguyễn Quốc Ngữ	Nam	16/10/2002	Thôn Làng Chải, Xã Khánh Hoà, tỉnh Lào Cai	
1625	LS-5653	Nguyễn Thị Nguyên	Nữ	15/08/1982	Đan Phượng, Hà Nội	
1626	LS-5654	Ngô Thị Nguyệt	Nữ	10/7/1986	Hương Sơn Hợp Thịnh Bắc Ninh	
1627	LS-5655	Nguyễn Minh Nguyệt	Nữ	16/09/1990	Thôn Ngô Xá , Xã Phật Tích, Tỉnh Bắc Ninh	
1628	LS-5656	Nguyễn Thị Lan Nguyệt	Nữ	08/09/2000	Xóm 6, Thôn Đoan Nữ, Hồng Sơn, Hà Nội	
1629	LS-5657	Vũ Thúy Nguyệt	Nữ	27/08/1989	CH 7.04 Chung cư Hera, Phường Hồng Bàng, TP.	
1630	LS-5658	Sín Thị Nguyệt	Nữ	27/05/2001	Đường Minh Khai, Tổ dân phố 19, Phường Hà	
1631	LS-5659	Nguyễn Thanh Nhã	Nữ	07/11/1991	Phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1632	LS-5660	Nguyễn Quý Nhâm	Nam	11/02/1983	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	
1633	LS-5661	Vũ Thị Nhan	Nữ	28/08/2984	Hoà Nghĩa, Dương Kinh, Hải Phòng	
1634	LS-5662	Hồ Thị Nhân	Nữ	06/08/1986	Nhã Nam, Bắc Ninh	
1635	LS-5663	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Nữ	07/05/1985	TDP Hoàng Mai Phường An Hải TP Hải Phòng	
1636	LS-5664	Đỗ Thị Nhẫn	Nữ	04/02/1984	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	
1637	LS-5665	Lê Xuân Nhất	Nam	20/07/2006	Khu Phú Xuân - xã Hùng Việt - tỉnh Phú Thọ	
1638	LS-5666	Nguyễn Thị Nhu	Nữ	24/12/1992	Lương Sơn _Phú Nghĩa_ Hà Nội	
1639	LS-5667	Lê Thị Nhu	Nam	19/07/1994	TDP Phú Mỹ 1, Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	
1640	LS-5668	Đỗ Thị Quỳnh Như	Nữ	08/01/2007	Tòa nhà D11 - Đô thị mới Cầu giấy, 90 Trần Thái	
1641	LS-5669	Phạm Thị Nhuận	Nữ	21/07/1982	Tổ dân phố số 1, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà	
1642	LS-5670	Bùi Thị Nhung	Nữ	24/02/1996	Xóm Côm, xã Yên Thủy, tỉnh Phú Thọ	
1643	LS-5671	Phạm Thị Nhung	Nữ	09/06/1977	Thôn Thanh Huệ Trại, xã Đa Phúc, TP Hà Nội	
1644	LS-5672	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	06/07/1992	Đại Phúc, Thái Nguyên	
1645	LS-5673	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	05/04/2001	TDP Quảng Mô, Lạng Giang, Bắc Ninh	
1646	LS-5674	Đàm Thị Hồng Nhung	Nữ	26/08/1979	Tổ 4 Linh Sơn, Thái Nguyên	
1647	LS-5675	Hoàng Thị Nhung	Nữ	14/04/1997	TDP Quyết Thắng, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc	
1648	LS-5676	Trần Thị Hồng Nhung	Nữ	10/10/1986	Hà Nội - Hợp Thịnh- Bắc Ninh	
1649	LS-5677	Phạm Thị Kim Nhung	Nữ	20/01/1984	Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	
1650	LS-5678	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	03/03/1991	Khu Quyết Tiến - Xã Cự Đồng - Tỉnh Phú Thọ	
1651	LS-5679	Lê Thị Nhung	Nữ	18/10/1992	Tổ 81 Hòa Minh Liên Chiêu Đà Nẵng	
1652	LS-5680	Nguyễn Thị Trang Nhung	Nữ	17/08/2003	Tân Thịnh- Mậu A- Lào Cai	
1653	LS-5681	Lê Thị Nhung	Nữ	24/02/1998	Tổ 10A, Khu 1, Cao Xanh, Quảng Ninh	
1654	LS-5682	Hà Duy Ninh	Nam	23/06/1989	Tổ 28, Cầu Giấy, Hà Nội	
1655	LS-5683	Nguyễn Đức Ninh	Nam	04/05/1986	Tổ 29 ,phường Long Biên,Hà Nội	
1656	LS-5684	Trần Văn Ninh	Nam	20/11/1989	Đại Lâm, xã Tam Đa, Tỉnh Bắc Ninh	
1657	LS-5685	Hoàng Thị Nội	Nữ	12/09/1991	Dương Đông, Trà Giang, Hưng Yên	
1658	LS-5686	Hoàng Thị Hồng Nương	Nữ	04/10/1977	Tổ 1, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	
1659	LS-5687	Bùi Thị Kim Oanh	Nữ	17/10/1985	Tiểu khu 14, xã Lương Sơn, tỉnh Phú Thọ	
1660	LS-5688	Vũ Thị Oanh	Nữ	12/05/1993	Thôn Nghèo, xã Tuấn Đạo, tỉnh Bắc Ninh	
1661	LS-5689	Vũ Thị Oanh	Nữ	19/02/1991	Thôn chi mai , xã mao diên , thành phố hải phòng	
1662	LS-5690	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	05/10/1985	Từ Sơn, Bắc Ninh	
1663	LS-5691	Đỗ Thị Kiều Oanh	Nữ	16/01/2000	TDP trại 1, phường phượng sơn-Bắc Ninh	
1664	LS-5692	Lưu Thị Oanh	Nữ	24/04/1997	Thôn Cốc Thành Đông, xã Đồng Thịnh, Ninh Bình	
1665	LS-5693	Nông Kiều Oanh	Nữ	09/12/1993	Lương Văn Tri, Lạng Sơn	
1666	LS-5694	Nguyễn Thị Thảo Oanh	Nữ	13/01/1993	La Thạch -Liên Minh- Hà Nội	
1667	LS-5695	Dương Văn Pha	Nam	10/05/1993	Cường Tráng, Trung Kênh, Bắc Ninh	
1668	LS-5696	Hoàng Văn Phong	Nam	15/05/1988	Thôn Đông Tác Xã Kiến Hải Thành Phố Hải Phòng	
1669	LS-5697	Bùi Tiên Phong	Nam	22/10/1981	Phố Hoà Bình, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình	
1670	LS-5698	Vũ Thành Phong	Nam	24/11/1999	Hồng Vũ, tỉnh Hưng Yên	
1671	LS-5699	Nguyễn Đức Phong	Nam	12/12/1991	Khu 5 (thuộc xã An Đạo cũ), Xã Bình Phú, Tỉnh	
1672	LS-5700	Bùi Văn Phong	Nam	02/02/1995	Thôn 4 Giang Biên, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	
1673	LS-5701	Lê Ngọc Vương Phong	Nam	11/08/1993	Thôn Ngọc Sơn, xã Tổng Sơn, tỉnh Thanh Hóa	
1674	LS-5702	Nguyễn Thị Phú	Nữ	20/08/1983	xã Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1675	LS-5703	Vàng A Phùa	Nam	17/02/1998	Tả Lềng, Lai Châu	
1676	LS-5704	Nguyễn Văn Phúc	Nam	21/03/1992	Thôn 4 xã Vĩnh Thuận thành phố Hải Phòng	
1677	LS-5705	Nguyễn Xuân Phúc	Nam	10/12/1986	Khu 4, Xã Đào Xá, Phú Thọ	
1678	LS-5706	Nguyễn Ngọc Phúc	Nam	08/04/2006	240 Ngõ Gia Tự, TDP Đ2 Cát Bi, Hải An, Hải	
1679	LS-5707	Hoàng Văn Phúc	Nam	25/12/1994	La Thạch, Xã Liên Minh, Thành Phố Hà Nội	
1680	LS-5708	Nguyễn Cao Phúc	Nam	27/06/1962	6 Ngõ 185 Khâm Thiên, Văn Miếu - Quốc Tử	
1681	LS-5709	Nguyễn Văn Phúc	Nam	21/12/2000	TDP Minh Khai 1, Phường Chũ, Bắc Ninh	
1682	LS-5710	Nguyễn Minh Phụng	Nam	14/01/1983	Thôn thạch thán 1 xã quốc oai hà nội	
1683	LS-5711	Vũ Xuân Phước	Nam	22/03/1979	TDP 2, KDT Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	
1684	LS-5712	Lê Thị Phương	Nữ	22/02/2002	Tổ 3b, khu 1, phường Bãi Cháy, Quảng Ninh	
1685	LS-5713	Nguyễn Thị Thu Phương	Nữ	20/03/1989	Khu Quang Trung 2, Xã Phú Khê, Tỉnh Phú Thọ	
1686	LS-5714	Dương Thị Thu Phương	Nữ	24/05/2000	TDP Bắc Am, Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	
1687	LS-5715	Nguyễn Đức Phương	Nam	05/02/1987	Đồng Nguyên, Tỉnh Bắc Ninh	
1688	LS-5716	Nguyễn Huy Phương	Nam	01/01/1991	Tam Tảo, Tiên Du, Bắc Ninh	
1689	LS-5717	Nguyễn Thị Thanh Phương	Nữ	29/06/1984	Tổ 40, phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	
1690	LS-5718	Giang Thanh Phương	Nữ	05/02/2000	Mông Phụ, Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	
1691	LS-5719	Phạm Huyền Phương	Nam	01/01/1979	Khu 12, Xã Đào Xá, Phú Thọ	
1692	LS-5720	Nguyễn Thị Phương	Nữ	25/1/1990	Thôn Tân Thê, Xã Ngọc Thiện, Bắc Ninh	
1693	LS-5721	Trần Phương	Nam	21/11/1992	Phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên	
1694	LS-5722	Thiều Thị Phương	Nữ	13/04/1968	Số nhà 29 đường Hưu trung 7 Thôn 3 xã Liên	
1695	LS-5723	Nguyễn Thị Thu Phương	Nữ	20/08/1984	Nhà số 10 ngõ 17 đường Tăng Thiết Giáp, TDP	
1696	LS-5724	Đặng Thị Phương	Nữ	04/09/1989	Khu 1, Phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng	
1697	LS-5725	Lê Thị Lan Phương	Nữ	15/01/1985	Tổ 5 Phường Xuân Hoà tỉnh Phú Thọ	
1698	LS-5726	Vương Thị Phương	Nữ	08/03/1987	Xóm Núi, Thôn 4, Cộng Hoà, Quốc Oai, Hà Nội	
1699	LS-5727	Lê Thị Phương	Nữ	10/03/1987	Thôn Mẫn Xá, Xã Văn Môn, Tỉnh Bắc Ninh	
1700	LS-5728	Đinh Thị Bích Phương	Nữ	30/07/1985	Khu 10, xã Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ	
1701	LS-5729	Nguyễn Minh Quân	Nam	19/11/2004	Nguyễn Doãn Dịch, Bắc Giang, Bắc Ninh	
1702	LS-5730	Nguyễn Đình Quang	Nam	08/11/1977	Thôn Đặng Giang, Xã Hòa Xá, HN	
1703	LS-5731	Vũ Văn Quang	Nam	28/08/1984	Thanh Lâm, Ninh Bình	
1704	LS-5732	Trần Duy Quang	Nam	20/02/1994	HH3C Linh Đàm Hoàng Liệt Hoàng Mai Hà Nội	
1705	LS-5733	Vũ Minh Quang	Nam	14/01/2002	Thôn Hòa Loan, xã Nguyễn Lương Bằng, Hải	
1706	LS-5734	Tạ Vinh Quang	Nam	25/09/1995	TDP Công Hà, Song Liễu, Bắc Ninh	
1707	LS-5735	Phạm Hải Quang	Nam	28/10/1993	Hoàng Xá, Kiều Ky, Gia Lâm	
1708	LS-5736	Bùi Văn Quý	Nam	24/04/1988	SN 06, Ngách 1, ngõ 126 đường Đào Sư Tích, P.	
1709	LS-5737	Vũ Văn Quý	Nam	03/07/1993	Tổ DP1, Lê Ích Mộc, Hải Phòng	
1710	LS-5738	Nguyễn Văn Quý	Nam	04/06/1997	P Bắc Giang, Bắc Ninh	
1711	LS-5739	Lê Thị Quyên	Nữ	23/05/1979	Tổ 13, P.Long Biên, Hà Nội	
1712	LS-5740	Lê Thị Minh Quyên	Nữ	02/06/1998	Xóm 5 Thôn Diệm Xuân, xã Vĩnh Thành, Phú Thọ	
1713	LS-5741	Dương Thị Quyên	Nữ	28/10/1998	P Bắc Giang, Bắc Ninh	
1714	LS-5742	Đinh Công Quyền	Nam	03/12/1991	53 tổ 5, Văn Miếu Quốc Tử Giám, Hà Nội	
1715	LS-5743	Phùng Thế Quyền	Nam	17/12/1989	Thôn 3, xã Hạ Bằng, Hà Nội	
1716	LS-5744	Lương Văn Quyền	Nam	30/10/1988	TDP Mỹ Điện, Phường Nénh, Tỉnh Bắc Ninh	
1717	LS-5745	Nguyễn Văn Quyết	Nam	07/06/1986	TDP Râm - Phường Tự Lạn - Tỉnh Bắc Ninh	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1718	LS-5746	Nguyễn Thúy Quỳnh	Nữ	02/08/1998	39 Ngõ Quỳnh, Phường Bạch Mai, Thành Phố Hà	
1719	LS-5747	Vũ Thị Quỳnh	Nữ	17/01/2000	Hương Thân, Hương Sơn, Lạng Giang, Bắc Ninh	
1720	LS-5748	Hoàng Văn Quỳnh	Nam	18/07/1987	Nam Phù, Hà Nội	
1721	LS-5749	Bùi Vĩ Quỳnh	Nam	26/03/1975	Số 1 ngõ 36 Phạm Huy Quang, Trần Lâm, Hưng	
1722	LS-5750	Phạm Như Quỳnh	Nữ	25/11/1997	Thôn 6 Phường Kim Thanh Tỉnh Ninh Bình	
1723	LS-5751	Phạm Thị Quỳnh	Nữ	27/07/1991	Tổ 28, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	
1724	LS-5752	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	08/02/1989	Căn hộ 8A12A Tòa S4.03 (L35.1), ô đất F4- CH01	
1725	LS-5753	Phạm Viết Sáng	Nam	01/10/1982	Thôn Vân Đoài, Xã Chấn Hưng, Thành phố Hải	
1726	LS-5754	Nguyễn Thị Soài	Nữ	02/06/1983	Xóm 5-Thôn Đoan Nữ., An Mỹ, Mỹ Đức, Hà Nội	
1727	LS-5755	Lương Trường Sơn	Nam	27/02/1997	Thôn Vinh Quang, Xã Tân Quang, Tỉnh Tuyên	
1728	LS-5756	Hoàng Sơn	Nam	11/08/1997	Xóm Phố, xã La Hiên, Thái Nguyên	
1729	LS-5757	Phạm Hoàng Sơn	Nam	07/04/1999	ấp suối trâu 3, Bình Sơn, Long Thành , Đồng Nai	
1730	LS-5758	Nguyễn Minh Sơn	Nam	25/09/1992	Tân Chi, Bắc Ninh	
1731	LS-5759	Mai Văn Sơn	Nam	27/12/1993	Từ Đông, Yên Mỹ, Hưng Yên	
1732	LS-5760	Nguyễn Văn Sơn	Nam	06/04/1991	Căn hộ 1514, CT3, khu nhà ở Bộ Tư lệnh Thủ đô	
1733	LS-5761	Lê Ngọc Sơn	Nam	14/07/1993	Trai túc như quỳnh hưng yên	
1734	LS-5762	Trần Khắc Sơn	Nam	16/02/1994	Thôn Đai, Xã Quảng Ninh, Tỉnh Thanh Hóa	
1735	LS-5763	Nguyễn Đức Sơn	Nam	19/12/1981	Thôn Lởi, Thuận An, Hà Nội	
1736	LS-5764	Nguyễn Văn Sơn	Nam	08/03/1997	Xóm 11 Thôn Phù Lịch, Xã Vĩnh Lại, Thành Phố	
1737	LS-5765	Nguyễn Thị Sóng	Nữ	18/03/1988	130 đường Hà Huy Tập, Phù Đồng, Hà Nội	
1738	LS-5766	Lê Đình Sự	Nam	14/05/1981	Thôn Hoàn, Đồng Tâm, Mỹ Đức, Hà Nội	
1739	LS-5767	Phạm Anh Tài	Nam	29/11/1987	Vạn Yên, Phường Trần Hưng Đạo, Hải Phòng	
1740	LS-5768	Nguyễn Tấn Tài	Nam	19/07/1996	Phúc Lộc 1 , Phường Hưng Đạo , Thành Phố Hải	
1741	LS-5769	Nguyễn Mạnh Tài	Nam	02/02/2001	Châu Phong, Thư Lâm, Hà Nội	
1742	LS-5770	Nguyễn Thị Khánh Tâm	Nữ	27/08/2005	Thôn 9, Quý Lộc, Thanh Hoá	
1743	LS-5771	Lương Văn Tâm	Nam	27/03/1987	Xóm Đồng Mản, xã Định Hóa, Thái Nguyên	
1744	LS-5772	Đoàn Đức Tâm	Nam	20/11/1983	Tổ dân phố Đình, phường Hoà Bình, Tp Hải Phòng	
1745	LS-5773	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Nữ	15/12/1988	Thôn Lạc Trung- Xã Vĩnh Tường-Tỉnh Phú Thọ	
1746	LS-5774	Phạm Thị Tâm	Nữ	06/02/1979	An Bình, Phú Thọ	
1747	LS-5775	Phạm Ngọc Tân	Nam	12/09/1981	31.16 hh3b Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hà Nội	
1748	LS-5776	Trần Duy Thái	Nam	17/08/1989	Thôn Nam , xã ĐỒNG VIỆT, Tỉnh Bắc Ninh	
1749	LS-5777	Nguyễn Hoàng Thái	Nam	13/03/1993	Cầm Phả, Quảng Ninh	
1750	LS-5778	Nguyễn Thị Thắm	Nữ	07/02/1984	Tdp Bùi , phường Mỹ hảo , Hưng Yên	
1751	LS-5779	Nguyễn Thị Thắm	Nữ	10/12/1987	Thôn Phụng, Thượng Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	
1752	LS-5780	Nguyễn Thị Thắm	Nữ	21/01/1988	Thôn Đào Xá,Xã Chương Dương,TP Hà Nội	
1753	LS-5781	Hồ Thị Thắm	Nữ	23/09/1991	Phú Ninh-Kim Anh-Hà Nội	
1754	LS-5782	Ngô Văn Thắng	Nam	17/08/1990	Tổ 32 phường Long Biên Thành phố Hà Nội	
1755	LS-5783	Nguyễn Anh Thắng	Nam	01/12/1993	2/250 PL, TDP P.Lưu 8, Đông Hải 1, Hải An, Hải	
1756	LS-5784	Nguyễn Minh Thắng	Nam	01/10/2005	Đại Trà Hồng, xã Kiến Minh, Hải Phòng	
1757	LS-5785	Nguyễn Tất Thắng	Nam	15/06/1980	Khu 6, Xã Tam Nông, Phú Thọ	
1758	LS-5786	Nguyễn Duy Thắng	Nam	29/05/1990	Quỳnh ĐỘ, Bắc Lũng, Bắc Ninh	
1759	LS-5787	Bùi Việt Thắng	Nam	22/01/1990	Thôn Đồng Rôi xã Kiến Hưng thành phố Hải Phòng	
1760	LS-5788	Nguyễn Tất Thắng	Nam	24/02/1984	Khu 2 Sơn thủy thanh thủy Phú thọ	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1761	LS-5789	Đỗ Mạnh Thắng	Nam	15/07/1995	131 lê lợi ,phường Gia Viên , thành phố Hải Phòng	
1762	LS-5790	Hoàng Văn Thắng	Nam	18/02/1986	Thôn Cầu Mới, xã Ngọc Thiện ,tỉnh Bắc Ninh	
1763	LS-5791	Nguyễn Hữu Thắng	Nam	14/11/1991	Phường Viên 4, Sơn Đồng, Hà Nội	
1764	LS-5792	Trần Việt Thắng	Nam	19/05/2003	50/622/17/15 Hà Huy Tập, xã Phù Đồng, thành	
1765	LS-5793	Nguyễn Tiến Thặng	Nam	10/06/1989	TDP. Yên Sơn, P.Chương Mỹ, Hà Nội	
1766	LS-5794	Đình Công Thanh	Nam	10/09/1984	thôn Tuân Lễ, xã phúc Thịnh, thành phố Hà Nội	
1767	LS-5795	Đỗ Thị Thanh	Nữ	14/06/1981	Chung Cư CT4,Xã Thiên Lộc,Hà Nội	
1768	LS-5796	Nguyễn Sỹ Thanh	Nam	22/08/1986	Hoài Thi, Liên Bảo, Bắc Ninh	
1769	LS-5797	Đỗ Chí Thanh	Nam	21/08/1993	Sơn Thủy, Thanh Thủy, Phú Thọ	
1770	LS-5798	Đình Thị Phương Thanh	Nữ	17/02/1992	Thôn Đồng Quán- Xã Hương Cầm - Tỉnh Phú thọ.	
1771	LS-5799	Bùi Thị Thanh	Nữ	04/01/1986	Như Phượng Thượng, Nghĩa Trụ, Hưng Yên	
1772	LS-5800	Nguyễn Thị Huyền Thanh	Nữ	06/02/1971	Xóm chợ Bình Minh Hà nội	
1773	LS-5801	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	24/06/1988	Lại Xuân 11 -Xã Việt Khê- TP Hải Phòng	
1774	LS-5802	Nguyễn Chí Thanh	Nam	18/07/1999	TDP Dụ Nghĩa 3, Phường An Phong, Thành Phố	
1775	LS-5803	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	10/09/1991	Khu Phố 4, xã Thiệu Hóa, Thanh Hóa	
1776	LS-5804	Đình Thị Thanh	Nữ	14/10/1994	Thanh Cao, Thanh Oai, Hà Nội	
1777	LS-5805	Phạm Công Thành	Nam	17/10/1998	Thôn Trung, Cát Thành, Ninh Bình	
1778	LS-5806	Lê Văn Thành	Nam	05/04/1982	Ngõ 165 Dương Quảng Hàm, tổ 23, phường Nghĩa	
1779	LS-5807	Nguyễn Đình Thành	Nam	05/07/1988	Khu đô thị mới An Hưng, Phường Dương Nội,	
1780	LS-5808	Hồ Long Thành	Nam	27/10/1992	Tổ 9 Cụm 4, Phường Khương Đình, Thành phố Hà	
1781	LS-5809	Đỗ Văn Thành	Nam	08/12/1980	Thôn liên binh xã tam dương tỉnh phú thọ	
1782	LS-5810	Nguyễn Trung Thành	Nam	06/10/2001	sn 109A Tổ 7,TT Yên Minh,Hà Giang	
1783	LS-5811	Trương Sỹ Thành	Nam	27/02/1986	Tổ 2 phường Hòa Bình, Phú Thọ	
1784	LS-5812	Hoàng Thị Lan Thành	Nữ	01/08/1981	SN 46a, P Vũ Ninh, BN	
1785	LS-5813	Mai Tiến Thành	Nam	07/07/1980	Tổ 5 Phường Long Biên, Hà Nội	
1786	LS-5814	Nguyễn Văn Thành	Nam	11/04/1991	Số 69 tổ 3 phường Từ Liêm TP Hà Nội	
1787	LS-5815	Bùi Duy Thành	Nam	21/12/1990	Thôn Kỳ Sơn 5, Xã Việt Khê, Thành Phố Hải	
1788	LS-5816	Mai Văn Thành	Nam	08/03/1989	P107-B8 Phường nghĩa đô, hà nội	
1789	LS-5817	Phạm Quốc Thành	Nam	19/07/1974	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	
1790	LS-5818	Lê Ngọc Thao	Nam	08/04/1993	P Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh	
1791	LS-5819	Nguyễn Tiến Thao	Nam	25/11/1985	Đan Phượng, Hà Nội	
1792	LS-5820	Trương Thu Thảo	Nữ	14/10/1991	Tổ dân phố Ý La 2, phường Minh Xuân, tỉnh	
1793	LS-5821	Phạm Thị Thu Thảo	Nữ	21/10/1992	Số 46/126 Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành	
1794	LS-5822	Lưu Thị Thảo	Nữ	20/09/1989	1801 ct7 Booyoung, mỗ lao, hà đông, hà nội	
1795	LS-5823	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	26/10/1983	phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh	
1796	LS-5824	Hoàng Thị Thảo	Nữ	24/05/1985	Hữu Trung, Đại Thanh, Hà Nội	
1797	LS-5825	Bùi Thị Thanh Thảo	Nữ	16/12/1984	HH3A Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hà Nội	
1798	LS-5826	Phí Thị Thu Thảo	Nữ	31/08/1996	Đồng Trục, Thạch Thất, Hà Nội	
1799	LS-5827	Dương Thị Thơm Thảo	Nữ	25/07/1989	Thôn Yên Kiêu Xã Sông Lô Tỉnh Phú Thọ	
1800	LS-5828	Trần Thị Bích Thảo	Nữ	22/11/1989	Tổ 35 Long Biên, Hà Nội	
1801	LS-5829	Lê Thị Thu Thảo	Nữ	26/11/2003	Thôn Cát Lợi, Hợp Tiến, Thanh Hóa	
1802	LS-5830	Đoàn Thị Thảo	Nữ	23/06/1986	12/125/6 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	
1803	LS-5831	Nguyễn Bích Thảo	Nữ	23/09/1993	46Đ ngõ Thổ Quan, Đống Đa, Hà Nội	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1804	LS-5832	Phạm Thị Thảo	Nữ	28/11/1992	Kiến Hải, Hải Phòng	
1805	LS-5833	Đỗ Thị Thảo	Nữ	01/01/1990	Thôn Lại Xuân 4 - xã Việt Khê - thành phố Hải	
1806	LS-5834	Bùi Thị Thảo	Nữ	17/06/1989	Cụm 7, Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	
1807	LS-5835	Phạm Văn Thảo	Nam	31/01/1989	Phong Cầu 1 , xã Kiến Minh , thành phố Hải Phòng	
1808	LS-5836	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	15/06/1984	Phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội	
1809	LS-5837	Cần Thị Thảo	Nữ	18/09/1997	TDP Vĩnh Thịnh Tây Phường Vĩnh Phúc Tỉnh Phú	
1810	LS-5838	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	18/02/1990	Phượng Nghĩa, phường Chương Mỹ, Hà Nội	
1811	LS-5839	Vũ Phương Thảo	Nam	12/09/2001	Tổ dân phố 17 Đại Mỗ, Hà Nội	
1812	LS-5840	Nguyễn Văn Thế	Nam	25/09/1988	Tổ Dân Phố Hà, Phường Tự Lạn, Tỉnh Bắc Ninh	
1813	LS-5841	Trần Thị Thế	Nữ	04/02/1989	Tổ 24 phường Quan Triều, Thái Nguyên	
1814	LS-5842	Nguyễn Bá Thêu	Nam	04/04/1977	Thôn Bắc Hưng ,Xã Chấn Hưng ,Thành Phố Hải	
1815	LS-5843	Nguyễn Thị Thi	Nữ	25/05/1995	Thôn Om Làng , xã Cao Dương , tỉnh Phú Thọ	
1816	LS-5844	Bùi Thị Thi	Nữ	08/09/1984	Tổ 17 phú Diễn TP Hà Nội	
1817	LS-5845	Nguyễn Văn Thiết	Nam	27/01/1982	Số 41, Ngõ 37, Tổ 2, Xã Phúc Thọ, Hà Nội	
1818	LS-5846	Phạm Quang Thịnh	Nam	08/04/1986	Tổ 6, phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên	
1819	LS-5847	Trần Xuân Thịnh	Nam	27/05/1987	Tổ 2, Phường Tương Mai, Hà Nội	
1820	LS-5848	Trần Thị Thịnh	Nữ	21/12/1991	Dương Tảo, Xã Hồng Vân, Hà Nội	
1821	LS-5849	Nguyễn Duy Thịnh	Nữ	13/08/1983	Sáp Mai, Vồng La, Đông Anh, Hà Nội	
1822	LS-5850	Nguyễn Văn Thọ	Nam	16/02/1985	Thôn An Trạch Xã Hoàng Hoa Thám Tỉnh Hưng	
1823	LS-5851	Nguyễn Thị Kim Khoa	Nữ	09/02/1980	Long Biên, Hà Nội	
1824	LS-5852	Nguyễn Thị Thoa	Nữ	07/07/1991	Kỳ Sơn 5,xã Việt Khê,Hải Phòng	
1825	LS-5853	Nguyễn Thị Thơm	Nữ	24/10/1994	Trạm, Long Biên, Hà Nội	
1826	LS-5854	Lê Thị Thơm	Nữ	10/07/1992	Phù Yên, Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	
1827	LS-5855	Nguyễn Thị Thơm	Nữ	24/12/1992	Tổ 15 Khu 5B Quang Trung, TP. Uông Bí, Quảng	
1828	LS-5856	Bùi Văn Thu	Nam	10/01/1987	Xóm Rú Giữa - xã Cao Phong - tỉnh Phú Thọ	
1829	LS-5857	Hà Thị Diệu Thu	Nữ	10/02/1993	Đồng Tâm , Đồng Liên, Thái Nguyên	
1830	LS-5858	Mai Thị Thu	Nữ	24/06/1981	CH 1132 HH1B Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hà Nội	
1831	LS-5859	Nguyễn Thị Thu	Nữ	10/06/1987	Kiến Hưng, Hà Nội	
1832	LS-5860	Nguyễn Duy Thu	Nam	25/04/1993	Thôn 2 Du Lễ xã Nghi Dương Hải Phòng	
1833	LS-5861	Phạm Đức Thuận	Nam	19/11/2000	Thôn Hà Dương Nghĩa Châu, xã Nghĩa Hưng,	
1834	LS-5862	Nguyễn Đức Thuận	Nam	04/08/1982	thôn Phù Xá, xã Văn Môn, tỉnh Bắc Ninh	
1835	LS-5863	Phạm Văn Thuận	Nam	25/02/1994	P1809 Chung cư Phenikaa, Thôn 1, xã Hoà Lạc,	
1836	LS-5864	Nghiêm Thị Thương	Nữ	29/07/1985	Đông Hải 1, Hải An, Hải Phòng	
1837	LS-5865	Lê Thị Thương	Nữ	05/03/1983	Phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	
1838	LS-5866	Nguyễn Thị Thương	Nữ	10/04/1991	Phù Yên - Phú Nghĩa - Hà Nội	
1839	LS-5867	Phạm Xuân Thương	Nam	19/06/1984	Xóm Hải Hùng,Xã Giao Phúc,Tỉnh Ninh Bình	
1840	LS-5868	Đặng Thị Thuý	Nữ	16/04/1993	Nhân Hữu, Nhân Thắng, Gia Bình, Bắc Ninh	
1841	LS-5869	Nguyễn Thị Thuý	Nữ	16/07/1981	Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hà Nội	
1842	LS-5870	Nguyễn Thị Thuý	Nữ	09/07/1984	Tdp Rúp phường Hoà bình tp Hải Phòng	
1843	LS-5871	Dương Thị Thu Thuý	Nữ	08/08/1996	Bán Khe Ngọn, Xã Xuân Lương, Tỉnh Bắc Ninh	
1844	LS-5872	Phạm Thị Thuý	Nữ	14/07/1985	Châu Phong Thư lâm Hà Nội	
1845	LS-5873	Đỗ Thị Thu Thuý	Nữ	05/02/1989	Căn hộ 1504 tòa CT2 - 105(HPC Landmark 105) -	
1846	LS-5874	Ngô Thị Thuý	Nữ	23/07/1983	Thôn Tân Sơn xã hợp thịnh tỉnh Bắc ninh	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1847	LS-5875	Trần Thị Thuỷ	Nữ	07/03/1985	Tdp Bãi Cát, phường Thuỷ Nguyên, Hải Phòng	
1848	LS-5876	Lê Thị Thuỷ	Nữ	13/08/1987	Phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên	
1849	LS-5877	Nguyễn Thị Thuỷ	Nữ	12/08/1991	Căn hộ i5.3205A Toà Z38.1 (i5 Imperia Smart	
1850	LS-5878	Trần Thị Thu Thuỷ	Nữ	18/03/1981	Tổ dân phố Hàm Long- phường Thuỷ Nguyên- Hải	
1851	LS-5879	Nguyễn Văn Thuỷ	Nam	25/09/1980	Khu phố Thống Nhất, xã Yên Thủy, tỉnh Phú Thọ	
1852	LS-5880	Phạm Thị Thúy	Nữ	05/10/1983	Tổ 10,Xã Thụ Lâm,TP Hà Nội	
1853	LS-5881	Nguyễn Phương Thúy	Nữ	03/10/1982	12 Cổng Ô,Sơn Tây,Hà Nội	
1854	LS-5882	Đỗ Thị Minh Thúy	Nữ	10/04/1997	TDP Đồng Nhất Bình Nguyên Phú Thọ	
1855	LS-5883	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	05/08/1995	Quỳnh ĐỘ, Bắc Lũng, Bắc Ninh	
1856	LS-5884	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	22/12/1992	p Đa Mai, Tỉnh bắc Ninh	
1857	LS-5885	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	04/05/1979	Tổ 24, phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	
1858	LS-5886	Trần Thị Minh Thúy	Nữ	29/07/1996	Căn hộ 2903 toà s205 Tdp 09, phường tây mỗ,tp	
1859	LS-5887	Dương Thị Vân Thùy	Nữ	27/10/1986	Tổ 6, phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên	
1860	LS-5888	Dương Thị Thùy	Nữ	23/05/1994	Xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình	
1861	LS-5889	Hoàng Thị Thủy	Nữ	19/05/1991	Cầm Khê 'Phú Thọ	
1862	LS-5890	Đỗ Thị Thủy	Nữ	19/10/1992	Thôn Đồng Cà xã Đạo Trù Tỉnh Phú Thọ	
1863	LS-5891	Nguyễn Thanh Thủy	Nữ	26/12/1984	Tổ 94, phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	
1864	LS-5892	Đỗ Thị Thủy	Nữ	22/01/1986	Nội Ninh, P Vân Hà, BN	
1865	LS-5893	Trương Khắc Thủy	Nam	17/03/1989	Thôn Đông Tân, xã Hoàng Thanh, Thanh Hóa	
1866	LS-5894	Ngô Thị Thủy	Nữ	26/09/1986	Tổ 4, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	
1867	LS-5895	Phạm Thanh Thủy	Nữ	22/09/1983	Thôn Dịch Trong,Xã Liên Minh,TP Hà Nội	
1868	LS-5896	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	15/08/1988	Thôn Đĩa,Xã Phúc Thịnh,Hà Nội	
1869	LS-5897	Nguyễn Hà Cẩm Thủy	Nữ	17/09/1984	CH203, TN 29 - 29A Ngõ 228 Lê Trọng Tấn,	
1870	LS-5898	Cao Duy Tiên	Nam	23/06/1996	TDP Quý Dũng Sơn, Xã Giao Ninh, Ninh Bình	
1871	LS-5899	Phạm Thị Tiên	Nữ	15/08/1985	TDP 3, Phường Nam Triệu, TP Hải Phòng	
1872	LS-5900	Nguyễn Minh Tiến	Nam	17/01/2002	Số 181, Sáp Mai, Thiên Lộc, Đông Anh, Hà Nội	
1873	LS-5901	Nguyễn Ngọc Tiến	Nam	05/01/1988	TDP Thượng, phường Tự Lạn, tỉnh Bắc Ninh	
1874	LS-5902	Trịnh Văn Tiến	Nam	16/02/1984	Xóm Đắc Khang - Xã Đồng Thịnh - tỉnh Ninh Bình	
1875	LS-5903	Đặng Văn Tiến	Nam	14/02/1988	Thôn Thọ Vực,Xã Hòa Xá,Thành Phố Hà Nội	
1876	LS-5904	Nguyễn Đức Tiến	Nam	23/11/1977	Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên	
1877	LS-5905	Trần Thanh Tiến	Nam	15/11/1993	Căn hộ 298A toà R1.05 Vinhomes Ocean Park Gia	
1878	LS-5906	Hoàng Minh Tiền	Nam	09/04/1982	Thôn la thạch xã liên minh thành phố hà nội	
1879	LS-5907	Lê Huy Tình	Nam	25/01/1988	Thôn Trung Thanh Lang 3, Xã An Hưng, Thành	
1880	LS-5908	Vũ Thị Tình	Nữ	21/05/1985	Tổ 14,Phường Minh Xuân,Tỉnh Tuyên Quang	
1881	LS-5909	Lê Văn Tĩnh	Nam	08/08/1993	Phúc Lộc, Tường Lưu, Hà Tĩnh	
1882	LS-5910	Tổng Văn Tịnh	Nam	10/04/1991	Xã Thanh Trì,Thành Phố Hà Nội	
1883	LS-5911	Nguyễn Đình Tịnh	Nam	19/06/1984	Hương Vân, Tân Chi, Bắc Ninh	
1884	LS-5912	Đặng Huy Toàn	Nam	06/12/1984	18A5/18/282 Đà Nẵng Phường Ngô Quyền Thành	
1885	LS-5913	Lê Văn Toàn	Nam	14/07/1985	TDP Phúc Long, Phường Nễnh, Tỉnh Bắc Ninh	
1886	LS-5914	Trần Công Toàn	Nam	24/12/1985	Tổ dân phố 5, phường Mộc Châu, Sơn La	
1887	LS-5915	Nguyễn Văn Toàn	Nam	15/06/1991	Lạng Côn Hải, xã Kiến Minh, Hải Phòng	
1888	LS-5916	Bùi Đình Toàn	Nam	04/08/1989	TDP 10, Vinhomes Tây Mỗ, Hà Nội	
1889	LS-5917	Hoàng Đình Toàn	Nam	09/09/1985	Xóm mậu thìn. Thôn mậu an. Xã Cẩm Giàng. Tp	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1890	LS-5918	Cù Xuân Toàn	Nam	26/09/1989	A1.22.10 Vinhomes Gardenia, TDP 16, phường	
1891	LS-5919	Nguyễn Văn Tòng	Nam	29/09/1983	P.410 - Chung cư Z125 - Khu 2 - Xã Nội Bài - Tp	
1892	LS-5920	Nông Thị Trà	Nữ	05/12/1997	thôn Đồng Mới, xã Tân Yên, tỉnh Bắc Ninh	
1893	LS-5921	Hoàng Thị Trà	Nữ	21/11/1990	An Châu 1, Mỏ Chè, Sông Công, Thái Nguyên	
1894	LS-5922	Vì Hoàng Thu Trà	Nữ	10/07/2000	SN 16 Phố Vườn Đào, tổ 5 khu 3 Bãi Cháy, Quảng	
1895	LS-5923	Vũ Thị Vĩnh Trà	Nữ	02/03/1975	Sn 14, xóm 6, Ngải Cầu, An Khánh, Hà Nội	
1896	LS-5924	Hoàng Văn Trãi	Nam	22/12/1992	Thôn Giang Tây, xã Quảng Bình, Thanh Hoá	
1897	LS-5925	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	26/04/2002	Thanh Nê, xã Phú Nghĩa, Thành phố Hà Nội	
1898	LS-5926	Nguyễn Thị Trang	Nữ	17/12/1992	Tổ 3, vịnh quang 2, mạo khô, quảng ninh	
1899	LS-5927	Đinh Thị Kiều Trang	Nữ	14/10/1990	Tổ 5,Cự Khối,Long Biên,Hà Nội	
1900	LS-5928	Nguyễn Huyền Trang	Nữ	23/02/1990	phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh	
1901	LS-5929	Nguyễn Thị Hoài Trang	Nữ	25/02/1984	5A11 tòa A6, CC An Bình City, TDP Hoàng 21,	
1902	LS-5930	Đặng Đài Trang	Nữ	25/05/1990	TDP Hán Lũ, Phường Vĩnh Phúc, Tỉnh Phú Thọ	
1903	LS-5931	Nguyễn Thị Trang	Nữ	30/08/1995	Thôn Phố Xã Tam Dương Tỉnh Phú Thọ	
1904	LS-5932	Đặng Thị Kiều Trang	Nữ	25/12/1987	SN 05 tổ 9B, phường Đức Xuân, tỉnh Thái Nguyên	
1905	LS-5933	Dương Thị Trang	Nữ	25/04/1995	Xóm Rô, Xã Diềm Thụy, Thái Nguyên	
1906	LS-5934	Dương Văn Trang	Nam	01/12/1976	Xóm Thái An, Xã Phú Lương, Thái Nguyên	
1907	LS-5935	Trịnh Thị Anh Trang	Nữ	31/10/1994	Khu Cống 1, xã Cẩm Khê, Phú Thọ	
1908	LS-5936	Lê Thu Trang	Nữ	07/05/1991	Kiến Hưng, Hà Nội	
1909	LS-5937	Đỗ Thị Trang	Nữ	15/10/1992	Thôn 1 xã Kiến Hải, Hải Phòng	
1910	LS-5938	Hoàng Huyền Trang	Nữ	07/08/1988	Khâu Giáo 2, Phú Thịnh, Thái Nguyên	
1911	LS-5939	Nguyễn Thu Trang	Nữ	03/10/2003	Thôn 5, X.Hung Vũ, Hưng Yên	
1912	LS-5940	Đỗ Thị Thu Trang	Nữ	26/03/1996	khu 24, Xã Vạn Xuân, tỉnh Phú Thọ	
1913	LS-5941	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	23/10/1987	Số 18,Nghách 161, Ngõ Quang Thịnh,Phường	
1914	LS-5942	Chu Thị Thu Trang	Nữ	19/08/1989	phường Tam Thanh, Lạng Sơn	
1915	LS-5943	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	08/09/1989	P2805 CT1, Dự án Khu nhà ở Hoàng Mai, Yên Sở,	
1916	LS-5944	Ngô Văn Trang	Nữ	24/04/1988	Đinh Đồng, Hợp Thịnh, Bắc Ninh	
1917	LS-5945	Nguyễn Thu Trang	Nữ	30/06/1985	Xóm Đình, Đại Phúc, Thái Nguyên	
1918	LS-5946	Ong Thị Thu Trang	Nữ	17/01/2002	TDP1, phường Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh	
1919	LS-5947	Luyện Thị Thu Trang	Nữ	06/12/1989	phường Bắc Giang, Bắc Ninh	
1920	LS-5948	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	11/07/1988	Thôn Hồng Phong,Xã Lạc Thủy,Tỉnh Phú Thọ	
1921	LS-5949	Đặng Quỳnh Trang	Nam	21/01/1990	Ch E3.20.3, The Emerald, Ct8 Kdtm Mỹ Đình -	
1922	LS-5950	Nguyễn Thu Trang	Nam	31/08/1980	Tổ 5 - Cụm Đức Giang, Việt Hưng, Hà Nội	
1923	LS-5951	Nguyễn Thị Trang	Nữ	17/04/1988	Khu Thượng, Hạp Lĩnh, Bắc Ninh	
1924	LS-5952	Lê Văn Triển	Nam	14/03/1978	Tổ dân phố mánh - phường thủy nguyên - Hải	
1925	LS-5953	Bùi Văn Triu	Nam	22/08/1987	Thôn Kim Bôi, xã Nam Tiên Hưng, tỉnh Hưng Yên	
1926	LS-5954	Lại Văn Trọng	Nam	12/08/1989	Thôn 5,Xã Rạng Đông,Tỉnh Ninh Bình	
1927	LS-5955	Bùi Đức Trọng	Nam	21/08/1986	Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	
1928	LS-5956	Lê Thành Trung	Nam	14/03/1980	Tòa nhà D11- Khu đô thị mới Cầu giấy, 90 Trần	
1929	LS-5957	Nguyễn Thành Trung	Nam	08/05/1986	P1414, HH01B, TDP 1 Thanh Hà, Bình Minh, Hà	
1930	LS-5958	Phạm Bảo Trung	Nam	23/09/1993	Lê Chân, Hải Phòng	
1931	LS-5959	Nguyễn Ngọc Trung	Nam	25/11/1991	30 Tổng Duy Tân, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	
1932	LS-5960	Trịnh Quang Trung	Nam	18/05/1993	Thôn Đại Lộ, xã Hồng Vân, Hà Nội	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1933	LS-5961	Nguyễn Tiến Trung	Nam	28/07/1996	Can hộ 3703, HH3 (G3), Vinhomes Green Bay, Tổ	
1934	LS-5962	Phan Văn Trung	Nam	08/12/1990	Thái lai kim anh hà nội	
1935	LS-5963	Hoàng Quang Trung	Nam	09/09/1990	Tổ dân phố Pa Khen, phường Thảo Nguyên, tỉnh	
1936	LS-5964	Đoàn Hữu Trường	Nam	26/05/1994	TDP Tiểu Bàng 2, Phường Nam Đồ Sơn, Thành	
1937	LS-5965	Tô Xuân Trường	Nam	06/11/1988	Đường Đồng Cửa 7, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc	
1938	LS-5966	Nguyễn Văn Trường	Nam	06/09/1991	Lục Sơn, Bắc Ninh	
1939	LS-5967	Thân Văn Trường	Nam	23/10/1991	phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh	
1940	LS-5968	Trịnh Duy Trường	Nam	26/05/1989	109A Trường Lâm, Việt Hưng, Hà Nội	
1941	LS-5969	Nguyễn Văn Trường	Nam	08/06/1981	Tổ 4, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	
1942	LS-5970	Lê Văn Trường	Nam	31/01/1991	Phường Thạch Khôi, Hải Phòng	
1943	LS-5971	Vũ Xuân Trường	Nam	01/10/1990	Dương Đông, Trà Giang, Hưng Yên	
1944	LS-5972	Đặng Tiến Tú	Nam	01/08/1992	Tổ 23 cụm 4 Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng	
1945	LS-5973	Nguyễn Văn Tú	Nam	01/12/1991	Thọ Khê, Văn Môn, Bắc Ninh	
1946	LS-5974	Hoàng Văn Tuấn	Nam	04/04/1984	Thôn Lại Xuân 4 - xã Việt Khê - Thành phố Hải	
1947	LS-5975	Trịnh Văn Tuấn	Nam	17/09/1980	Phúc tiến ,bình yên , thạch thất, hà nội (xã hạ bằng	
1948	LS-5976	Nguyễn Bá Tuấn	Nam	29/05/2003	Cung Kiệm Nhân Hòa Bắc Ninh	
1949	LS-5977	Nguyễn Mạnh Tuấn	Nam	10/03/1989	Số 16/16 Lê Hoàn Bạch Đằng, phường Thuỷ	
1950	LS-5978	Vũ Văn Tuấn	Nam	20/01/1988	Kha lâm 3 -phù liên Kiến An Hải Phòng	
1951	LS-5979	Hà Văn Tuấn	Nam	13/08/1990	Lạng Giang, Bắc Ninh	
1952	LS-5980	Trần Anh Tuấn	Nam	30/09/1995	Thôn Cốc Thành Đông, xã Đồng Thịnh, Ninh Bình	
1953	LS-5981	Hầu Văn Tuấn	Nam	12/09/1982	Tổ 3 Linh Sơn, Thái Nguyên	
1954	LS-5982	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	11/08/1981	SN 144, Huyện Quang, BG, Bắc Ninh	
1955	LS-5983	Nguyễn Mạnh Tuấn	Nam	04/02/1991	Số 9, đường 37, tổ 19, Phường Trần Lâm, Hưng	
1956	LS-5984	Đồng Duy Tuấn	Nam	27/04/1996	Thôn 3, Kiến Hải, Hải Phòng	
1957	LS-5985	Tạ Minh Tuấn	Nam	11/02/1986	Khu Bỏ Sơn - Phường Võ Cường - Tỉnh Bắc Ninh	
1958	LS-5986	Vũ Minh Tuấn	Nam	18/06/1994	Tổ Dân Phố Hà Đỗ 1 - Phường An Phong- Thành	
1959	LS-5987	Bùi Văn Tuấn	Nam	19/09/1978	TDP Tân Tiến, phường Bách Quang, Thái Nguyên	
1960	LS-5988	Hoàng Đình Tuấn	Nam	18/09/1986	phường Tam Thanh, Lạng Sơn	
1961	LS-5989	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	05/09/1990	Hai Bà Trưng, Hà Nội	
1962	LS-5990	Chu Văn Tuấn	Nam	12/04/1984	Phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	
1963	LS-5991	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	05/12/1985	Lô E20-N05 KĐT M Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	
1964	LS-5992	Bùi Đức Tuấn	Nam	09/10/1977	Số 1 Nhà Hỏa, Phường Cửa Đông, Hà Nội	
1965	LS-5993	Trương Hữu Tuệ	Nam	20/07/1988	Tổ 6, khu 7, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh	
1966	LS-5994	Trần Thanh Tùng	Nam	10/12/1984	13/211 đường Long Biên tổ 27, phường Bồ Đề, Hà	
1967	LS-5995	Lỗ Bá Tùng	Nam	13/03/1990	Thôn Trung Xã Hải Lựu Tỉnh Phú Thọ	
1968	LS-5996	Nguyễn Văn Tùng	Nam	27/01/1993	Bảo Lộc 2, xã Phúc Lộc, Hà Nội	
1969	LS-5997	Nguyễn Xuân Tùng	Nam	28/12/1989	Thôn 2 xã Tây Phương, Hà Nội	
1970	LS-5998	Đoàn Văn Tùng	Nam	25/12/2004	Thọ Vinh, Kim Động, Hưng Yên	
1971	LS-5999	Nguyễn Viết Tùng	Nam	30/01/1992	Tổ 5, Phú Lương, Hà Nội	
1972	LS-6000	Vi Văn Tùng	Nam	14/11/1991	Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên	
1973	LS-6001	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	18/08/1996	Tổ 3, Khu 7, Bãi Cháy, Quảng Ninh	
1974	LS-6002	Lê Tiến Tùng	Nam	09/12/2005	Số nhà 17 tổ dân phố yên ninh 12 phường yên bá ,	
1975	LS-6003	Nguyễn Vân Tùng	Nam	28/09/1974	P512-B1, phường Láng, Thành phố Hà Nội	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1976	LS-6004	Bùi Thị Tươi	Nữ	01/04/1996	Vật lại, tp Hà Nội	
1977	LS-6005	Lê Thị Tươi	Nữ	18/02/1987	Thôn Nhi- Phúc Thịnh- Hà Nội	
1978	LS-6006	Lê Văn Tường	Nam	23/10/1987	thôn 2 xã vĩnh hưng tỉnh phú thọ	
1979	LS-6007	Nguyễn Đức Tường	Nam	03/09/1991	phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh	
1980	LS-6008	Nguyễn Anh Tuy	Nam	28/08/1983	Tổ 01, Phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội	
1981	LS-6009	Trịnh Tô Tuyên	Nam	24/11/1982	Trường Xuân, Thọ Xuân, Thanh Hóa	
1982	LS-6010	Lương Thị Tuyên	Nữ	28/02/1989	Tân Thắng An Hưng Hải Phòng	
1983	LS-6011	Vũ Văn Tuyền	Nam	22/01/1995	Trung Hậu Đoài, xã Mê Linh, Thành phố Hà Nội	
1984	LS-6012	Nguyễn Thị Tuyền	Nữ	03/07/1988	P Yên Dũng , Tỉnh Bắc Ninh	
1985	LS-6013	Lãnh Thị Kim Tuyền	Nữ	30/10/2001	Xã Biện Động, Bắc Ninh	
1986	LS-6014	Nông Thị Tuyền	Nữ	18/06/1986	Ô Chợ Dừa, Hà Nội	
1987	LS-6015	Nguyễn Thị Tuyền	Nữ	08/12/1983	Cụm 6 xã Đan phượng thành phố hà nội	
1988	LS-6016	Bùi Thế Tuyền	Nam	10/04/1987	Nam Hương 2, Kha Sơn, Thái Nguyên	
1989	LS-6017	Tạ Đình Tuyền	Nam	19/03/1992	Thôn Phúc A Xã Mao Điền Thành Phố Hải Phòng	
1990	LS-6018	Vũ Thị Tuyết	Nữ	28/09/1993	Xóm 11, thôn Vân Nội, xã Việt Tiến, tỉnh Hưng	
1991	LS-6019	Dương Thị Tuyết	Nữ	01/06/1985	TDP Thanh Giã 1 Phường Vĩnh Phúc Tỉnh Phú Thọ	
1992	LS-6020	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	28/05/1983	Xã Phú Thái, Hải Phòng	
1993	LS-6021	Trần Thị Mỹ Tuyết	Nữ	18/07/1982	Đội 3, Thôn Đoài, Xuy Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	
1994	LS-6022	Phạm Thị Tuyết	Nữ	15/07/1984	Thôn phú Hạ - xã Kim Anh - TP Hà Nội	
1995	LS-6023	Lê Thị Tuyết	Nữ	22/01/1997	P1809 Chung cư Phenikaa, Thôn 1, xã Hoà Lạc,	
1996	LS-6024	Vũ Thị Tuyết	Nữ	08/10/1992	Minh Khai 2, Trảng Minh, Kiến An, Hải Phòng	
1997	LS-6025	Trần Thị Tuyết	Nữ	03/03/1985	Phường Cầu Giấy, Hà Nội	
1998	LS-6026	Ngô Thị Út	Nữ	21/10/1984	Thôn Ba Chử, xã Phúc Thịnh, Thành phố Hà Nội	
1999	LS-6027	Phạm Thị Thu Uyên	Nữ	29/12/1999	Thôn Thắng Lợi, xã Giao Thủy, tỉnh Ninh Bình	
2000	LS-6028	Lục Thị Thu Uyên	Nữ	11/03/2001	TDP Như Thiết, Việt Yên, Bắc Ninh	
2001	LS-6029	Nguyễn Thị Tô Uyên	Nữ	24/01/1984	Căn hộ chung cư số 903, Tòa nhà CT2B, Tòa nhà	
2002	LS-6030	Nguyễn Hồng Vân	Nữ	16/06/1985	Tổ dân phố số 5 Hoè Thị, Phường Xuân Phương,	
2003	LS-6031	Phan Thị Thuý Vân	Nữ	28/08/1989	Xóm 6 - xuân trung- xuân trường- nam định	
2004	LS-6032	Nguyễn Thị Vân	Nữ	28/08/1985	Tổ Trường Chinh 1 , Phường Kiến An , Thành Phố	
2005	LS-6033	Nguyễn Thị Vân	Nữ	12/05/1981	Số nhà 525b phù liên Hải Phòng	
2006	LS-6034	Vũ Thị Thanh Vân	Nữ	21/10/1992	Khu Chùa 12,Xã Yên Lập.Tỉnh Phú Thọ	
2007	LS-6035	Cao Thị Vân	Nữ	16/05/1991	Minh Khai 'Phường Vĩnh Tuy 'Hà Nội	
2008	LS-6036	Hoàng Thị Hồng Vân	Nữ	11/12/1978	Đại Cồ Việt ,Phường Bạch Mai, Tp Hà Nội	
2009	LS-6037	Lê Thị Vân	Nữ	06/10/1991	TDP Minh Quyết Phường Vĩnh Phúc Tỉnh Phú Thọ	
2010	LS-6038	Lê Thị Vân	Nữ	05/07/1984	TDP QUYẾT THẮNG _ phường BẠCH ĐẰNG _	
2011	LS-6039	Bùi Quang Vân	Nam	01/12/1966	Phú hoà- Gia Lai	
2012	LS-6040	Nguyễn Văn Vang	Nam	20/06/1979	Thôn hàm sơn, xã yên phong, tỉnh Bắc Ninh	
2013	LS-6041	Lê Thị Viên	Nữ	16/09/1992	Khu 6 Tu Vũ Phú Thọ	
2014	LS-6042	Nguyễn Xuân Viễn	Nam	20/05/1979	Thôn Vân Sa 3, Cổ Đô, TP Hà Nội	
2015	LS-6043	Đỗ Bá Việt	Nam	01/01/1977	Số 06 Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Đồng	
2016	LS-6044	Lã Thị Việt	Nữ	29/11/1982	Thôn Quyết Thịnh xã Hiệp Hoà tỉnh Bắc Ninh	
2017	LS-6045	Nguyễn Văn Việt	Nam	29/04/1985	KĐC Lý Dương, Phường Chí Linh, Hải Phòng	
2018	LS-6046	Trần Văn Việt	Nam	08/11/1980	Xã Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
2019	LS-6047	Mai Văn Việt	Nam	10/05/1986	Tdp Tân Thành, Hải Bình, Thanh Hoá	
2020	LS-6048	Trương Quốc Việt	Nam	14/10/1991	Căn Hộ 617 Toà S202 Vinhomes Ocean Park, Xã	
2021	LS-6049	Bùi Tuấn Việt	Nam	05/02/1998	Đại độ, xã Thiên Lộc, Hà Nội	
2022	LS-6050	Đinh Thị Vinh	Nữ	10/02/1991	Tiên Lục, tỉnh Bắc Ninh	
2023	LS-6051	Đinh Công Vinh	Nam	20/09/2006	Tổ dân phố 3, Phường Yên Thắng, Tỉnh Ninh Bình	
2024	LS-6052	Nguyễn Văn Vinh	Nam	18/01/1985	Tdp A2, phường Lưu Kiếm, Hải Phòng	
2025	LS-6053	Lê Văn Vũ	Nam	22/11/2002	Thôn Làng Đông, Xã Lộc An, Thành Phố Huế	
2026	LS-6054	Trương Xuân Vũ	Nam	02/07/1986	Tổ 7, Phường Phù Vân, Ninh Bình	
2027	LS-6055	Nguyễn Thị Vui	Nam	28/11/1985	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	
2028	LS-6056	Nguyễn Thị Vy	Nữ	01/04/1989	Khu 7 xã đào xá tỉnh Phú thọ	
2029	LS-6057	Nguyễn Thị Xíu	Nữ	05/01/1985	Tổ 12 Phường Long Biên tp Hà Nội	
2030	LS-6058	Đỗ Thị Xoa	Nữ	23/09/1984	TDP Bảo Kiếm _p Nam Triệu _ Hải Phòng	
2031	LS-6059	Đào Văn Xuân	Nam	07/12/1990	Tổ Dân Phố Phương Lung 1, Phường Hưng Đạo,	
2032	LS-6060	Kiều Thị Thanh Xuân	Nữ	11/01/1988	Căn Hộ 1808 - Toà A1 - Chung Cư An Bình City - Khu Dã Thị Thành Phố Gia Lâm - Tổ Dân Phố	
2033	LS-6061	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	20/04/2004	Đồng Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh	
2034	LS-6062	Hồ Thanh Xuân	Nữ	09/04/2002	Thôn Nhuệ Giang, Đào Dương, Ân Thi, Hưng Yên	
2035	LS-6063	Nguyễn Thanh Xuân	Nữ	14/11/1985	B1005 chung cư 283 Khương Trung - khương đình-	
2036	LS-6064	Dương Ngô Xuyên	Nam	25/08/1984	Xóm 8, Thôn Kim Hoàng, Xa Sơn Đồng TP Hà Nội	
2037	LS-6065	Đào Thị Xuyên	Nữ	31/08/1982	Cụm 4 hẻm Long phường thủy nguyên TP Hải	
2038	LS-6066	Vũ Đức Yên	Nam	12/05/1981	Xã Giao Thủy-Ninh Bình	
2039	LS-6067	Đỗ Văn Yên	Nam	29/01/1978	84A ngõ 113 Thái Thịnh, phường Đống Đa, Hà Nội	
2040	LS-6068	Nguyễn Thị Yến	Nữ	04/07/1988	Phố Bãi Nai, phường Kỳ Sơn, Phú Thọ	
2041	LS-6069	Phạm Thị Yến	Nữ	12/03/1994	Phúc xá, Kiến Hải , Hải Phòng	
2042	LS-6070	Dương Xuân Yến	Nữ	22/10/1990	Tiền Môn 2, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh	
2043	LS-6071	Thân Thị Hải Yến	Nữ	12/05/1988	TDP phố Cốc, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh	
2044	LS-6072	Diêm Thị Yến	Nữ	06/06/1984	phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh	
2045	LS-6073	Vũ Thị Yến	Nữ	08/05/1990	Tổ 2, Phường Trần Lâm, Hưng Yên	
2046	LS-6074	Hoàng Bảo Yến	Nữ	09/07/2003	Thôn Đồng La, X.Yên Bình, T.Lạng Sơn	
2047	LS-6075	Trần Thị Yến	Nữ	12/11/1993	Khu 5,Xã Tu Vũ,Tỉnh Phú Thọ	
2048	LS-6076	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	03/02/1996	Số 69 tổ 3 phường Từ Liêm TP Hà Nội	
2049	LS-6077	Trần Thị Hải Yến	Nữ	15/01/1988	Tổ Dân Phố Vĩnh Khê, Phường An Hải, Thành	
2050	LS-6078	Trịnh Thị Hải Yến	Nữ	02/09/1987	Tdp4- phường thiên hương- Hải Phòng	